

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HUỲNH THỊ THANH NGUYỄN

**TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN
THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HUỲNH THỊ THANH NGUYỄN

**TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN
THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM**

**Chuyên
ngành** : Kế toán

Mã số : 60.34.30

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. Trương Bá Thanh

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Huỳnh Thị Thanh Nguyên

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	3
6. Cấu trúc của luận văn	4
7. Tổng quan đề tài	4
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP	6
1.1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN	6
1.1.1. Khái niệm về hệ thống thông tin kế toán	6
1.1.2. Mối quan hệ giữa hệ thống thông tin kế toán với các hệ thống thông tin khác trong doanh nghiệp	8
1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ERP (ENTERPRISE RESOURCE PLANNING)	9
1.2.1. Khái niệm ERP	9
1.2.2. Đặc trưng của phần mềm ERP	10
1.2.3. Tầm quan trọng của phần mềm ERP	11
1.3. TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TRONG DOANH NGHIỆP	13
1.3.1. Đặc điểm của doanh nghiệp thương mại	13
1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ	15

1.3.3. Tổ chức cơ sở dữ liệu và mã hóa dữ liệu	17
1.3.4. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	25
1.3.5. Tổ chức thông tin trong doanh nghiệp	25

1.3.6. Tổ chức hệ thống sổ sách và báo cáo kế toán	30
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	33
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	33
2.1.2. Triết lý kinh doanh, tầm nhìn, sứ mạng	34
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	35
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	36
2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán	39
2.1.6. Các chính sách, quy định về công tác kế toán áp dụng	39
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	40
2.2.1. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin	40
2.2.2. Thực trạng xây dựng hệ thống chứng từ kế toán	43
2.2.3. Thực trạng tổ chức cơ sở dữ liệu và mã hóa dữ liệu	45
2.2.4. Thực trạng tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	48
2.2.5. Thực trạng các quy trình quản lý	49
2.2.6. Thực trạng tổ chức hệ thống báo cáo	61
2.2.7. Thực trạng công tác kiểm soát thông tin	62
2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	65

2.3.1. Ưu điểm của hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim	65
2.3.2. Những tồn tại của hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim	66
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	67

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	68
3.1. CĂN CỨ TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	68
3.2. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	69
3.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại các trung tâm	69
3.2.2. Hoàn thiện tổ chức cơ sở dữ liệu và mã hóa dữ liệu	70
3.2.3. Hoàn thiện tổ chức các quy trình quản lý tại Nguyễn Kim	74
3.2.4. Hoàn thiện kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP	84
3.2.5. Các giải pháp khác	86
3.3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM	87
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	88
KẾT LUẬN	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (bản sao)	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ERP	Enterprise Resource Planning (Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp)
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
Nguyễn Kim	Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim
CSKH	Chăm sóc khách hàng

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Chức năng các phân hệ phần mềm ERP	42
Bảng 2.2	Thực trạng các tập tin danh mục	46
Bảng 2.3	Phân quyền sử dụng các phân hệ phần mềm trên ERP	63
Bảng 2.4	Các thủ tục kiểm soát thông tin tại Nguyễn Kim	64

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Số hiệu hình	Tên hình	Trang
Hình 1.1	Các yếu tố cơ bản của hệ thống thông tin kế toán	7
Hình 1.2	Mối quan hệ giữa hệ thống thông tin kế toán và hệ thống thông tin quản trị	8
Hình 1.3	Các phân hệ trong phần mềm ERP	10
Hình 1.4	Mối quan hệ giữa các bộ phận trong chu trình doanh thu	27
Hình 1.5	Mối quan hệ giữa các bộ phận trong chu trình cung ứng	28
Hình 1.6	Mối quan hệ giữa chu trình chuyển đổi và các chu trình khác	29
Hình 2.1	Tiến trình đưa sản phẩm đến khách hàng	36
Hình 2.2	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Nguyễn Kim	36
Hình 2.3	Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Nguyễn Kim	39
Hình 2.4	Hệ thống các ứng dụng CNTT đang được áp dụng tại NK	41
Hình 2.5	Trình tự lập và luân chuyển chứng từ thu tiền bán hàng tại Nguyễn Kim	44
Hình 2.6	Lưu đồ quy trình bán hàng đối với khách hàng cá nhân	49
Hình 2.7	Mình họa Biên nhận bán lẻ	50
Hình 2.8	Mình họa Hóa đơn GTGT	51
Hình 2.9	Lưu đồ quy trình bán hàng đối với khách hàng doanh nghiệp	52
Hình 2.10	Mối quan hệ giữa các phân hệ phần mềm trong quy trình bán hàng thu tiền	55

Hình 2.11	Lưu đồ quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim	56
Hình 2.12	Lưu đồ quy trình nhân sự, tiền lương tại Nguyễn Kim	58
Hình 2.13	Liên kết số liệu từ các phân hệ khác về sổ cái tổng hợp	60
Hình 3.1	Hoàn thiện bộ máy kế toán tại các trung tâm chi nhánh	70
Hình 3.2	Hoàn thiện quy trình xét duyệt đơn đặt hàng theo hợp đồng	75
Hình 3.3	Sơ đồ dòng dữ liệu trong hệ thống bán hàng, thu tiền	76
Hình 3.4	Hoàn thiện phân hệ phần mềm MAR – Quản trị Marketing	78
Hình 3.5	Hoàn thiện mối quan hệ giữa các phân hệ phần mềm trong quy trình bán hàng thu tiền	79
Hình 3.6	Lưu đồ hoàn thiện quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim	82

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, công nghệ thông tin đang được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, ngành nghề trong đời sống xã hội. Việc ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ góp phần tích cực giúp tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà còn làm thay đổi cả phương thức quản lý, học tập và làm việc của con người cũng như phương thức kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp khai thác tối đa năng lực sản xuất kinh doanh.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng là một xu thế tất yếu của các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế ngày nay. Theo thống kê của Bộ Thông tin và truyền thông năm 2011, tỷ lệ các doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán tăng từ 79% lên 89%, phần mềm văn phòng tăng từ 88% đến 95%. Hầu hết các doanh nghiệp thường sử dụng hệ thống phần mềm đặc thù riêng lẻ phục vụ cho từng bộ phận riêng biệt khác nhau. Các phần mềm này thường không kết nối được với nhau. Để phục vụ nhu cầu quản lý của từng bộ phận, một thông tin có thể được nhập đi nhập lại nhiều lần tại các bộ phận khác nhau. Việc nhập liệu nhiều lần như vậy dễ dẫn đến sai sót đồng thời giảm năng suất làm việc của nhân viên.

ERP là một hệ thống phần mềm tích hợp nhiều phân hệ chức năng cung cấp thông tin cho nhiều đối tượng khác nhau tùy theo nhu cầu và cho phép quản lý nguồn lực tại doanh nghiệp một cách hiệu quả. Khác với các phần mềm kế toán khác, ERP giúp cho công tác kế toán khắc phục được những hạn chế về mặt không gian và cung cấp thông tin nhanh chóng và đáng tin cậy nhờ tính thống nhất của cơ sở dữ liệu. Với tư duy mới, ERP được xem là một giải pháp tối ưu được nhiều doanh nghiệp hiện nay quan tâm.

Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim được thành lập từ năm 1992 với mong muốn trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực bán lẻ và kinh doanh Trung tâm thương mại đã lựa chọn ERP như một công cụ hỗ trợ công ty thực hiện sứ mệnh của mình. Xuất phát từ nhận thức đó, tác giả đã chọn đề tài là **“Tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP tại Công ty cổ phần Thương mại Nguyễn Kim”** làm đề tài luận văn của mình. Đề tài này sẽ đưa ra các phương hướng hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại công ty phù hợp với định hướng ERP để thực hiện sứ mệnh mà công ty đề ra.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài xoay quanh các vấn đề:

- Hệ thống hóa các lý luận về ERP và tổ chức hệ thống thông tin kế toán.

- Phân tích và đánh giá thực trạng ứng dụng ERP vào công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim.

- Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng ứng dụng ERP thành công và tạo ra sự tác động tích cực của ERP đến công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim trên cơ sở ứng dụng phần mềm ERP.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài chỉ giới hạn nghiên cứu tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong lĩnh vực Trading (Kinh doanh trung tâm thương mại điện máy) của Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng nguồn tài liệu cho việc nghiên cứu từ các tạp chí kế toán, các báo cáo khoa học, giáo trình trong ngành kế toán và công nghệ

thông tin cùng với một số website có uy tín trên mạng internet. Bên cạnh đó, đề tài còn dựa vào các số liệu, chính sách, chế độ, quy định và thông tin thực tế về hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim cũng.

Đề tài sử dụng nhiều phương pháp cụ thể như nghiên cứu điều tra, phỏng vấn, quan sát trực tiếp thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại Công ty. Đồng thời kết hợp với phương pháp tổng hợp, phân tích, đánh giá, tư duy logic...

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Ø Về mặt lý luận

Hiện nay chưa có một giáo trình tài liệu chính thống nào đề cập sâu về hệ thống ERP dưới góc độ hệ thống thông tin kế toán. Điều này gây hoang mang và cản trở quá trình tìm hiểu, tiếp cận giải pháp quản lý tối ưu với những người làm công tác kế toán. Với yêu cầu đó, đề tài đã hệ thống hóa những kiến thức cơ bản nền tảng về hệ thống ERP cũng như hệ thống thông tin kế toán, sự khác biệt khi ứng dụng ERP trong tổ chức hệ thống thông tin kế toán với hệ thống thông tin truyền thống làm tài liệu tham khảo cho học sinh, sinh viên chuyên ngành kế toán, các kế toán viên và doanh nghiệp quan tâm.

Ø Về mặt thực tiễn

Đề tài đã xác định được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc ứng dụng ERP vào công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp thông qua việc phân tích, đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim.

Từ đó, đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của phần mềm ERP trong công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP

Chương 2: Thực trạng tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim

Chương 3: Một số giải pháp nhằm tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim theo định hướng ERP.

7. Tổng quan đề tài

Để hoàn thành đề tài này, tác giả đã tham khảo một số tài liệu liên quan đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại một số doanh nghiệp nói chung và công tác ứng dụng ERP vào tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp nói riêng, bao gồm:

- Đề tài Luận văn thạc sĩ “*Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP tại công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng*” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà được thông qua năm 2010 đã nêu lên được cơ sở lý luận chung về hệ thống thông tin kế toán và những vấn đề cơ bản về ERP. Đồng thời, thông qua thực trạng hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP tại công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng, nêu lên những ưu và nhược điểm từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán. Song đề tài vẫn chưa đi vào tìm hiểu cách thức tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP.

- Trong đề tài “*Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung*” của Nguyễn Văn Minh, tác giả này chỉ mới trình bày phương pháp tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị trong điều kiện ứng dụng các phần mềm văn phòng đơn giản chứ

chưa xây dựng công tác tổ chức hệ thống thông tin trong điều kiện ứng dụng ERP. Đồng thời, đề tài này chỉ mới đi vào tìm hiểu công tác kế toán quản trị còn công tác kế toán tài chính vẫn chưa nghiên cứu.

- Năm 2011, tác giả Trần Thị Thanh Thúy đã được thông qua đề tài luận văn về *“Tình hình ứng dụng ERP và sự tác động của ERP đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam”*. Đề tài cho thấy được cái nhìn tổng quan về công tác ứng dụng hệ thống ERP tại các doanh nghiệp ở địa bàn miền Nam Việt Nam, những thành công và hạn chế cần khắc phục của những doanh nghiệp này. Đồng thời, đề tài cũng thống kê được các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình ứng dụng ERP tại các doanh nghiệp từ đó đưa ra giải pháp tăng cường khả năng ứng dụng ERP thành công tại các doanh nghiệp hiện nay.

- Đề tài *“Hoàn thiện công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP tại bệnh viện C Đà Nẵng”* của tác giả Nguyễn Thị Thùy Anh đã tổng hợp khá đầy đủ những lý thuyết cơ bản về hệ thống thông tin kế toán cũng như hệ thống phần mềm ERP, và quy trình ứng dụng ERP vào hệ thống thông tin kế toán, đưa ra được giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng ERP vào công tác kế toán tại bệnh viện.

Qua những đề tài trên, tác giả nhận thấy hiện nay vẫn chưa có một đề tài tìm hiểu về phương pháp tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp thương mại trong điều kiện ứng dụng ERP. Từ đó, tác giả đã quyết định chọn đề tài *“Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị theo định hướng ERP tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim”* để góp phần hoàn thiện và tăng cường hiệu quả của việc ứng dụng ERP vào tổ chức hệ thống thông tin kế toán bao gồm cả kế toán tài chính và kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP

1.1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

1.1.1. Khái niệm về hệ thống thông tin kế toán

Hiện nay, có rất nhiều tài liệu, quan điểm về hệ thống thông tin kế toán. Tuy nhiên, muốn hiểu được khái niệm này, đầu tiên cần phải tiếp cận, nắm được khái niệm về hệ thống cũng như khái niệm hệ thống thông tin.

Hệ thống là một khái niệm quen thuộc thường được sử dụng trong cuộc sống, có thể hiểu hệ thống một cách đơn giản là “*một tập hợp các thành phần phối hợp với để hoàn thành các một số mục tiêu nhất định*”. Xung quanh cuộc sống thường ngày của con người, luôn tồn tại các hệ thống, từ những hệ thống nhỏ như một tế bào, một gia đình... cho đến các hệ thống lớn hơn như hệ thống giao thông, hệ thống pháp luật, hay hệ thống thông tin...

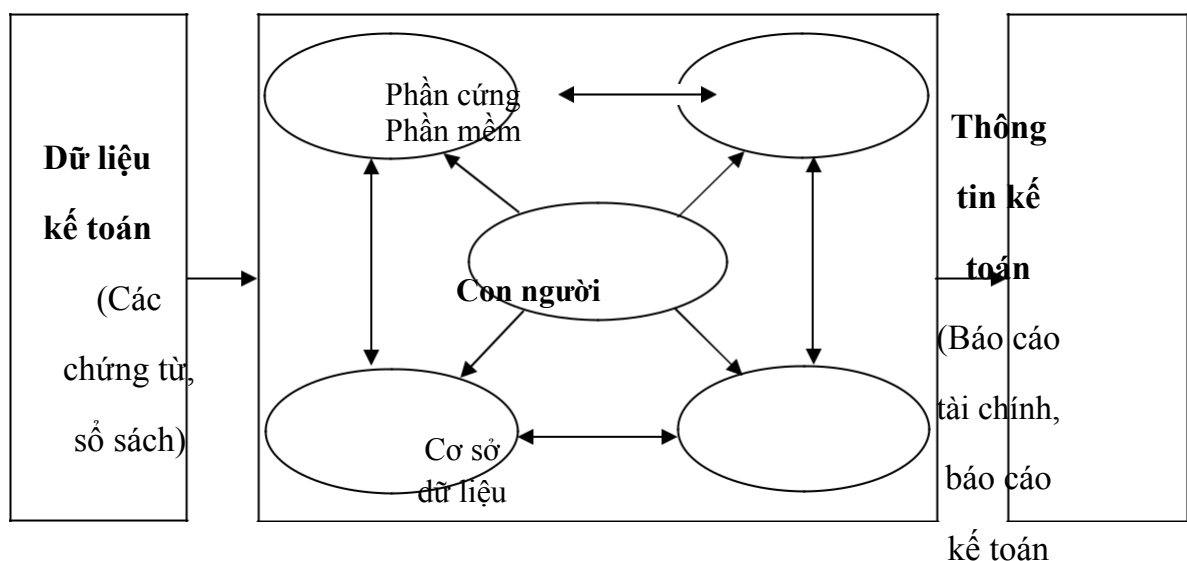
Từ khái niệm trên, ta thấy rằng một hệ thống có thể sẽ tồn tại ở nhiều cấp bậc khác nhau. Các hệ thống cấp thấp hơn trong một hệ thống là những hệ thống con, nó cũng có tiến trình phối hợp các thành phần bộ phận để đạt mục tiêu của nó. Các hệ thống con trong cùng một hệ thống có thể có mối liên hệ với nhau. Việc phân biệt hệ thống cha, hệ thống con tùy thuộc vào đặc điểm và tính chất của nó. Ví dụ: Hệ thống giao thông có các hệ thống con là hệ thống giao thông đường bộ, hệ thống giao thông đường thủy, hệ thống giao thông đường sắt,...

Với cách hiểu như vậy, mỗi doanh nghiệp hiện nay cũng được xem là một hệ thống cha gồm nhiều hệ thống con có mối liên hệ chặt chẽ với nhau như: Hệ thống cung ứng, hệ thống sản xuất, hệ thống tiêu thụ... Những hệ

thống con này ngoài mục tiêu chung – lợi nhuận của toàn doanh nghiệp – còn có mục tiêu riêng, có đầu vào và đầu ra khác nhau. Vì vậy, để có thể quản lý tốt những hệ thống con này, doanh nghiệp cần phải có một hệ thống thu thập, xử lý và cung cấp thông tin. Từ đó hình thành nên hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp là tập hợp các nguồn lực như con người, thiết bị máy móc được thiết kế nhằm biến đổi các dữ liệu tài chính và các dữ liệu khác thành thông tin.

Bản thân hệ thống thông tin trong doanh nghiệp cũng bao gồm nhiều hệ thống con. Trong đó có hệ thống thống thông quản trị (Management Information System – MIS) với chức năng thu thập, xử lý, lưu trữ và phân phối thông tin để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch, ra quyết định, kiểm soát thông tin, phối hợp hoạt động và điều khiển các tiến trình trong doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System – AIS) là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống thông tin quản trị trong doanh nghiệp với mục tiêu cung cấp đầy đủ thông tin một cách kịp thời, nhanh chóng, chính xác về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đây, có thể hình dung “Hệ thống thông tin kế toán là một tập hợp các nguồn lực bao gồm con người và các thiết bị máy móc nhằm biến đổi dữ liệu tài chính và các dữ liệu khác thành thông tin”.



quản trị)

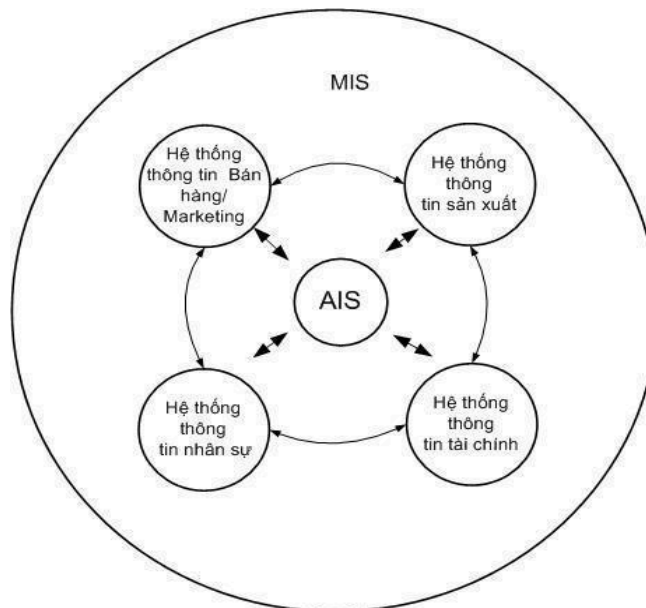
Hình 1.1: Các yếu tố cơ bản của hệ thống thông tin kế toán

Theo đối tượng cung cấp thông tin, hệ thống thông tin kế toán bao gồm hai hệ thống con là hệ thống thông tin kế toán tài chính cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp và hệ thống thông tin kế toán quản trị cung cấp thông tin cho các đối tượng bên trong doanh nghiệp.

1.1.2. Môi quan hệ giữa hệ thống thông tin kế toán với các hệ thống thông tin khác trong doanh nghiệp

Trong doanh nghiệp, ngoài hệ thống thông tin kế toán còn có các hệ thống thông tin chức năng khác như hệ thống thông tin nhân sự, hệ thống thông tin bán hàng, hệ thống thông tin sản xuất, hệ thống thông tin tài chính. Những hệ thống thông tin này tồn tại song song và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện một mục tiêu chung – thu thập, xử lý và cung cấp thông tin nhằm đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả.

Trong đó, hệ thống thông tin kế toán đóng vai trò cung cấp dữ liệu đầu vào, vừa tổng hợp các yếu tố đầu ra cho các hệ thống thông tin khác trong doanh nghiệp.



Hình 1.2: Mối quan hệ giữa hệ thống thông tin kế toán và hệ thống thông tin quản trị

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ERP (ENTERPRISE RESOURCE PLANNING)

1.2.1. Khái niệm ERP

ERP là viết tắt của “Enterprise Resource Planning” được dịch là “Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp”. Trong những năm gần đây, khái niệm ERP ngày càng trở nên phổ biến không chỉ trong giới công nghệ thông tin mà cả trong khối doanh nghiệp, nhà quản lý. Mục đích của ERP là tích hợp các chức năng xử lý nghiệp vụ của tất cả các bộ phận trong một phần mềm máy tính duy nhất mà có thể đáp ứng tất cả nhu cầu đặc thù của các bộ phận khác nhau.

Thuật ngữ ERP có thể mang nhiều ý nghĩa khác nhau tùy theo quan điểm của mỗi người. Nếu đứng ở góc độ nhà quản lý doanh nghiệp, thì ERP được hiểu như một phương pháp quản lý giúp nhà quản trị hoạch định và điều tiết hoạt động kinh doanh. Đứng ở góc độ IT (Information Technology), ERP thực chất là một phần mềm tích hợp nhiều module. Và xét trên phương diện kế toán, ERP là một chương trình phần mềm kết nối được phần mềm kế toán với các phần mềm quản lý khác trong doanh nghiệp giúp nâng cao hiệu quả công việc.

Theo định nghĩa ERP Việt Nam, thì ERP được hiểu là “một hệ thống ứng dụng đa phân hệ (Multi Module Software Application) giúp tổ chức, doanh nghiệp quản lý các nguồn lực và điều hành tác nghiệp. Giải pháp ERP cung cấp cho các nhà quản lý doanh nghiệp khả năng quản lý và điều hành tài chính – kế toán, quản lý vật tư, quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh và phân phối sản phẩm, quản lý dự án, quản lý dịch vụ, quản lý khách hàng, quản lý nhân sự, các công cụ dự báo và lập kế hoạch, báo cáo, ...”

1.2.2. Đặc trưng của phần mềm ERP

Đặc trưng của phần mềm ERP là có cấu trúc phân hệ (module). Phần mềm có cấu trúc phân hệ là phần mềm tập hợp nhiều phần mềm riêng lẻ, mỗi phần mềm có một chức năng riêng. Từng phân hệ có thể hoạt động độc lập nhưng do bản chất của hệ thống ERP, chúng kết nối với nhau để tự động chia sẻ thông tin với các phân hệ khác nhau nhằm tạo nên một hệ thống mạnh hơn. Các phân hệ cơ bản của một phần mềm ERP điển hình có thể khái quát như sau (Hình 1.3):

- Phân hệ kế toán
- Phân hệ mua hàng
- Phân hệ kho hàng
- Phân hệ sản xuất
- Phân hệ bán hàng
- Phân hệ tài sản cố định
- Phân hệ nhân sự, ...



Hình 1.3 – Các phân hệ trong phần mềm ERP

Tùy thuộc vào mỗi nhà cung cấp khác nhau mà các phân hệ trong phần mềm ERP cũng sẽ khác nhau. Điều này, đôi khi còn phụ thuộc vào lĩnh vực, loại hình kinh doanh cũng như yêu cầu của nhà quản lý trong doanh nghiệp.

Thông thường, phần mềm ERP thường bắt đầu từ phân hệ phần mềm kế toán rồi sau đó phát triển sang các phân hệ khác tùy thuộc vào yêu cầu của nhà quản lý doanh nghiệp.

1.2.3. Tầm quan trọng của phần mềm ERP

Với những tính chất và đặc trưng như đã nêu ở trên, khi ứng dụng phần mềm ERP vào công tác quản lý trong doanh nghiệp nói chung cũng như công tác kế toán nói riêng, ERP đã thực sự phát huy tác dụng. Lợi ích của việc ứng dụng phần mềm ERP có thể được tóm lược như sau:

- *Rút gọn thủ tục giấy tờ, nâng cao năng suất lao động*: Trước khi triển khai ERP, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần có các thủ tục giấy tờ thông qua ranh giới các bộ phận phòng ban để xét duyệt, cấp phép. Khi ứng dụng ERP, giữa các bộ phận, phòng ban có mối liên kết về quy trình và dữ liệu. Khi một nghiệp vụ diễn ra sẽ được một bộ phận chức năng thực hiện nhập liệu, thực hiện xong thì thông tin đó sẽ tự động kết nối qua ERP truyền tải đến bộ phận, phòng ban chức năng khác có liên quan. Vì vậy, tốc độ xử lý thông tin trong quy trình thủ tục giấy tờ sẽ tốn nhiều thời gian hơn khi xử lý trên máy tính. Điều này cho thấy ERP giúp tăng tốc độ dòng công việc, giảm thiểu thời gian chết. Bên cạnh đó, việc tích hợp các phân hệ phần mềm trong ERP giúp doanh nghiệp giảm thiểu việc trùng lặp công việc khi phải nhập liệu nhiều lần ở mỗi bộ phận và phòng ban khác nhau, làm tăng năng suất lao động.

- *Kiểm soát dữ liệu và thông tin chặt chẽ, tập trung*: Như đã nói ở trên ERP tích hợp nhiều phân hệ phần mềm trong doanh nghiệp, điều này giúp loại bỏ sai sót khi nhiều người cùng nhập một dữ liệu. Đồng thời, khi có sai sót xảy ra cũng dễ dàng phát hiện và khắc phục sửa chữa. Ta cứ hình dung nếu nhiều người cùng nhập một dữ liệu, khi có sai sót khó để biết ai là người nhập

sai và sai ở đâu? Điều này thể hiện khả năng kiểm soát dữ liệu, thông tin một cách chặt chẽ của hệ thống ERP.

Ngoài ra, dữ liệu và thông tin trong hệ thống ERP được đưa về một mối chung và duy nhất, sau đó dữ liệu sẽ theo quy trình của từng doanh nghiệp cụ thể có có mặt trong các bước xử lý tiếp theo ở các bộ phận, phòng ban có liên quan. Nhờ đó, tất cả các nhân viên ở các bộ phận, phòng ban khác nhau trong doanh nghiệp hay các chi nhánh, công ty con của doanh nghiệp có thể theo dõi, truy cập và khai thác thông tin trên cơ sở phân quyền chặt chẽ.

- *Nâng cao hiệu quả xử lý và chia sẻ nguồn lực thông tin*: ERP giúp nhà quản trị dễ dàng tiếp cận các thông tin đáng tin cậy dựa trên nguồn thông tin tập trung và được kiểm soát chặt chẽ. Trước khi ứng dụng ERP, một nhà quản trị cấp cao phải dựa vào nhiều nguồn để có được thông tin cần thiết cho việc phân tích tình hình tài chính và hoạt động doanh nghiệp. Với hệ thống ERP, điều này có thể được thực hiện một cách dễ dàng bằng cách sử dụng một phần mềm ứng dụng xử lý các nghiệp vụ theo thời gian thực (nghĩa là thông tin sẽ có sẵn trong hệ thống ngay lập tức tại thời gian theo dõi). Từ đó, nhà quản trị có thể đưa ra quyết định một cách nhanh chóng và chính xác.

- *Nâng cao hiệu quả kinh doanh*: Song song với việc tăng năng suất lao động, ERP còn giúp doanh nghiệp quản lý tốt nguồn lực của mình. Các nguồn lực được quản lý cả về mặt hiện vật cũng như chất lượng, từ đó kiểm soát chặt chẽ chi phí, gia tăng chất lượng hoạt động kinh doanh. Các phân hệ phần mềm trong hệ thống ERP giúp doanh nghiệp theo dõi, kiểm soát hiệu quả hạn mức về tồn kho, công nợ, chi phí,... từ đó tối ưu hóa các nguồn lực trong doanh nghiệp. Ví dụ: Phân hệ quản lý hàng tồn kho trong phần mềm ERP cho phép doanh nghiệp theo dõi hàng tồn kho một cách chính xác và xác định hạn mức tồn kho một cách chính xác từ đó giảm nhu cầu vốn lưu động và tăng hiệu quả kinh doanh.

- *Tối ưu hóa chiến lược kinh doanh*: ERP giúp doanh nghiệp thực hiện dễ dàng và hiệu quả các chiến lược kinh doanh bằng cách tăng khả năng cạnh

tranh lành mạnh. Việc tích hợp và liên kết các phân hệ trong hệ thống ERP giúp doanh nghiệp tạo mối liên kết giữa các hoạt động của mình để cùng thực hiện mục tiêu phát triển chung. Đồng thời, phân hệ quản lý sản xuất giúp doanh nghiệp nhận dạng và loại bỏ những yếu tố kém hiệu quả trong quy trình sản xuất, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, tận dụng tối đa công suất máy móc thiết bị cũng như nhân lực. Nhờ đó, giảm chi phí trên một đơn vị sản phẩm, tăng lợi nhuận, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- *Thay đổi quan điểm, phong cách làm việc của nhân viên*: Việc ứng dụng CNTT trong kế toán cũng như trong quản lý đã được thực hiện từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, việc triển khai ERP trong doanh nghiệp còn khá mới mẻ. Để có thể triển khai thành công hệ thống ERP trong toàn doanh nghiệp đòi hỏi toàn thể nhân viên trong doanh nghiệp phải thay đổi phong cách làm việc của mình cho phù hợp với quy trình xử lý nghiệp vụ. Toàn thể nhân viên trong doanh nghiệp thuộc mọi cấp bậc, bộ phận, phòng ban đều phải trang bị cho mình kiến thức, kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính; năng động và tăng tốc độ xử lý công việc; nghiêm túc, trung thực tuân thủ quy trình làm việc quy định trong phần mềm ERP.

1.3. TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Đặc điểm của doanh nghiệp thương mại

Trong một doanh nghiệp thương mại, hoạt động kinh doanh có những đặc điểm sau:

- *Đặc điểm hoạt động*: Hoạt động kinh tế cơ bản của kinh doanh thương mại là lưu chuyển hàng hóa.

- *Đặc điểm hàng hóa:* Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại gồm nhiều chủng loại có thể có hình thái vật chất hay không có hình thái vật chất mà doanh nghiệp mua về để bán.

- *Đặc điểm phương thức lưu chuyển hàng hóa:*

Trong kinh doanh thương mại, quá trình lưu chuyển hàng hóa được thực hiện theo hai phương thức bán buôn và bán lẻ. Trong đó, lưu chuyển hàng hóa bán buôn kết thúc nhưng hàng hóa vẫn còn trong lĩnh vực lưu thông hoặc chuyển vào trong lĩnh vực sản xuất để chế biến rồi trở lại lĩnh vực lưu thông; còn lưu chuyển hàng hóa trong bán lẻ kết thúc thì hàng hóa thoát khỏi lĩnh vực lưu thông chuyển sang lĩnh vực tiêu dùng, chấm dứt khâu lưu thông.

Cả hai phương thức bán buôn và bán lẻ, tuy mỗi phương thức có những đặc trưng khác nhau nhưng chúng lại có mối liên hệ mật thiết với nhau trong việc hoàn thành nhiệm vụ cơ bản của doanh nghiệp thương mại là phục vụ sản xuất và phục vụ nhu cầu tiêu dùng xã hội.

- *Đặc điểm về tổ chức kinh doanh:* Đa dạng với nhiều mô hình tổ chức kinh doanh khác nhau như công ty chuyên bán buôn, công ty chuyên bán lẻ, công ty kinh doanh, công ty môi giới,...

- *Đặc điểm về sự vận động của hàng hóa:* Sự vận động của hàng hóa trong kinh doanh thương mại không giống nhau, tùy thuộc vào nguồn hàng và ngành hàng như hàng hóa trong nước hay hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng công nghệ phẩm hay hàng nông sản thực phẩm,...

Đặc thù của các doanh nghiệp phân phối và bán lẻ là việc không ngừng mở rộng thêm các chi nhánh, cửa hàng cũng như sản phẩm kinh doanh. Do đó, ERP cho ngành này cũng phải có tính linh hoạt, khả năng mở rộng để đáp ứng các hoạt động đa dạng.

Ngoài ra, điểm khác biệt lớn nhất của ERP cho các ngành bán lẻ là sự kết hợp giữa Front Office (F.O – xử lý các nghiệp vụ tại các điểm bán lẻ) và Back Office (B.O – hỗ trợ hoạt động trung tâm như mua sắm tập trung, bán

buôn, lập kế hoạch hàng tồn kho, phân phối hàng hóa cho các điểm bán lẻ...).

Vì vậy, ngoài hệ thống B.O hoạt động giống như một giải pháp ERP thông

thường thì còn đặt ra yêu cầu kết nối với F.O. Sự kết nối này giúp F.O có thể tự động đặt yêu cầu bổ sung hàng hóa, bán sỉ và B.O có thể quản lý mã hàng, chính sách giá, khuyến mãi, lập kế hoạch bổ sung hàng cho từng địa điểm bán lẻ. Chẳng hạn, khi ở các điểm bán lẻ có yêu cầu bổ sung hàng, nhân viên chỉ cần nhập dữ liệu vào F.O, hệ thống sẽ tự động chuyển yêu cầu này đến B.O. Nhân viên phụ trách ở phần B.O sẽ thực hiện kế hoạch giao hàng theo đúng yêu cầu.

1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ a. Hệ thống chứng từ

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán. Mỗi nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được phản ánh và một chứng từ kế toán. Cho nên chứng từ được coi là khởi điểm của quy trình kế toán và là căn cứ để ghi sổ kế toán.

Hiện nay, trong doanh nghiệp có rất nhiều loại chứng từ khác nhau. Nếu căn cứ vào yêu cầu quản lý và kiểm tra của Nhà nước có thể phân chia chứng từ làm hai loại. Đó là chứng từ bắt buộc và chứng từ hướng dẫn.

Chứng từ bắt buộc là những mẫu chứng từ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định nội dung, kết cấu của mẫu mà doanh nghiệp phải thực hiện đúng nội dung về biểu mẫu, nội dung và phương pháp ghi các chỉ tiêu và áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp.

Chứng từ hướng dẫn là những chứng từ sử dụng chủ yếu để phản ánh các mối quan hệ kinh tế trong nội bộ đơn vị. Mẫu chứng từ này được xây dựng tùy thuộc vào đặc thù của từng đơn vị cụ thể.

Tuy nhiên, dù là chứng từ bắt buộc hay chứng từ hướng dẫn đòi hỏi phải có đầy đủ bảy (07) yếu tố bắt buộc của một bản chứng từ như:

- Tên, số hiệu chứng từ kế toán;

- Ngày tháng năm lập chứng từ kế toán;
- Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán;
- Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;
- Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
- Các chỉ tiêu về số lượng, đơn giá, số tiền;
- Chữ ký của người lập chứng từ, người phê duyệt chứng từ và các cá nhân khác có liên quan.

Trong điều kiện ứng dụng ERP, hệ thống chứng từ của doanh nghiệp bị ảnh hưởng trên nhiều phương diện: nội dung lập và xét duyệt chứng từ, hình thức của chứng từ, số liên được lập.

Ngoài bảy (07) yếu tố bắt buộc trên một bản chứng từ được quy định trong Luật Kế toán, nội dung chứng từ còn có các yếu tố phi tài chính. Ví dụ, thông tin đặt hàng của khách hàng không chỉ liên quan đến hàng hóa được đặt mà còn cả những thông tin về thời gian, vị trí thực hiện đặt hàng, người tiến hành giao dịch, nhân đặt hàng hoặc thậm chí thông tin về sự hài lòng của khách hàng khi tiến hành đặt hàng.

Khác với công tác kế toán thủ công, trong môi trường ERP đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp nói chung cũng như doanh nghiệp thương mại nói riêng phải thực hiện xây dựng hệ thống chứng từ điện tử đáp ứng đầy đủ các tiêu chí như trên. Đồng thời, phải quy định rõ chứng từ gồm bao nhiêu liên, chứng từ nào được in ra, in ra bao nhiêu bản, chứng từ nào chỉ cần lưu trữ trên máy tính...

Để có thể xây dựng hệ thống chứng từ điện tử, đầu tiên doanh nghiệp cần phải mã hóa các dữ liệu thuộc bản chứng từ và không được thay đổi trong quá trình truyền qua mạng máy tính hoặc trên vật mang tin như băng từ, đĩa từ, các loại thẻ thanh toán. Khác với chứng từ giấy thông thường, trong chứng từ điện tử người lập chứng từ và các cá nhân không thể sử dụng viết để ký vào

chứng từ. Vì vậy, để đảm bảo tính pháp lý cho chứng từ điện tử, doanh nghiệp cần xây dựng chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật.

b. Quy trình luân chuyển chứng từ

Đặc điểm của chứng từ trong doanh nghiệp là luôn vận động liên tục từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, từ bộ phận này sang bộ phận khác. Vì vậy, đồng thời với việc xây dựng hệ thống chứng từ, doanh nghiệp còn phải xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ trong doanh nghiệp.

Quy trình luân chuyển chứng từ được xem như đường đi của chứng từ trong doanh nghiệp từ khi lập chứng từ cho đến lúc lưu trữ, bảo quản chứng từ. Trong môi trường ERP, tất cả những quy trình này phải được chuẩn hóa trong mỗi nghiệp vụ kinh tế cụ thể. Tùy thuộc vào đặc thù cũng như yêu cầu của nhà quản lý doanh nghiệp mà quy trình luân chuyển chứng từ sẽ khác nhau tại các doanh nghiệp khác nhau. Tuy nhiên, tất cả các bước trong quy trình luân chuyển đều được thực hiện một cách tự động thông qua hệ thống phần mềm ERP, kế toán chỉ là giai đoạn cuối cùng thực hiện kiểm tra và xử lý các chứng từ của các bộ phận khác gửi đến.

1.3.3. Tổ chức cơ sở dữ liệu và mã hóa dữ liệu

a. Tổ chức cơ sở dữ liệu

Trong môi trường ERP, tất cả các phân hệ phần mềm sử dụng cùng một ngôn ngữ lập trình và cùng sử dụng một cơ sở dữ liệu quản lý tập trung và chia sẻ thông tin. Cơ sở dữ liệu đầu vào của bộ phận này sẽ trở thành cơ sở dữ liệu đầu ra tại một bộ phận khác. Tất cả các dữ liệu của các phân hệ tích hợp được quản lý tập trung và tổ chức theo kiểu hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Các phân hệ đều có thể truy cập và sử dụng chung nguồn dữ liệu này.

Cách tổ chức dữ liệu tập trung này giúp việc thu thập và lưu trữ dữ liệu không bị trùng lặp, không khuôn mẫu với nhau, các dữ liệu được sử dụng hiệu quả cao. Vì vậy, công việc kế toán trong môi trường ERP không còn chỉ là

việc nhập liệu và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà đòi hỏi kế toán phải phân tích được các số liệu, xử lý số liệu để thực hiện báo cáo.

Đồng thời, cơ chế dữ liệu tập trung của ERP cho phép hợp nhất số liệu của các doanh nghiệp có nhiều chi nhánh một cách thuận tiện và dễ dàng. Việc duy nhất mà họ phải làm là truy vấn dữ liệu đã có sẵn bằng các công cụ mà hệ thống cung cấp. Nhờ vậy, việc mở rộng quy mô kinh doanh, thêm chi nhánh, đơn vị thành viên mới trong hệ thống ERP được thực hiện đơn giản.

Hệ thống thông tin kế toán đóng vai trò quan trọng trong hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp. Thông tin do kế toán cung cấp có ảnh hưởng đến hoạt động của toàn doanh nghiệp nên việc tổ chức dữ liệu kế toán ban đầu, thực hiện xử lý và cung cấp thông tin đòi hỏi phải chính xác, khoa học, hợp lý và có hiệu quả.

Cơ sở dữ liệu kế toán bao gồm tập hợp các tập tin có quan hệ rất chặt chẽ với nhau được thiết kế để ghi nhận, lưu trữ và xử lý toàn bộ các dữ liệu và thông tin kế toán. Có thể hiểu hệ thống cơ sở dữ liệu kế toán đóng vai trò như bộ sổ kế toán trong điều kiện hạch toán trên máy vi tính. Toàn bộ dữ liệu kế toán, bao gồm những dữ liệu được khởi tạo ban đầu và những dữ liệu mới phát sinh trong quá trình hạch toán đều được cập nhật và lưu trữ trên các tập tin trong hệ thống cơ sở dữ liệu kế toán. Mỗi tập tin gồm nhiều trường và nhiều mẫu tin. Mỗi trường tương ứng với một thuộc tính cần quản lý của một đối tượng hay một nghiệp vụ xác định. Theo tính chất của dữ liệu chứa trong mỗi tập tin, các tập tin trong hệ thống cơ sở dữ liệu kế toán có thể được phân thành các tập tin hệ thống, tập tin danh mục từ điển, các tập tin biến động, các tập tin tồn và các tập tin báo cáo.

- **Tập tin hệ thống:** Các tập tin hệ thống được thiết kế để lưu trữ các thông số của hệ thống khai báo trong phần khởi tạo, bao gồm các thông tin

chung liên quan đến doanh nghiệp, các phương pháp hạch toán và các hình thức sổ kế toán được lựa chọn các quyền truy cập của từng người...

- **Tập tin danh mục từ điển:** Nội dung các tập tin danh mục lưu trữ dữ liệu về các đối tượng quản lý của kế toán, ít thay đổi và sử dụng cho nhiều kỳ kế toán như các loại vật tư, hàng hóa, tài sản, công nợ, ngoại tệ... Các tập tin danh mục từ điển được tạo ra và cập nhật nội dung ngay từ đầu khi chuẩn bị đưa phần mềm kế toán vào sử dụng. Các tập tin này tồn tại trong suốt quá trình sử dụng, khai thác hệ thống phần mềm và thường xuyên được cập nhật thêm đối tượng mới phát sinh. Trong hệ thống phần mềm, các tập tin danh mục từ điển thường bao gồm: Tập tin danh mục tài khoản, Tập tin danh mục vật tư, Tập tin danh mục tài sản cố định, Tập tin danh mục ngoại tệ, Tập tin danh mục khách hàng, Tập tin danh mục nhà cung cấp, Tập tin danh mục nhân viên, Tập tin danh mục bộ phận, Tập tin danh mục chứng từ, Tập tin danh mục nghiệp vụ, Tập tin danh mục kho,...

- **Tập tin biến động:** Các tập tin biến động được thiết kế nhằm lưu trữ và xử lý toàn bộ các dữ liệu phát sinh trong kỳ hạch toán. Các tập tin biến động có thể được tổ chức theo từng năm. Cuối mỗi năm, phần mềm tự động tổng hợp, kết chuyển và đưa các tập tin biến động của năm cũ vào lưu trữ, đồng thời tạo ra các tập tin biến động mới.

- **Tập tin tồn:** Các tập tin tồn được thiết kế nhằm tổng hợp và lưu trữ các dữ liệu về tình hình tồn đầu kỳ, tổng số phát sinh tăng, tổng số phát sinh giảm và tình hình tồn cuối kỳ của tất cả các đối tượng kế toán, bao gồm tất cả các đối tượng tổng hợp trên các tài khoản tổng hợp và các đối tượng chi tiết như từng loại vật tư, từng khoản phải thu khách hàng... Các tập tin tồn có thể được tổ chức theo các tháng trong từng năm. Dữ liệu trong tập tin tồn được sử dụng để lập các báo cáo tài chính, bảng tổng hợp chi tiết hoặc cung cấp thông tin tổng hợp về tổng số phát sinh tăng/giảm và số dư của từng đối tượng. Sau mỗi năm, phần mềm sẽ đưa các tập tin tồn vào lưu trữ, đồng thời tự động tạo ra các tập tin tồn mới để tổng hợp, xử lý dữ liệu cho năm sau. Số

dữ cuối mỗi tháng của các đối tượng trên các tập tin tồn sẽ đóng vai trò là số dư đầu tháng sau.

b. *Mã hóa dữ*

liệu Khái niệm bộ

mã:

Mã hóa là phương pháp để biến thông tin từ dạng bình thường sang dạng thông tin không thể hiểu được nếu không có phương tiện giải mã.

Giải mã là phương pháp để đưa từ dạng thông tin đã được mã hóa về dạng thông tin ban đầu.

Mục tiêu và sự cần thiết của mã hóa dữ liệu:

Như chúng ta đã biết, một trong những đặc điểm của đối tượng kế toán là đa dạng bao gồm nhiều loại khác nhau. Vì vậy, không thể sử dụng tên gọi để phân biệt các đối tượng kế toán vì khi tên gọi thay đổi sẽ dẫn đến việc truy xuất thông tin trong quá khứ trở nên phức tạp, dễ gây sai sót. Đồng thời, tên gọi của các đối tượng này có thể dài, ngắn tùy theo từng đối tượng nên công tác xử lý dữ liệu sẽ rất chậm cũng như tăng không gian lưu trữ dữ liệu.

Để khắc phục điều này đòi hỏi phải thực hiện mã hóa dữ liệu kế toán. Đồng thời, mã hóa là một cách tuyệt vời để giữ cho dữ liệu an toàn, cho dù sao lưu trên máy vi tính hay truyền tin qua mạng Internet hay làm việc trên máy tính xách tay. Công tác xây dựng bộ mã cho các đối tượng kế toán nói riêng cũng như các đối tượng quản lý nói chung cần đảm bảo các mục tiêu sau đây:

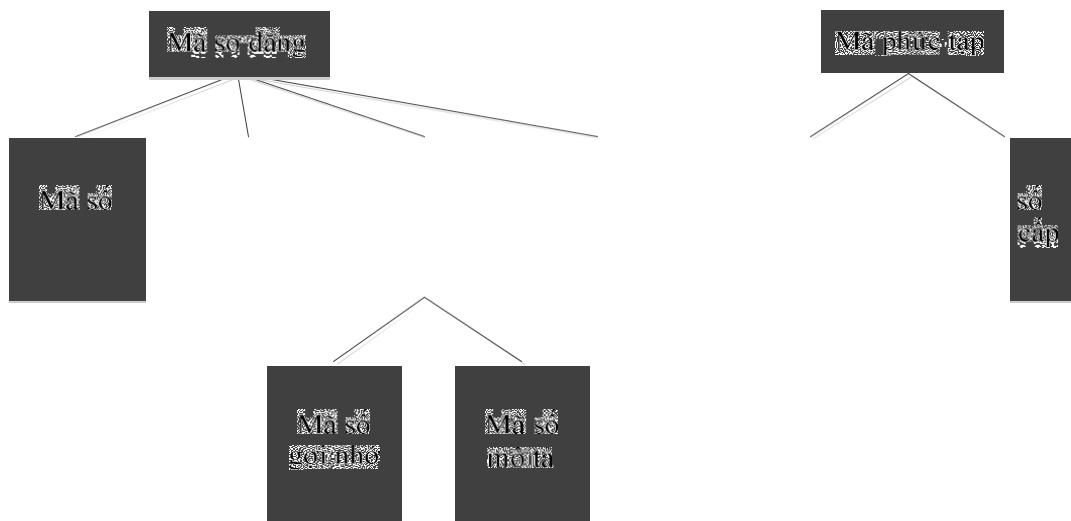
- *Nhận diện rõ ràng, không nhập nhằng*: Khi xây dựng bộ mã cần lưu ý, mỗi mã chỉ được gán với một đối tượng duy nhất. Tập hợp các mã của tất cả các đối tượng cùng loại được gọi là bộ mã.

- *Biểu diễn bằng ký hiệu ngắn gọn:* Ý nghĩa của việc xây dựng bộ mã là giúp tiết kiệm không gian lưu trữ dữ liệu, làm tăng tốc độ xử lý. Chính vì vậy, việc thiết kế bộ mã phải được biểu diễn bằng một số ký tự ngắn gọn và tuân theo quy tắc thống nhất trong doanh nghiệp.

- *Biểu diễn nhiều thuộc tính của đối tượng*: Xây dựng bộ mã gồm nhiều ký tự ngắn gọn, trong đó mỗi nhóm ký tự biểu diễn một thuộc tính của đối tượng sẽ cho phép quản lý và cung cấp thông tin chi tiết hơn về thuộc tính của từng đối tượng cụ thể. Đặc biệt, thông qua bộ mã cho phép lọc ra những đối tượng cùng mang một thuộc tính nào đó, làm cơ sở cho việc tìm kiếm, thống kê, tổng hợp và cung cấp thông tin về một hoặc một nhóm thuộc tính của các đối tượng.

Các phương pháp xây dựng bộ mã:

Có nhiều cách thức khác nhau để thiết kế và xây dựng bộ mã các đối tượng kế toán. Tùy thuộc vào mức độ đơn giản hoặc phức tạp của việc thiết kế các yếu tố cấu thành, bộ mã có thể được chia thành hai nhóm mã sơ đẳng và mã phức tạp:



Ø Mã sơ đẳng

- Mã số tuần tự: Cứ mỗi đối tượng mới xuất hiện thì gán cho nó một con số kế tiếp theo thứ tự thời gian xuất hiện. Việc sử dụng mã số kiểu tuần tự đơn giản, dễ xây dựng, giúp đảm bảo nhận diện các đối tượng một cách rõ ràng, mỗi mã là duy nhất; tuy nhiên mã số không biểu hiện bất cứ thuộc tính

nào của đối tượng, không mang bất kỳ ý nghĩa nào khác ngoài việc giúp phân biệt hai đối tượng khác nhau.

- Mã số tuần tự theo khoảng cách là việc sử dụng loạt số liên tiếp để mã hóa những đối tượng có cùng đặc điểm chung bằng cách để dành những khoảng trống để có thể giữ cho bộ mã không bị xáo trộn trong quá trình chèn thêm mã. Trong mỗi khoảng như vậy người ta chèn thêm các đối tượng mã hóa tuần tự. Phương pháp mã hóa này dễ sử dụng và cho phép phân loại để nhận diện một số nhóm đối tượng của bộ mã. Song khó xác định khoảng cách của từng phân đoạn, không thể hiện các thuộc tính của đối tượng trong mỗi phân đoạn cũng như không mang tính gợi nhớ.

- Mã số có ý nghĩa là mã số bao gồm các ký tự bằng chữ để cho phép dễ dàng ghi nhớ và nhận diện trực tiếp các đối tượng thông qua mã của đối tượng, mã số có ý nghĩa bao gồm:

Æ Mã số gợi nhớ là những ký hiệu lựa chọn để mã hóa cho phép người sử dụng ghi nhớ dễ dàng ý nghĩa vì chúng gợi nhớ đối tượng mã hóa.

Æ Mã số mô tả là những ký hiệu được chọn làm mã cho phép mô tả được những đặc tính vĩnh cửu của đối tượng.

- Mã số tuần tự kiểm tra: Nguyên tắc xây dựng bộ mã này là gán cho mã số một mục khóa kiểm tra. Giá trị mục khóa này được tính toán từ giá trị mã số và được kiểm tra mỗi lần nhập hoặc sử dụng mã đối tượng.

Ø Mã phức tạp

- Mã ghép nối: Bộ mã được chia thành nhiều vùng, mỗi vùng tương ứng với một thuộc tính của đối tượng. Nhờ vậy, bộ mã có khả năng kiểm tra một số đặc tính, nhận diện không nhập nhằng đối tượng và có khả năng phân

tích thống kê cho phép truy xuất những thông tin cần thiết. Tuy nhiên, khi xây dựng bộ mã cần thiết phải lựa chọn một số đặc tính ổn định. Ngoài ra bộ mã cũng hơi công kênh vì phải cần đến một số lượng lớn ký tự

- Mã số phân cấp: Nguyên tắc chung khi xây dựng bộ mã phân cấp là cho phép kéo dài các ký tự của mã số về phía bên phải để đi sâu vào chi tiết

cần biểu thị. Loại mã này được sử dụng khi những liên hệ nằm lồng nhau. Đặc điểm cơ bản của bộ mã phân cấp là một số mã cấp dưới có và chỉ có một mã số cấp trên. Một số mã cấp trên có thể có nhiều mã số cấp dưới. Cách xây dựng bộ mã như vậy có khả năng phân tích cũng như tổng hợp rất cao, việc xây dựng cũng khá dễ dàng; tuy nhiên bộ mã trở nên cồng kềnh khi đối tượng phân tích nhiều.

Những đặc tính cần có của bộ mã:

- *Tính uyển chuyển sống lâu:* Một bộ mã khi xây dựng phải có thể sử dụng được trong nhiều năm. Tính uyển chuyển cho phép bộ mã thích ứng với những thay đổi xảy ra trong suốt quá trình sử dụng. Một bộ mã được xem là uyển chuyển và sống lâu khi nó cho phép nới rộng thêm đối tượng và chèn thêm đối tượng mới vào giữa các đối tượng đã gán trước đó.

- *Tính duy nhất và kén chọn:* Đây là đặc tính quan trọng nhất mà một bộ mã phải có. Một đối tượng chỉ được gán với một mã duy nhất giúp nhận diện một cách rõ ràng, không nhập nhằng với các đối tượng khác trong cùng tập hợp. Bên cạnh đó, để đánh giá chất lượng bộ mã người ta sử dụng hai chỉ tiêu tỷ lệ kén chọn và tỷ lệ sâu sắc với cách xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ kén chọn} = \frac{\text{Số mẫu tin cần được trích ra}}{\text{Số mẫu tin được trích ra}}$$

$$\text{Tỷ lệ sâu sắc} = \frac{\text{Số mẫu tin cần được trích ra}}{\text{Số mẫu tin được trích ra}}$$

Bộ mã được đánh giá tốt khi các tỷ lệ kén chọn và tỷ lệ sâu sắc có giá trị đúng bằng 1.

- *Tính chất tiện lợi khi sử dụng:* Một bộ mã tiện lợi khi sử dụng là một bộ mã ngắn gọn, biểu diễn được nhiều thuộc tính của đối tượng đồng thời dễ dàng kiểm tra, sử dụng và giải mã.

Cách thức tiến hành công tác mã hóa:

- *Bước 1: Xác định vấn đề phải giải quyết*

Đầu tiên cần xác định đối tượng phải xây dựng bộ mã. Sau đó, tìm hiểu các thuộc tính của đối tượng được mã hóa, thuộc tính nào nên đưa vào bộ mã. Đồng thời xác định tổng số lượng đối tượng phải mã hóa, và sự biến động của đối tượng này trong tương lai.

Khi đã xác định được đối tượng mã hóa, cần xác định mục tiêu mà xây dựng bộ mã để làm gì. Mục tiêu thông thường mà tất cả các doanh nghiệp luôn hướng đến là bộ mã phải giúp nhận diện không nhầm lẫn đối tượng, và có khả năng thống kê các đối tượng theo các thuộc tính khác nhau của bộ mã.

- *Bước 2: Lựa chọn giải pháp mã hóa*

Việc lựa chọn phương pháp mã hóa cho toàn diện là rất khó vì vậy xây dựng bộ mã phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: ý chủ quan của người xây dựng mã, đặc điểm thống kê, đặc điểm của đối tượng mã hóa... chính vì vậy, khi lựa chọn phương pháp xây dựng bộ mã cần lưu ý các vấn đề sau:

- + Xác định một trật tự ưu tiên cho các tiêu thức lựa chọn;
- + Tận dụng bộ mã có sẵn;
- + Tham khảo ý kiến của người sử dụng;
- + Kiểm tra độ ổn định của các thuộc tính;
- + Kiểm tra khả năng nói rộng và chèn thêm của mã số.

- *Bước 3: Triển khai và kiểm tra giải pháp mã hóa*

Sau khi đã xây dựng bộ mã phải triển khai cho toàn thể doanh nghiệp về cấu trúc của bộ mã cũng như thời gian dự kiến áp dụng bộ mã. Doanh nghiệp phải phổ biến quy tắc sử dụng cho các đối tượng liên quan đồng thời hướng

dẫn nhân viên liên quan hiểu rõ bản chất và cấu trúc của bộ mã để tránh sai sót khi nhập liệu.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải thường xuyên tham khảo ý kiến người sử dụng và kiểm tra quá trình thực hiện để đảm bảo tính hữu ích của bộ mã.

1.3.4. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Ngoài hệ thống tài khoản mà Bộ Tài chính ban hành, doanh nghiệp có thể xây dựng một hệ thống tài khoản với nhiều chiều thông tin. Cấu trúc hệ thống tài khoản linh hoạt giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể dễ dàng phân tích và quản lý tài chính với mọi quy mô. Ví dụ: Quản lý doanh thu và chi phí theo từng phòng ban sẽ thực hiện đơn giản bằng cách thêm thông tin về phòng ban vào hệ thống tài khoản. Cuối kỳ, chỉ cần sử dụng các báo cáo về số dư tài khoản để xem tất cả các số liệu kế toán phát sinh ở một phòng ban bất kỳ.

Điểm khác biệt giữa ERP so với kế toán truyền thống là việc sử dụng các tài khoản không thuộc hệ thống tài khoản chính thức của mình và xem đó là các tài khoản trung gian. Mặc dù khác với kế toán truyền thống, nhưng trên góc độ kinh tế thì sự vận động của tài sản và nguồn vốn trong các nghiệp vụ vẫn không có gì thay đổi. Như vậy, việc phát sinh giao dịch ở các tài khoản trung gian không làm ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính của doanh nghiệp và các doanh nghiệp có thể dựa vào số dư của các tài khoản này để kiểm tra quy trình tác nghiệp đã thực hiện đầy đủ chưa.

1.3.5. Tổ chức thông tin trong doanh nghiệp

Việc ứng dụng ERP ảnh hưởng lớn đến công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Hệ thống thông tin trong ERP được tổ chức theo chu trình hoạt động kinh doanh chứ không phải theo phần hành như trước đây. Hệ thống ERP ghi nhận và xử lý thông tin theo nguyên tắc: “Nếu

bước hoạt động trước chưa được ghi nhận dữ liệu vào hệ thống thì sẽ không có căn cứ để hệ thống cho phép bước hoạt động sau thực hiện”. Ví dụ, khi

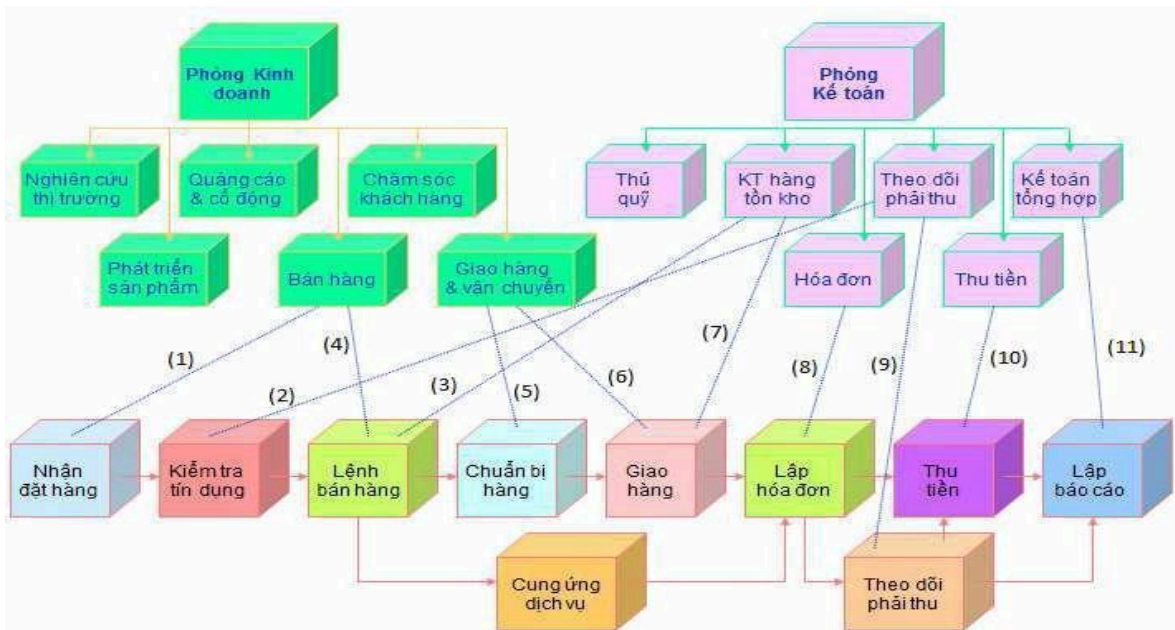
nhân viên bán hàng nhập dữ liệu đặt hàng của khách hàng, hệ thống tìm kiếm thông tin xét duyệt tín dụng tự động, kiểm tra hàng tồn kho tự động... và tạo lệnh bán hàng. Tuy nhiên lệnh bán hàng này phải được người quản lý xét duyệt bằng cách bấm nút cho phép chuyển trạng thái đặt hàng chờ xét duyệt sang trạng thái đặt hàng được duyệt. Lúc đó thông tin về lệnh bán hàng mới được chuyển sang các bộ phận kho hàng và gửi hàng; kế toán và các bộ phận liên quan mới biết mình được phép thực hiện điều gì và thế nào.

Chính vì vậy điểm bắt đầu hoạt động của một bộ phận là kết quả của quá trình xử lý thông tin của bộ phận khác. Sự liên kết giữa các bộ phận, phòng ban trong doanh nghiệp rất chặt chẽ, trách nhiệm công việc cũng được phân chia và thể hiện rõ ràng trong quá trình thực hiện. Nếu cắt đứt một trong các công đoạn của một chu trình nào đó, chức năng kiểm soát của hệ thống sẽ không còn ý nghĩa. Kéo theo đó, việc kiểm soát số liệu kế toán cũng khó khăn.

Các chu trình kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại thường được khái quát như sau:

a. Chu trình doanh thu

Chu trình doanh thu hay còn được gọi là hoạt động bán hàng là một hoạt động cơ bản tồn tại trong mọi loại hình doanh nghiệp và là chu trình bao gồm hai chức năng chính là bán hàng và thu tiền hàng. Các công việc ghi nhận, xử lý những nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, thu tiền hàng diễn ra liên tục và lặp lại đối với từng lần bán hàng và chỉ dừng lại khi doanh nghiệp ngừng hoạt động. Chu trình doanh thu trong doanh nghiệp bắt đầu bằng việc khách hàng đặt mua hàng và kết thúc bằng việc nhận tiền thanh toán của khách hàng, thường bao gồm các hoạt động sau:



Hình 1.4: Mối quan hệ giữa các bộ phận trong chu trình doanh thu

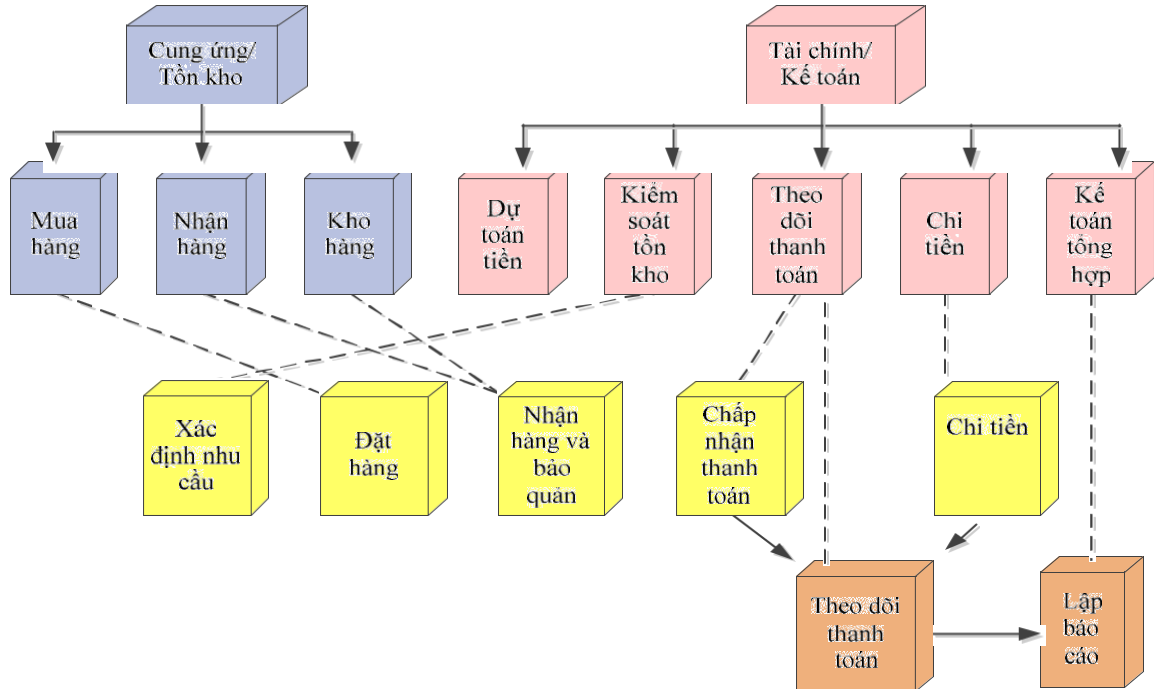
- | | |
|---|--|
| (1) Nhận đặt hàng | (7) Cập nhật giảm giá HTK |
| (2) Kiểm tra tình hình công nợ khách hàng | (8) Lập hóa đơn |
| (3) Kiểm tra hàng tồn kho | (9) Theo dõi công nợ |
| (4) Lập lệnh bán hàng | (10) Thu tiền |
| (5) Chuẩn bị hàng | (11) Hạch toán tổng hợp và lập báo cáo |
| (6) Giao hàng và vận chuyển hàng | |

Để thực hiện đồng bộ các giai đoạn trong chu trình doanh thu đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa bộ phận bán hàng, giao hàng, thủ kho, kế toán hàng tồn kho, kế toán thanh toán và kế toán tổng hợp. Nếu có sự gián đoạn hoặc không đồng bộ sẽ dẫn đến sai sót trong việc ghi nhận, phản ánh doanh thu và thu tiền bán hàng gây mất thời gian và thất thoát trong quá trình thống kê doanh thu, số tiền thu được từ việc bán hàng cũng như công nợ khách hàng trong doanh nghiệp.

b. Chu trình cung ứng

Ngược lại với chu trình bán hàng, chu trình cung ứng hỗ trợ doanh nghiệp quản lý tốt các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cũng như thanh toán với nhà cung cấp. Chu

trình cũng giúp doanh nghiệp đánh giá được nhà cung cấp, tối ưu hóa quy trình kinh doanh.



Hình 1.5: Mối quan hệ giữa các bộ phận trong chu trình cung ứng

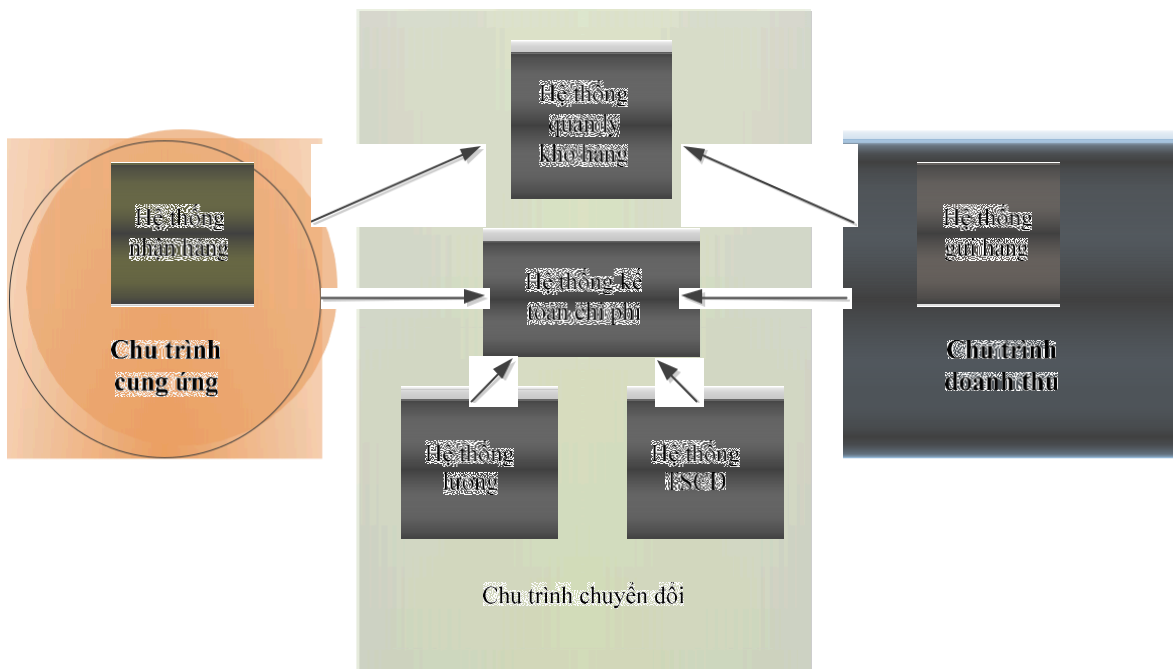
Để thực hiện tốt các chức năng trên của chu trình, đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận như: bộ phận có nhu cầu, bộ phận mua hàng, bộ phận nhận hàng, quản lý kho hàng, kế toán hàng tồn kho, kế toán thanh toán, kế toán vốn bằng tiền và kế toán tổng hợp thông qua việc chia sẻ thông tin trong toàn bộ chu trình.

c. Chu trình chuyển đổi

Chu trình chuyển đổi là quá trình biến đổi các yếu tố đầu vào trở thành đầu ra của doanh nghiệp được xem như chiếc cầu nối giữa chu trình cung ứng và chu trình doanh thu. Chức năng chính của chu trình chuyển đổi là hạch toán chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Để thực hiện tốt các chức năng trên, đòi hỏi các bộ phận có liên quan như bộ phận nhân sự, kế toán tài sản cố định, kế toán thanh toán, kế toán hàng

tồn kho, thủ kho và các bộ phận khác có liên quan phải phối hợp với nhau một cách chặt chẽ. Yêu cầu đặt ra đối với hoạt động của chu trình này là phải ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ các chi phí phát sinh nhằm đảm bảo tốt việc sử dụng các nguồn lực.



Hình 1.6: Mối quan hệ giữa chu trình chuyển đổi và các chu trình khác

d. Chu trình tài chính

Chức năng chính của chu trình tài chính là huy động vốn và sử dụng nguồn vốn đó một cách có hiệu quả. Vì vậy, hệ thống thông tin kế toán trong chu trình tài chính có nhiệm vụ ghi nhận tất cả các hoạt động liên quan đến việc huy động vốn cũng như theo dõi, cung cấp thông tin về tình hình và sự biến động của từng loại tài sản, phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài sản của doanh nghiệp. Có thể thấy, chu trình tài chính bao hàm tất cả các hoạt động, chức năng của doanh nghiệp. Tuy nhiên, do tính chất bao quát và phức tạp của chu trình tài chính nên người ta phân định hệ

thống thông tin trong chu trình tài chính bao gồm các hoạt động còn lại chu trình doanh thu, chu trình chi phí, chu trình chuyển đổi.

Như vậy, có thể khắt quát các chức năng của chu trình tài chính như sau:

- Huy động vốn từ các nguồn khác nhau như phát hành trái phiếu, cổ phiếu, vay ngân hàng...
- Xây dựng và mua sắm TSCĐ
- Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn trong doanh nghiệp như mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con
- Hệ thống kế toán tổng hợp – lập báo cáo tài chính

Để thực hiện tốt chu trình tài chính, đòi hỏi phần mềm phải xử lý được các bút toán trùng trong công tác kế toán, tính toán và cập nhật số dư của các tài khoản đồng thời kết chuyển dữ liệu trên tài khoản tổng hợp. Xử lý tốt các vấn đề đó, chu trình tài chính trong doanh nghiệp sẽ phát huy hiệu quả tối đa.

1.3.6. Tổ chức hệ thống sổ sách và báo cáo kế

toán a. Hệ thống sổ sách

Trong điều kiện ứng dụng hệ thống ERP, sổ kế toán có chức năng giống như trong điều kiện hạch toán thủ công, là phương tiện để ghi chép, xử lý, tổng hợp và lưu trữ các dữ liệu kế toán. Doanh nghiệp cần thiết phải sử dụng nhiều loại sổ kế toán khác nhau cả về kết cấu, nội dung tạo thành một hệ thống sổ kế toán. Các loại sổ kế toán này được liên hệ với nhau một cách chặt chẽ theo trình tự hạch toán của mỗi phần hành. Mỗi hệ thống sổ kế toán được xây dựng là một hình thức tổ chức sổ nhất định mà doanh nghiệp cần sử dụng để thực hiện công tác kế toán.

Theo nội dung ghi chép có thể phân sổ kế toán ra làm hai loại là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phân loại theo tài khoản kế toán. Còn sổ kế toán chi tiết

dùng để ghi các nghiệp vụ kinh tế chi tiết theo từng chỉ tiêu chi tiết trên sổ chi tiết theo yêu cầu quản lý cụ thể.

b. Hệ thống báo cáo

Báo cáo kế toán là sản phẩm cuối cùng của quá trình kế toán tại doanh nghiệp. Thông qua báo cáo kế toán, nhà quản trị có thể kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh đồng thời phân tích, lập kế hoạch, đưa ra quyết định chiến lược. Căn cứ theo đối tượng cung cấp thông tin, báo cáo kế toán được chia thành báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị.

Báo cáo kế toán tài chính là hệ thống báo cáo bắt buộc đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập với mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân bên ngoài doanh nghiệp cũng như các cơ quan nhà nước. Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Đơn vị kế toán cấp trên phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên báo cáo tài chính của tất cả đơn vị kế toán trong cùng đơn vị kế toán cấp trên. Báo cáo tài chính phải lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán, trường hợp báo cáo tài chính trình bày khác nhau giữa các kỳ kế toán phải thuyết minh rõ lý do.

Bên cạnh báo cáo tài chính, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phục vụ yêu cầu quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của nhà quản lý doanh nghiệp. Chính vì vậy, hệ thống báo cáo kế toán quản trị

được xây dựng linh hoạt tùy theo yêu cầu và khả năng quản lý trong từng doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

ERP bao gồm nhiều phân hệ chức năng lưu trữ trong CSDL tập trung cho phép nhà quản lý doanh nghiệp tiếp cận thông tin quản trị đáng tin cậy hơn đồng thời nâng cao hiệu suất cũng như hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Chính vì vậy, theo thời gian ERP đã chứng tỏ được lợi ích cũng như hiệu quả khi ứng dụng vào công tác tổ chức hệ thống thông tin trong doanh nghiệp nói chung cũng như hệ thống thông tin kế toán nói riêng.

Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng ứng dụng thành công mô hình hệ thống ERP. Nguyên nhân là do đối với đặc thù mỗi doanh nghiệp, mỗi ngành nghề kinh doanh khác nhau thì phải thiết kế hệ thống phần mềm ERP thích hợp. Trong doanh nghiệp thương mại đặc biệt là các doanh nghiệp phân phối thì việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP cần chú trọng tính chất linh hoạt và cơ chế F.O, B.O để có thể phát huy tối đa hiệu quả cũng như lợi ích của hệ thống phần mềm ERP.

Trong chương này, tác giả đã phân tích những lý luận cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, hệ thống phần mềm ERP cũng như công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP tại các doanh nghiệp thương mại. Từ đó, làm rõ tầm quan trọng của việc ứng dụng hệ thống phần mềm ERP vào trong hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Việc nghiên cứu lý luận chung về công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP là cơ sở để tác giả tiếp tục tiến hành phân tích thực trạng cũng như đưa ra giải pháp nhằm tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

2.1. QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Vào năm 1992, khi Hiến pháp được sửa đổi đã khẳng định đảm bảo sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường và khu vực đầu tư nước ngoài. Dựa trên cơ sở đó cùng với sự bùng nổ của các sản phẩm công nghệ kỹ thuật, công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim đã ra đời dưới tên gọi Cửa hàng Kinh doanh Điện – Điện tử - Điện lạnh chuyên bán sỉ và lẻ các mặt hàng điện, điện tử, điện lạnh cho người tiêu dùng tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh và khu vực Nam Bộ.

Sang năm 1996, khai trương Trung tâm 6 Bis - Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh công ty đổi tên mới là Trung tâm Điện Tử - Điện Lạnh Thành phố. Đây là cửa hàng đầu tiên và duy nhất kinh doanh hàng chính hãng, bán đúng giá niêm yết và là đơn vị tiên phong trong việc đầu tư mạnh vào chất lượng phục vụ và đem lại nhiều quyền lợi cho khách hàng.

Năm 1999, Công ty một lần nữa đổi tên thành Trung Tâm mua sắm Sài Gòn Nguyễn Kim và lấy thương hiệu “Sài Gòn – Nguyễn Kim” đã được đăng ký bảo hộ độc quyền.

Năm 2001, trung tâm hợp tác với Công ty cổ phần SINCO, đầu tư và đưa vào khai thác cao ốc Trung tâm Mua sắm Sài Gòn Nguyễn Kim mới tại số 63

– 65 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm bán lẻ Điện máy hiện đại đầu tiên tại Việt Nam. Đồng thời, trung tâm cũng chuyển đổi thành Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Kim, đến ngày 17/4/2001 đổi

thành Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Kỹ thuật mới NKĐT trở thành đơn vị bán lẻ điện máy có doanh số , thị phần và chất lượng phục vụ hàng đầu Việt Nam.

Sang năm 2006, Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Kỹ thuật mới NKĐT thực hiện cổ phần hóa, đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nguyễn Kim với số vốn điều lệ 57 tỷ đồng và thực hiện áp dụng hệ thống ERP trên toàn Công ty.

Đến năm 2007, Nguyễn Kim lại một lần nữa đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim (06/07/2007) với số vốn điều lệ lên đến 300 tỷ đồng và duy trì tên gọi đó cho đến nay với tốc độ tăng trưởng bình quân 58%/năm.

Tính đến nay, Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim đã có hai mươi hai (22) trung tâm, chi nhánh tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Trung tâm Mua sắm Sài Gòn – Nguyễn Kim chi nhánh Đà Nẵng được thành lập vào ngày 9/12/2012 đã thu hút nhiều sự chú ý của người người tiêu dùng cũng như của giới báo chí.

2.1.2. Triết lý kinh doanh, tầm nhìn, sứ mạng

Nắm bắt được nhu cầu người tiêu dùng trong thời đại công nghệ số phát triển một cách chóng mặt, cùng với sự phát triển của thương mại điện tử, TV Shopping và nhiều hình thức mua sắm hiện đại khác, Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim đã xây dựng cho mình một triết lý kinh doanh “*Tất cả cho khách hàng, khách hàng cho tất cả*” với mong muốn trở thành công ty số 1 cách biệt tại Việt Nam trong lĩnh vực bán lẻ và kinh doanh Trung tâm Thương mại.

Để có thể thực hiện được điều đó, Nguyễn Kim đặt ra sứ mạng cho toàn bộ các thành viên trong công ty theo đuổi, phải thực hiện:

- Đưa thị trường bán lẻ và quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam ngang bằng với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Tạo môi trường phẳng, mở và giải phóng tất cả năng lực, sự sáng tạo nhằm phát triển sự nghiệp tối đa cho toàn thể thành viên.

- Kết hợp nhuần nhuyễn sự phát triển nhanh và sự bền vững cho mỗi đồng vốn của cổ đông.

Từ đó, Nguyễn Kim tạo cho mình một giá trị cốt lõi:

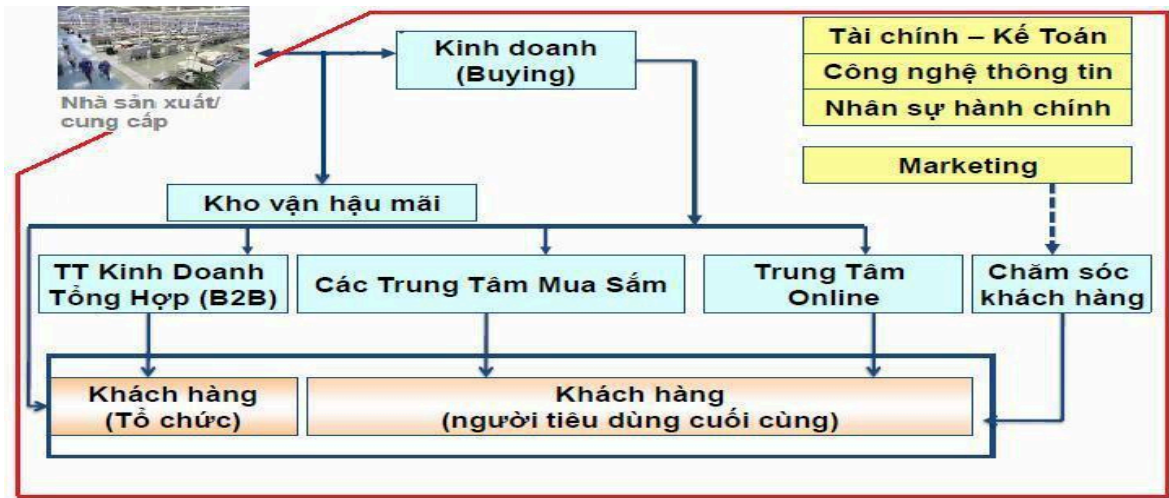
- Sự hài lòng của khách hàng và uy tín thương hiệu;
- Niềm tin mạnh mẽ giữa lãnh đạo, quản lý và nhân viên;
- Hoàn thiện nhân cách và công nghệ quản lý;
- Chia sẻ thành công với đối tác và nhân viên;
- Kết hợp hài hòa các chuẩn mực đạo đức, môi trường và phát triển bền vững.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim được chia làm hai mảng là **Holdings** (đầu tư) và **Trading** (kinh doanh).

Trong đó, Nguyễn Kim Trading chính là hoạt động kinh doanh trung tâm mua sắm bao gồm các ngành hàng: Điện lạnh, điện tử, gia dụng, thiết bị giải trí, thiết bị viễn thông, công cụ dụng cụ, điện cơ dân dụng, đồng giá,... Doanh thu Nguyễn Kim Trading tăng trung bình 50% mỗi năm, như đã nói ở trên là doanh nghiệp bán lẻ hàng kim khí điện máy số 1 Việt Nam với doanh số bán

lẽ năm 2011 đạt hơn 7.000 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Nguyễn Kim Trading được xây dựng theo tiến trình như Hình 2.1.

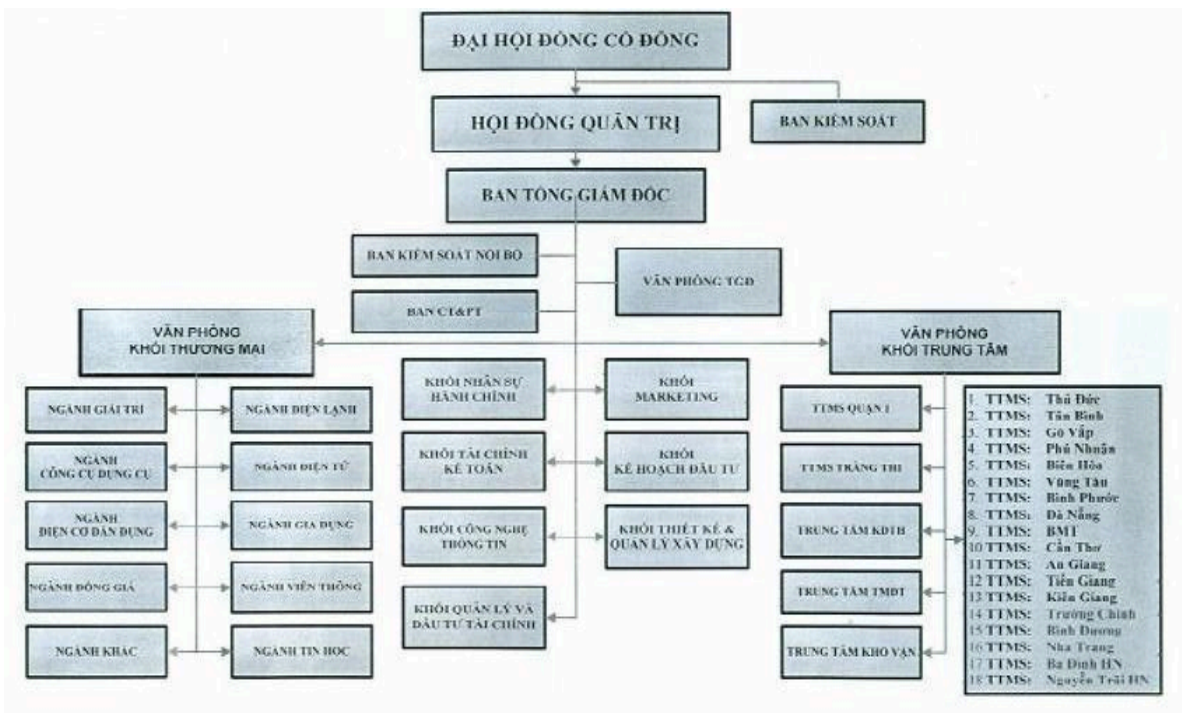


Hình 2.1: Tiến trình đưa sản phẩm đến khách hàng

Bên cạnh Nguyễn Kim Trading là Nguyễn Kim Holding bao gồm các mảng đầu tư về địa ốc, lương thực, tài chính... Lượng xuất khẩu lương thực của các công ty trong chuỗi Nguyễn Kim Holding chiếm trên 25% tổng sản lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Ø Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý:



Hình 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Nguyễn Kim

Ø Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và Ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

- Hội đồng quản trị: Do đại hội cổ đông bầu ra bao gồm năm (05) thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và phải chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

- Ban Tổng giám đốc: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban kiểm soát nội bộ: Có chức năng kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong tất cả các hoạt động của Công ty. Đồng thời có nhiệm vụ giám sát sự tuân thủ các nội quy, quy chế Công ty đã ban hành; kế hoạch kiểm tra, giám

sát thu chi tài chính kế toán theo Luật kế toán; giám sát, đôn đốc việc lập báo cáo quyết toán tài chính 6 tháng và 1 năm.

- **Khối nhân sự hành chính:** Có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về bộ máy sản xuất kinh doanh, và bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu phát

triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; quản lý lao động tiền lương; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ; đồng thời thực hiện các công tác hành chính khác.

- Khối marketing: Có chức năng nghiên cứu tiếp thị và thông tin, tìm hiểu sự hài lòng của khách hàng; khảo sát hành vi ứng xử của khách hàng tiềm năng; phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu; xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược marketing để quảng bá giới thiệu hình ảnh công ty.

- Khối tài chính kế toán: Có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra các hoạt động tài chính của công ty; thực hiện quản lý nguồn vốn và tài sản; thực hiện các nhiệm vụ về kế toán, thủ quỹ, thống kê, nghiệp vụ Ngân hàng và lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư.

- Khối Kế hoạch đầu tư: Đây là đầu mối xây dựng dự thảo chiến lược đầu tư phát triển dự án trung hạn và dài hạn của Công ty; chủ động tìm kiếm và đề xuất các cơ hội đầu tư; tính toán, phân tích tính khả thi của các dự án, đề xuất hình thực đầu tư và biện pháp tổ chức thực hiện cho Tổng giám đốc.

- Khối Công nghệ thông tin: Có nhiệm vụ thiết kế và xây dựng chương các chương trình phần mềm, hệ thống phần cứng phục vụ cho nhu cầu quản lý các hoạt động kinh doanh trong công ty. Đồng thời, kiểm tra, quản lý và chịu trách nhiệm về các vấn đề sự cố kỹ thuật như: đường truyền dữ liệu, tên miền, sơ đồ hệ thống mạng, tiêu chuẩn về thiết bị, phần mềm, bản quyền,...

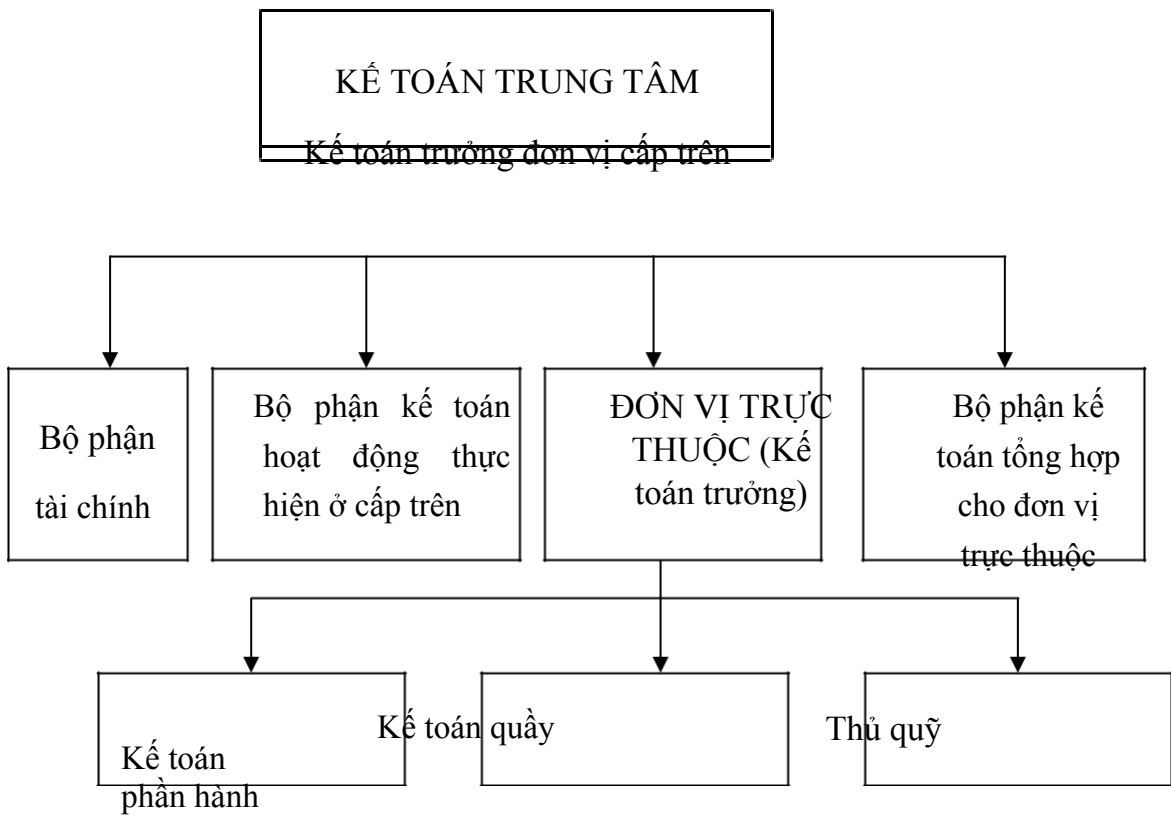
- Khối Thiết kế và quản lý xây dựng: Có chức năng tham mưu, đề xuất với Ban Tổng giám đốc công tác tư vấn, thiết kế và giám sát thi công các dự án, các công trình xây dựng; quản lý, giám sát, thẩm định năng lực các đơn vị

tư vấn thiết kế, các nhà thầu xây dựng và các đối tác liên quan; phối hợp với các bộ phận khác trong công ty để tổ chức thực hiện các công việc của dự án.

- Khối Quản lý và đầu tư tài chính: Trực thuộc văn phòng Tổng công ty, chỉ được hoạt động tại trụ sở Tổng công ty. Có chức năng lập kế hoạch tài vụ theo thời gian tháng, quý hoặc năm; lập kế hoạch tín dụng vay vốn ở ngân hàng; phân tích các hoạt động kinh doanh từ đó đề ra các biện pháp hữu hiệu nhằm khắc phục những khó khăn tồn đọng.

2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức vừa tập trung vừa phân tán theo sơ đồ sau:



Hình 2.3: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Nguyễn Kim

Kế toán theo phân hành tại mỗi trung tâm thường có từ 4 -5 người và có phương pháp tổ chức khác nhau không quy định cụ thể tùy theo sự phân công của kế toán trưởng tại đơn vị đó.

Kế toán quầy có số lượng tùy theo quy mô cũng từng chi nhánh trung tâm tại các địa phương. Kế toán quầy làm việc tại các quầy hàng ở trung tâm và làm việc theo ca dưới sự phân công của kế toán trưởng.

2.1.6. Các chính sách, quy định về công tác kế toán áp dụng

Hiện nay công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim đang áp dụng chế

độ kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để thực hiện xây dựng hệ thống tài khoản kế toán cũng như áp dụng các phương pháp hạch toán nghiệp vụ trong đơn vị.

Đối với hệ thống tài khoản kế toán, bên cạnh việc sử dụng các tài khoản theo Quyết định 15, Nguyễn Kim còn mở thêm các tài khoản chi tiết phục vụ cho nhu cầu theo dõi, quản lý cũng như hạch toán chi tiết tại đơn vị.

Sau đây là một số chính sách kế toán áp dụng tại Nguyễn Kim hiện nay:

- Thực hiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ;
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tài sản mua vào tháng này sẽ được tính khấu hao bắt đầu từ tháng sau;
- Thực hiện tính giá xuất kho của hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước, xuất trước;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng đều là loại phân bổ một lần;
- Các chi phí cần phân bổ đều phải thực hiện phân bổ trong thời gian một năm tài chính;
- Năm tài chính của Nguyễn Kim bắt đầu từ tháng 4 hàng năm, tức là bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Việc tìm hiểu những chính sách, quy định về công tác kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim sẽ giúp làm rõ hơn thực trạng tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng CNTT.

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

2.2.1. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin

Như đã giới thiệu ở trên về công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim, một trong những giá trị cốt lõi mà Nguyễn Kim xây dựng cho mình đó chính là “*hoàn thiện công nghệ quản lý*” với sứ mạng sánh ngang tầm với các nước

tiên tiến trên thế giới. Chính vì vậy, ngày từ buổi ban đầu Nguyễn Kim đã ý thức được tầm quan trọng của việc xác định một phương pháp, cơ chế quản lý hiện đại và phát huy hiệu quả tối ưu – đó chính là phương pháp quản lý đồng bộ dựa trên hệ thống phần mềm ERP.

Nhờ đó, khác với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực, Nguyễn Kim đã tìm được một hướng đi cho mình đó chính là xây dựng một đội ngũ CNTT riêng biệt chuyên nghiệp trình độ cao để thực hiện viết, cải tiến hệ thống phần mềm ERP của riêng Nguyễn Kim, mang thương hiệu Nguyễn Kim. Hiện nay, đội ngũ nhân viên CNTT của Nguyễn Kim trên cả nước đã lên tới con số 50 người với trình độ chuyên môn cao thực hiện xây dựng một hệ thống chương trình quy mô cho toàn hệ thống Trung tâm mua sắm Sài Gòn – Nguyễn Kim.

Với mục đích đó, Nguyễn Kim đã xây dựng hệ thống tổng quan cung cấp các dịch vụ như Hình 2.4:



Hình 2.4: Hệ thống các ứng dụng CNTT đang được áp dụng tại NK

Trong đó, hệ thống phần mềm AM chính là phần mềm ERP do đội ngũ nhân viên CNTT tại Nguyễn Kim xây dựng bao gồm các phân hệ như sau:

Chức năng của từng phân hệ phần mềm được thể hiện qua bảng sau:

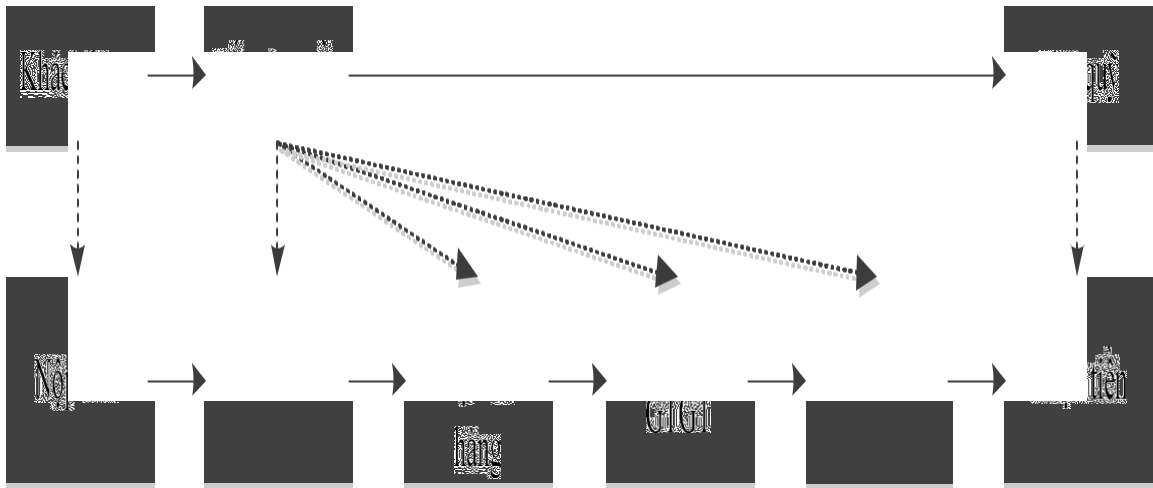
Bảng 2.1: Chức năng các phân hệ phần mềm ERP

Phần mềm	Chức năng
ACC – Quản lý tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý kế hoạch ngân sách - Quản lý thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng - Quản lý công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng - Quản lý chi phí của từng bộ phận - Tổng hợp phân tích các hoạt động tài chính
ASS – Quản lý tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý việc cấp phát, nghiệm thu, chuyển, mượn tài sản - Quản lý việc tính khấu hao, đánh giá lại và thanh lý tài sản - Quản lý quá trình sử dụng tài sản
BSN – Quản lý bán hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý việc bán hàng lẻ, bán hàng đồng tại các trung tâm - Quản lý việc thu hồi hàng trả lại - Quản lý việc thu chi tại các quầy - Quản lý kế hoạch bán hàng của nhân viên
CRM - Quản lý khách hàng	
CTL Quản lý danh mục	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý toàn bộ hệ thống danh mục cho toàn công ty - Các danh mục về hàng hóa: màu sắc, thương hiệu, chủng loại, hàng hóa, tài sản, vật tư... - Các danh mục về kế toán: Ngân hàng, tài khoản, tiền tệ... - Các danh mục về tổ chức: bộ phận, quầy, kho - Các danh mục về đối tác: Tỉnh, quận huyện, nhà cung cấp, khách hàng
DLV Quản lý giao nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý việc phân công và quá trình thực hiện giao nhận - Quản lý đơn giá công lắp đặt, dịch vụ - Quản lý nhân viên giao nhận, tính lương giao nhận
EMS Quản lý điều hành	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ quản lý điều hành công việc - Quản lý quá trình ký và phê duyệt - Quản lý toàn bộ công văn tài liệu

	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý kế hoạch công việc của toàn công ty, bộ phận, nhân viên
HMR – Quản lý nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý cơ cấu tổ chức, chức danh, mô tả công việc - Quản lý quá trình tuyển dụng và đào tạo - Quản lý hồ sơ và quá trình công tác của nhân viên - Quản lý lương, thưởng và các chế độ chính sách
INV – Quản lý kho hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý việc nhập, xuất, tồn kho hàng hóa - Quản lý việc nhập, xuất, tồn kho vật tư
ITS Quản lý hệ thống IT	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý toàn bộ thiết bị phần cứng, hệ thống mạng - Quản lý internet, đường truyền dữ liệu, tên miền - Quản lý chi tiết sơ đồ hệ thống mạng - Quản lý tiêu chuẩn về thiết bị, phần mềm, bản quyền phần mềm - Quản lý các đối tượng về bảo mật - Quản lý và hỗ trợ quá trình phát triển phần mềm - Quản lý tình trạng hoạt động của hệ thống CNTT
MAR Quản lý marketing	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý chương trình khuyến mãi - Thông kê, phân tích về khách hàng
PCS Quản lý mua hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý quá trình mua hàng hóa, vật tư - Quản lý giá mua và giá bán của hàng hóa, vật tư
WRN Quản lý bảo hành	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận các thông tin bảo hành từ khách hàng - Quản lý quá trình bảo hành sản phẩm cho khách hàng - Quản lý nhập, xuất, tồn kho bảo hành - Quản lý chi phí, linh kiện phát sinh trong quá trình bảo hành

2.2.2. Thực trạng xây dựng hệ thống chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ của Nguyễn Kim được xây dựng dựa trên danh mục chứng từ kế toán và mẫu biểu của hệ thống chứng từ quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 06 năm 2006 của Bộ Tài chính. Để làm rõ về trình tự lập và luân chuyển chứng từ, đề tài khảo sát trình tự lập và luân chuyển chứng từ trong công tác thu tiền bán hàng tại Nguyễn Kim. Đây là một hoạt động diễn ra hàng ngày với số lượng nghiệp vụ lớn.



Hình 2.5: Trình tự lập và luân chuyển chứng từ thu tiền bán hàng tại Nguyễn Kim

Kế toán quầy có thể thu hết toàn bộ tiền hàng hoặc thu tiền cọc. Đến khi kết thúc ca làm việc, kế toán quầy phải tổng kết doanh số bán hàng, tổng kết số tiền đã thu để quyết toán với phòng kế toán. Kế toán quầy có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền hàng thu được về cho Thủ quỹ của Trung tâm. Để thực hiện việc kế toán thu tiền bán hàng, kế toán quầy chỉ được phân quyền sử dụng một phần mềm duy nhất là phần mềm BSN – Quản lý bán hàng. Mọi số liệu sẽ được tự động đổ từ phần mềm BSN sang phần mềm INV – Quản lý kho hàng và phần mềm ACC – Quản lý tài chính. Nhờ đó, hạn chế việc sai sót do nhập liệu và dễ dàng kiểm tra, đối chiếu vì chỉ có một người thực hiện nhập liệu là kế toán quầy.

Tương tự quy trình luân chuyển chứng từ thu tiền bán hàng, đối với nghiệp vụ kế toán tiền lương. Hàng ngày, các trưởng bộ phận truy cập vào phần mềm HRM – Quản lý nhân sự để chấm công cho nhân viên. Sau đó kế toán lương căn cứ vào dữ liệu trên phần mềm HRM sẽ tiến hành hạch toán và cập nhật vào phần mềm kế toán ACC. Nhờ đó, hạn chế công tác thủ công

trong việc nhập liệu, dữ liệu về lương của từng cá nhân trong công ty được lưu trữ theo thời gian.

Qua khảo sát sơ bộ, có thể thấy Nguyễn Kim đã tổ chức lập và luân chuyển chứng từ khá đầy đủ, hạn chế công tác nhập liệu thủ công dẫn đến tăng độ chính xác của thông tin cung cấp. Tuy nhiên, tất cả các trình tự luân chuyển chứng từ không được quy định thành văn bản cụ thể để thực hiện thống nhất mà tùy thuộc vào kinh nghiệm xử lý nghiệp vụ của người đứng đầu các bộ phận có liên quan. Dẫn đến, một số nhân viên không thực hiện đúng quy trình và có sai sót nhưng người thực hiện lại không biết. Vì vậy, cần thiết xây dựng một văn bản quy định rõ trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý, thống nhất trong toàn bộ công ty là một vấn đề cần thiết và phải được thực hiện ngay.

2.2.3. Thực trạng tổ chức cơ sở dữ liệu và mã hóa dữ liệu

a. Thực trạng tổ chức cơ sở dữ liệu

Hệ thống phần mềm ERP tại Nguyễn Kim được xây dựng trên nền tảng ngôn ngữ phát triển và lập trình đối tượng MS Visual Studio.Net, database (cơ sở dữ liệu) MS SQL 2008, và một số dữ liệu được lưu thủ công các file bằng Excel.

Một số nghiệp vụ như đối với kế toán quản trị chi phí, để thực hiện dự toán chi phí cho năm sau. Kế toán phải truy xuất dữ liệu về chi phí trong năm nay sang một file Excel rồi sau đó nhập liệu thủ công dữ liệu file Excel này để lập Dự toán chi phí. Do đó, sai sót do nhập liệu rất dễ xảy ra và khó kiểm soát được.

Ngoài ra, dữ liệu được cập nhật và lưu trữ theo từng bộ phận riêng lẻ. Bộ phận kinh doanh muốn xem xét tình hình công nợ khách hàng phải chờ thông tin từ bộ phận kế toán và dữ liệu tồn kho từ bộ phận kho. Hay bộ phận kinh doanh muốn biết chương trình khuyến mãi hàng hóa phải chờ thông tin từ bộ phận Marketing... Vì vậy, dữ liệu lưu trữ, khối lượng công việc của các bộ phận chưa đồng bộ và cung cấp được thông tin lẫn nhau và nhu cầu báo cáo đột xuất cho giám đốc.

Ø Tập tin danh mục:

Bảng 2.2: Thực trạng các tập tin danh mục

Tên tập tin	Thuộc tính
Danh mục khách hàng	Mã khách hàng, Tên khách hàng, Địa chỉ, Số điện thoại, Email, Mã số thuế, Số tài khoản.
Danh mục nhà cung cấp	Mã nhà cung cấp, Tên nhà cung cấp, Địa chỉ, Số điện thoại, Email, Mã số thuế, Số tài khoản, Chiết khấu nhà cung cấp
Danh mục hàng hóa	Mã hàng hóa, Tên hàng hóa, Đơn vị tính, Màu sắc, Nhãn hiệu, Ngành hàng, Vị trí lưu kho, Giá nhập, Giá bán, Thuế suất thuế GTGT, Số lượng tồn kho hiện tại
Danh mục kho	Tên kho, Vị trí kho
Danh mục TSCĐ	Tên TSCĐ, Vị trí sử dụng, Nguyên giá, Tỷ lệ khấu hao, Mức khấu hao
Danh mục nhân viên	Mã nhân viên, Tên nhân viên, Ngày sinh, Bộ phận

Qua bảng trên cho thấy việc thiết kế tập tin danh mục tương đối đầy đủ giúp thực hiện lưu trữ được dữ liệu quản lý. Tuy nhiên, vẫn còn một số tập tin danh mục thiếu các thông tin quan trọng như:

- Danh mục khách hàng thiếu trường “*hạn mức tín dụng*”, “*số dư công nợ hiện tại*”, “*thời hạn thanh toán*”. Chính vì việc thiếu sót này nên ở Nguyễn Kim đã xảy ra nhiều trường hợp không thu hồi được công nợ do khách hàng nợ quá lớn nhưng mất khả năng chi trả gây thất thoát lớn cho công ty. Do đó, những thông tin này cần được xây dựng và cập nhật kịp thời vào cơ sở dữ liệu khách hàng để thực hiện hỗ trợ nhân viên kinh doanh khi xử lý đơn đặt hàng.

- Danh mục hàng hóa thiếu trường “*số lượng tồn kho tối thiểu*”, “*số lượng tồn kho tối ưu*”. Những thông tin này giúp công ty duy trì lượng tồn kho nhất định để đảm bảo an toàn cho việc tiêu thụ và đồng thời quản lý được lượng hàng tồn kho giúp thực hiện kiểm soát chi phí lưu kho hàng hóa.

- Danh mục nhân viên thiếu trường “số điện thoại”, “email”, “vị trí công tác”, “trình độ học vấn”, “chuyên ngành”, “đơn giá tiền lương”... Những thông tin này giúp công ty dễ dàng liên hệ với nhân viên khi cần thiết, cũng như thuận tiện trong việc quản lý nhân sự, có thể dựa vào chuyên ngành và trình độ học vấn để xem xét việc chuyển bộ phận hay vị trí công tác.

b. Thực trạng công tác mã hóa dữ liệu

Nguyễn Kim xây dựng bộ mã tương đối đơn giản, chủ yếu là mã tuần tự có khả năng nói rộng song không thể hiện được thuộc tính của các đối tượng quản lý.

Ø **Mã khách hàng:** gồm 9 chữ số

Nhóm khách hàng	Số thứ tự
X	XXXXXXXXX

- Nhóm khách hàng:

Æ Nếu là khách hàng cá nhân thì ký hiệu là số 1;

Æ Nếu là khách hàng doanh nghiệp thì ký hiệu là số 2.

- Số thứ tự: Được xây dựng tuần tự theo thời gian, thứ tự khách hàng đăng ký thẻ tại Nguyễn Kim không phân biệt đăng ký tại trung tâm nào.

Ví dụ: Khách hàng cá nhân thứ 1.234 có mã là 100001234, khách hàng doanh nghiệp thứ 700 có mã là 200000700.

Ø **Mã ngành hàng**

Mã ngành hàng gồm 2 chữ số được quy định như sau:

Ngành hàng	Mã số
Điện tử	01
Điện lạnh	02
Tin học	03

Viễn thông	04
Giải trí	05
Gia dụng	06
Điện cơ dân dụng	07
Đồng giá	08
Khác	09

Ø **Mã nhà cung cấp:** gồm 9 chữ số

Mã ngành hàng	Số thứ tự
XX	XXXXXXXX

Ví dụ: Nhà cung cấp có mã số là 040000011 là nhà cung cấp Mobell thuộc ngành hàng viễn thông.

Ø **Mã nhân viên**

Mã số nhân viên bao gồm một dãy sáu (06) chữ số được cấp cho mỗi nhân viên dùng để làm mã số pin điện thoại nội bộ và làm tên truy cập vào phần mềm.

Bộ mã được xây dựng theo phương pháp tuần tự, nhân viên đầu tiên gia nhập công ty có mã số là 000001, nhân viên tiếp theo có mã số là 000002,... Mã số này sẽ tồn tại trong suốt quá trình làm việc của nhân viên đó và ngay cả khi thôi việc thì mã số này không bị hủy và gắn liền với nhân viên đó.

Ø **Mã hàng hóa:** gồm 9 chữ số

Mã ngành hàng	Số thứ tự
XX	XXXXXXXX

- Số thứ tự: Gồm 7 chữ số sắp xếp theo thứ tự tăng dần.

Ví dụ: Điện thoại di động Samsung Galaxy Fame S6810 có mã số 040201457, Nồi cơm điện Sharp KSH-1018V có mã số 060007987.

2.2.4. Thực trạng tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Nguyễn Kim căn cứ vào hệ thống tài khoản được quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành để xây dựng hệ thống tài khoản. Bên cạnh đó, Nguyễn Kim cũng xây dựng thêm các tài khoản chi tiết phục vụ cho nhu cầu theo dõi, hạch toán chi tiết tại công ty. Mã tài khoản chi tiết được phân cách với mã tài khoản tổng tổng hợp bằng dấu “.”.

Ví dụ: TK 111: Tiền mặt

TK 1111: Tiền mặt Việt nam đồng

1111.01: Tại quầy

1111.02: Tại bộ phận chăm sóc khách hàng

1111.03: Tại bộ phận kinh doanh

1111.04: Tại văn phòng trung tâm

...

Hệ thống kế toán tại Nguyễn Kim đã góp phần ghi nhận, phản ánh thường xuyên liên tục về tình hình biến động tài sản và nguồn vốn cũng như ghi nhận các khoản chi phí, doanh thu phát sinh. Việc xây dựng tài khoản chi tiết giúp kế toán có thể quản lý và theo dõi chặt chẽ tình hình sử dụng các nguồn lực tại từng bộ phận cụ thể.

2.2.5. Thực trạng các quy trình quản lý

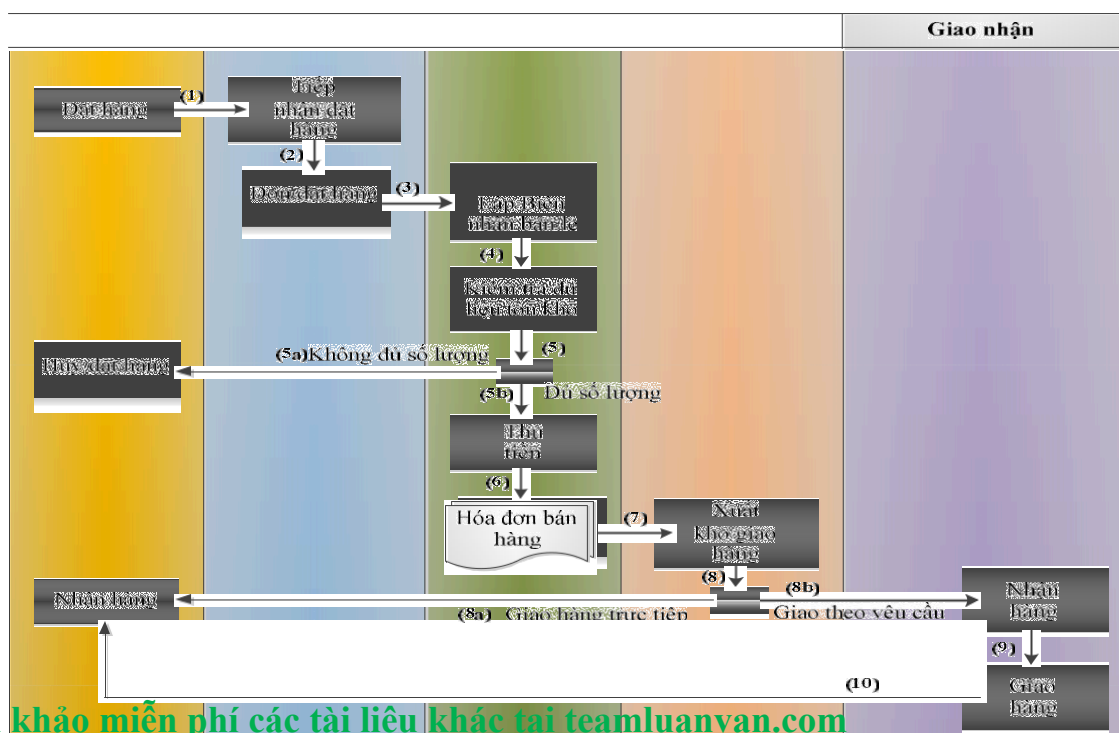
a. Quy trình bán hàng thu tiền

Đây là chu trình chủ yếu diễn ra hàng ngày trong Nguyễn Kim mà bộ phận CNTT tập trung xây dựng. Chu trình này được thiết kế tương ứng cho hai loại hình bán lẻ và bán theo hợp đồng hay còn gọi là bán sỉ.

Bán lẻ tại quầy

.

Quy trình bán hàng thu tiền đối với các nghiệp vụ bán lẻ tại quầy được thể hiện qua lưu đồ sau:



Hình 2.6: Lưu đồ quy trình bán hàng đối với khách hàng cá nhân

Quy trình xử lý ERP chỉ được bắt đầu kể từ khi kế toán quầy tiếp nhận đơn đặt hàng của nhân viên bán hàng. Trước đó, công việc tiếp nhận đơn đặt hàng của khách hàng không nằm trong hệ thống xử lý ERP và được thực hiện thủ công.

Khi nhận được đơn đặt hàng của nhân viên bán hàng, kế toán quầy sẽ truy cập vào phần mềm BSN – Quản lý bán hàng để thực hiện lập Biên nhận bán lẻ (Phụ lục) và kiểm tra số lượng tồn kho có đáp ứng đơn đặt hàng.

BIÊN NHẬN BÁN LẺ									
THÔNG TIN VỀ KHÁCH HÀNG									
NV. BH	Tên NV.BH	Mã NV	Tên NV	Tên hàng	Loại	Đvt	SL	Đơn giá	Thành tiền
				Bếp gas SAKURA SA-690GB	S	cái	1	750.000	750.000

Hình 2.7: Minh họa Biên nhận bán lẻ

Trong Biên nhận bán lẻ, ngoài các thông tin về khách hàng và mặt hàng được đặt mua, kế toán quầy còn cần phải nhập thông tin về nhân viên bán hàng để xác định doanh số của từng nhân viên; đồng thời nhập mã nhân viên của kế toán quầy để sau này truy cứu trách nhiệm.

Khi thực hiện nhập liệu vào Biên nhận bán lẻ, kế toán quầy sẽ kiểm tra số lượng tồn kho trước khi thực hiện đơn đặt hàng. Nếu số lượng tồn kho đáp ứng đơn đặt hàng, kế toán quầy sẽ báo cho khách hàng và thu tiền ngay tại quầy, khóa Biên nhận. Trong trường hợp kế toán quầy nhầm lẫn trong việc xác định số lượng sản phẩm tồn kho, thì khi khóa Biên nhận bán lẻ, hệ thống phần mềm sẽ thực hiện cảnh báo nếu số lượng hàng trong Biên nhận lớn hơn số lượng hàng tồn kho.

Mặc dù quy trình kiểm tra đối chiếu dữ liệu tồn kho được xây dựng chặt chẽ như vậy, song đôi lúc hệ thống vẫn bị lỗi. Ví dụ như khi khách hàng được giao mặt hàng A nhưng không thích màu sắc đổi lại màu khác thì hệ thống

không cập nhật thông tin về hàng tồn kho, dẫn đến khi xuất hàng thì không còn sản phẩm màu đó để giao cho khách hàng. Hay khi hệ thống bị lỗi không cảnh báo trong trường hợp số lượng tồn kho nhỏ hơn số lượng trong Biên nhận bán lẻ.

Sau khi kế toán quầy thực hiện khóa Biên nhận bán lẻ, hệ thống sẽ thực hiện đồng thời hai bước công việc:

- Truy xuất Hóa đơn từ Biên nhận bán lẻ để Kế toán quầy kiểm tra lần cuối và in Hóa đơn.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	SL	Đơn giá	Thành tiền
	Bếp gas SAKURA SA-690GB	cái	1	772.727,27	772.727,27
	<i>Giảm giá:</i>			90.909,09	90.909,09
	<i>Tiền hàng:</i>				772.727,27
	<i>Giảm giá:</i>				90.909,09
	Cộng tiền hàng:				681.818
	Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế:	68.182
				Tổng cộng tiền thanh toán:	750.000
				Ứng trước:	750.000
				Số còn phải thanh toán:	
Tổng tiền thanh toán bằng chữ: Bảy trăm năm mươi ngàn đồng					
Nguyễn Thị A (Kế toán quầy)					

Hình 2.8: Minh họa Hóa đơn GTGT

Sau khi kế toán quầy truy xuất hóa đơn, hệ thống sẽ tự động chuyển dữ liệu sang phần mềm ACC – Quản lý tài chính để hạch toán doanh thu và lập Phiếu thu.

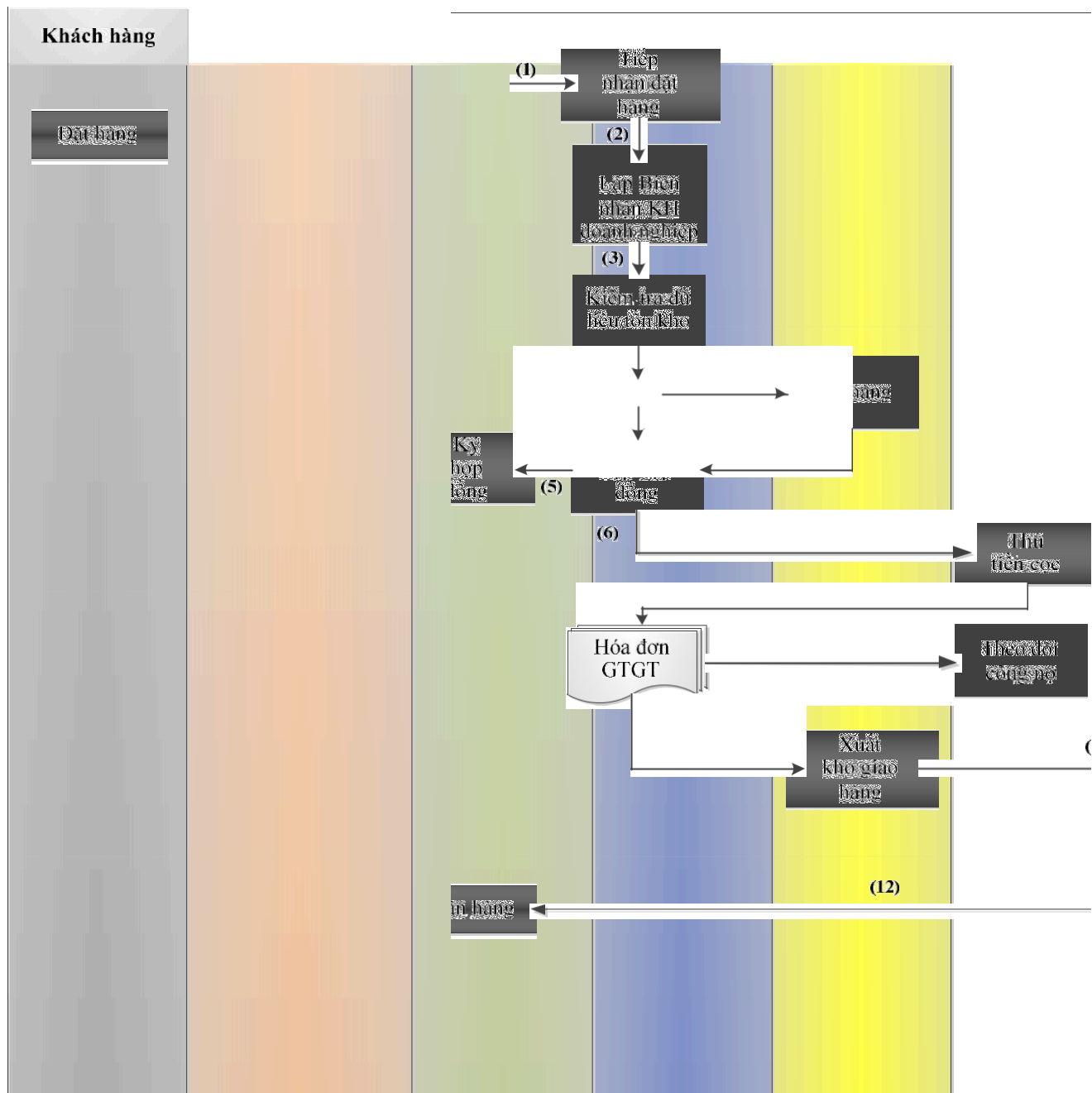
- Liên kết dữ liệu về phần mềm INV – Quản lý kho hàng để xuất Lệnh xuất kho. Căn cứ vào các thông tin ghi trên Lệnh xuất kho, bộ phận kho kiểm tra và tìm mặt hàng khách hàng đặt. Nếu có hàng thực hiện chuyển cho khách hàng và khóa Lệnh xuất kho để tạo Phiếu xuất kho.

Trong trường hợp khách hàng yêu cầu nhận hàng tại nhà thì lúc này bộ phận kho sẽ chuyển hàng cho bộ phận giao nhận, giao nhận giao hàng và thu

tiền rồi đem về nộp cho kế toán vốn bằng tiền. Lúc này kế toán vốn bằng tiền mới lập Phiếu thu và nghiệp vụ bán hàng mới hoàn tất.

Trong quy trình này, có thể thấy thông tin trên Biên nhận bán lẻ và thông tin trên Hóa đơn GTGT không được đồng bộ, vì trên Biên nhận bán lẻ thể hiện thông tin về số tiền đã được giảm giá bao gồm cả thuế GTGT, còn trên Hóa đơn GTGT mọi thông tin được thể hiện rõ ràng.

Bán hàng theo hợp đồng



Hình 2.9: Lưu đồ quy trình bán hàng đối với khách hàng doanh nghiệp

Đối với khách hàng doanh nghiệp mua theo hợp đồng, quy trình nghiệp vụ bán hàng cũng tương tự đối với khách hàng cá nhân tuy nhiên người tiếp nhận đơn đặt hàng cũng như lập hợp đồng, thu tiền, lập hóa đơn GTGT không phải là kế toán quỳ mà là nhân viên kinh doanh tổng hợp. Điều đặc biệt tại Nguyễn Kim là nhân viên kinh doanh tổng hợp này có thể tiếp nhận cả các hợp đồng của khách hàng cá nhân và thêm vào các chương trình khuyến mãi trong khi đó nhân viên bán hàng tại các ngành hàng thì không có thẩm quyền tiếp nhận đơn đặt hàng của khách hàng doanh nghiệp. Chính vì sự nhập nhằng như vậy nên có sự bất đồng khá lớn giữa nhân viên bán hàng và nhân viên kinh doanh tổng hợp.

Ngoài ra, Nguyễn Kim không xây dựng định mức tín dụng cho từng khách hàng cũng như quy trình xét duyệt tín dụng cho những khách hàng doanh nghiệp. Nhân viên kinh doanh tổng hợp sẽ thực hiện xem xét và có toàn quyền trong việc tiếp nhận đơn đặt hàng. Do đó dễ dẫn đến rủi ro nợ xấu kho thu hồi. Bên cạnh hạn mức tín dụng, nhân viên kinh doanh tổng hợp còn được phép lựa chọn, thay đổi giá bán cho các khách hàng doanh nghiệp theo hợp đồng mà không cần thông qua ý kiến của giám đốc. Điều này, tạo điều kiện cho gian lận xảy ra mà Nguyễn Kim khó có thể kiểm soát được.

· **Quy trình xử lý các nghiệp vụ đổi, trả hàng**

Theo chính sách bán hàng, Nguyễn Kim cho khách hàng được phép đổi, trả hàng trong thời gian quy định (tùy thuộc vào từng loại sản phẩm) nếu như phát hiện lỗi về kỹ thuật. Tuy nhiên, cách xử lý nghiệp vụ đổi, trả hàng khác nhau nếu thời gian khách hàng đổi, trả hàng khác nhau.

- *Trường hợp khách hàng đổi, trả hàng trong ngày.* Trong trường hợp khách hàng đổi, trả hàng ngay trong ngày mua hàng, kế toán quỳ sẽ tiếp nhận lại Hóa đơn GTGT và kiểm tra hàng. Sau đó thực hiện quyền của mình truy

cập vào Biên nhận bán lẻ của khách hàng để thực hiện lệnh chỉnh sửa và hủy Hóa đơn GTGT đó. Khi hủy Hóa đơn GTGT, kế toán quây khóa lệnh hủy

thì dữ liệu hạch toán doanh thu và Phiếu Thu trong phần mềm ACC cũng tự động hủy. Đồng thời, thực hiện chuyển sản phẩm lỗi cho bộ phận bảo hành, bộ phận bảo hành nhận được sản phẩm sẽ truy cập vào phần mềm WRN để lập Phiếu nhập kho.

Sau đó, nếu khách hàng không muốn đổi sản phẩm khác thay thế, kế toán quầy sử dụng tiền tại quầy để chi trả ngay cho khách hàng. Nếu khách hàng đổi sản phẩm mới thì kế toán quầy lại thực hiện quy trình giống như tiếp nhận đơn đặt hàng mới.

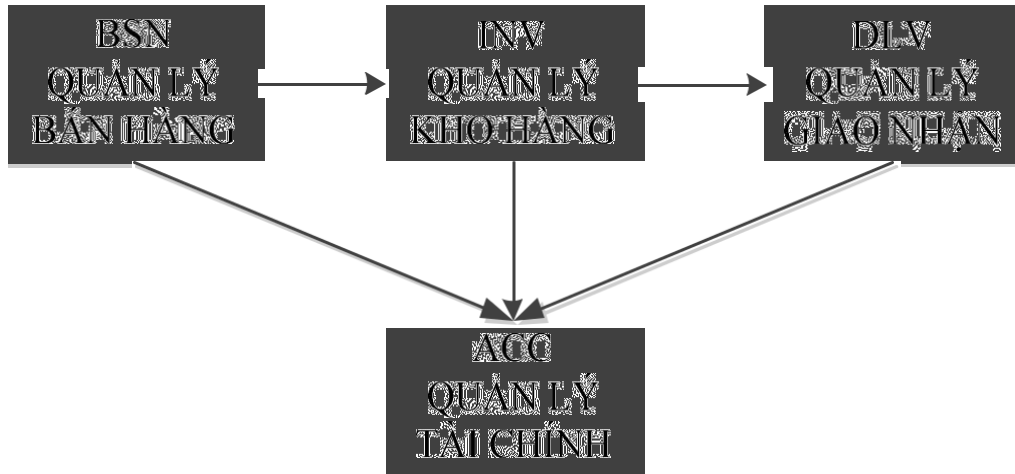
- *Trường hợp khách hàng đổi, trả hàng sau ngày mua hàng.* Trong trường hợp này, người tiếp nhận xử lý việc đổi, trả hàng không còn là kế toán quầy mà là Nhân viên chăm sóc khách hàng. Nhân viên này sẽ nhận lại Hóa đơn GTGT của khách hàng, đồng thời truy cập vào phần mềm BSN để lập Hóa đơn trả hàng phản ánh khoản giảm trừ doanh thu. Ngay khi khóa Hóa đơn trả hàng, dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào phần mềm ACC.

Giống như trường hợp đổi, trả trong ngày, nếu khách hàng không muốn mua mặt hàng khác thì Bộ phận Chăm sóc khách hàng sẽ lập Phiếu Chi và chi tiền cho khách hàng. Nếu khách hàng mua mặt hàng khác thì thực hiện lại quy trình như tiếp nhận đơn đặt hàng mới.

Điểm khác biệt giữa ERP với phần mềm kế toán thông thường là việc cho phép thực hiện bút toán đảo, tuy nhiên Nguyễn Kim lại không xây dựng bút toán này mà cho phép nhân viên thực hiện hủy Hóa đơn GTGT. Như vậy tính trung thực của thông tin kế toán không được đảm bảo và không tin cậy được.

Qua thực trạng quy trình bán hàng thu tiền có thể thấy công tác tổ chức thông tin trong quy trình bán hàng đã giải quyết phần nào nhu cầu về thông tin và quản lý tại công ty. Trong quy trình có sự tham gia của nhiều phần mềm

liên kết với nhau và dữ liệu được hạch toán tự động đúng theo nguyên tắc của ERP:



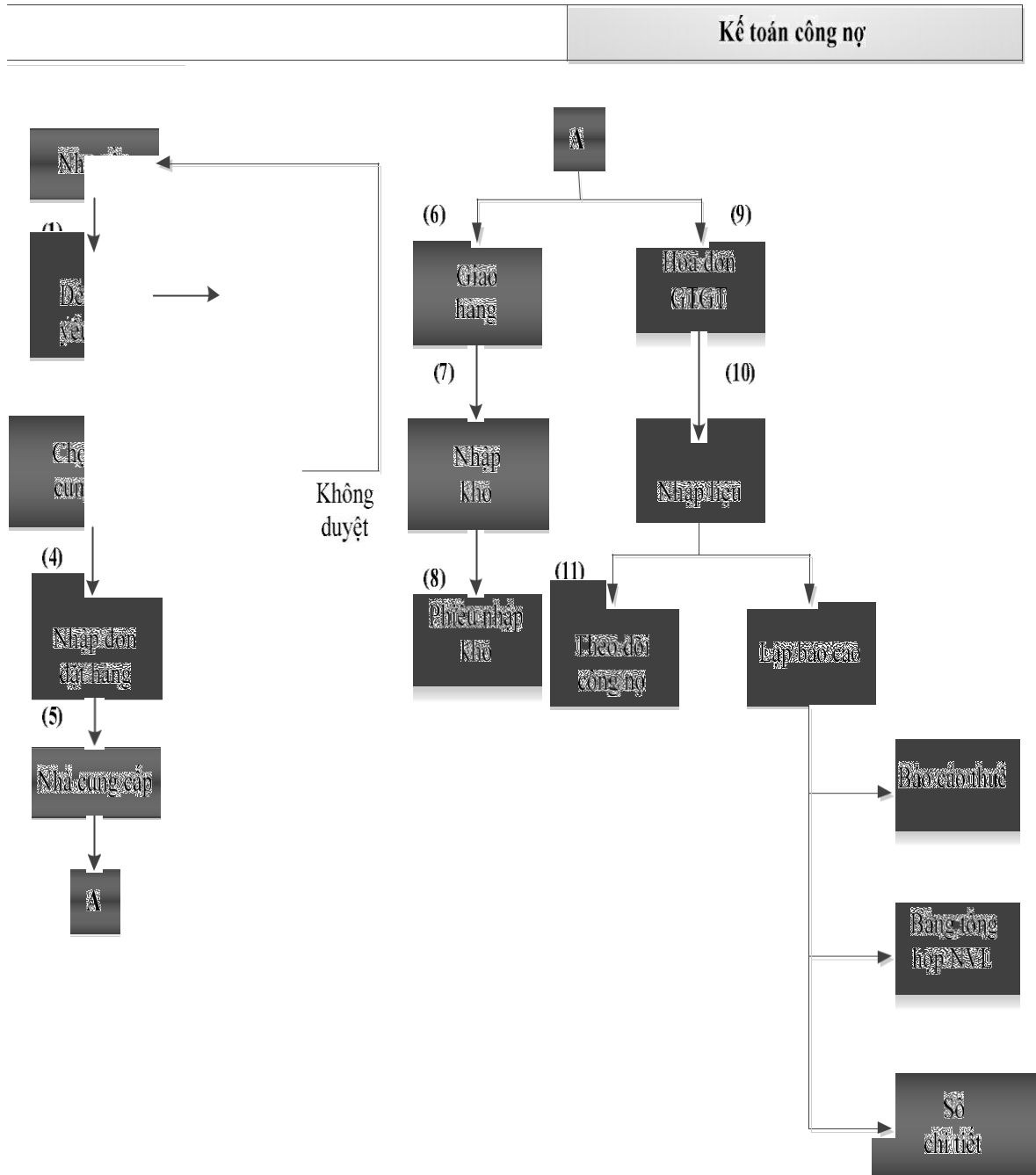
Hình 2.10: Môi quan hệ giữa các phân hệ phần mềm trong quy trình bán hàng thu tiền

Tuy nhiên, quy trình vẫn còn một số hạn chế như chưa cung cấp thông tin hạn mức tín dụng khách hàng, chưa quy định rõ quyền hạn và nhiệm vụ của nhân viên kinh doanh tổng hợp và nhân viên bán hàng dẫn đến tranh chấp và sự không đồng lòng trong công ty. Ngoài ra, Nguyễn Kim vẫn chưa xây dựng được bút toán đảo để tăng tính trung thực của thông tin.

b. Quy trình mua hàng

Ngược lại với quy trình bán hàng thu tiền, quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim khá đơn giản. Nguyên nhân là do chính sách tại Nguyễn Kim quy định chỉ có bộ phận Ngành hàng thuộc Tổng công ty mới được phép sử dụng chức năng mua hàng. Tất cả các trung tâm khác khi có nhu cầu về hàng hóa, vật tư đều phải đặt hàng thông qua Tổng công ty. Tổng công ty căn cứ nhu cầu đề xuất sẽ thực hiện chuyển hàng cho các Trung tâm địa phương. Các trung tâm này không có chức năng mua hàng và không được phép liên hệ đặt hàng với nhà cung cấp.

Có thể khái quát quy trình mua hàng tại Tổng công ty qua lưu đồ sau:



Hình 2.11: Lưu đồ quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim

Quy trình mua hàng được thực hiện duy nhất bởi Trưởng ngành hàng tại Tổng công ty thông qua phần mềm PCS – Quản lý mua hàng. Muốn đặt hàng, đầu tiên Trưởng ngành hàng phải lập Phiếu đề xuất yêu cầu thông qua phần

mềm EMS – Quản lý điều hành. Khi Phiếu đề xuất này được các cá nhân có liên quan duyệt, thì Trưởng ngành hàng được phép toàn quyền lựa chọn nhà cung cấp và đặt hàng.

Qua lưu đồ, có thể thấy việc chọn nhà cung cấp được thực hiện thủ công và không có sự quản lý. Các bảng báo giá không được cập nhật vào hệ thống, và việc lựa chọn nhà cung cấp hoàn toàn được thực hiện dựa vào ý kiến chủ quan của Trưởng ngành hàng, không cần thông qua xét duyệt của cấp có thẩm quyền. Giám đốc chỉ xét duyệt nhu cầu chứ không xét duyệt báo giá và việc lựa chọn nhà cung cấp dễ dẫn đến sự móc nối giữa ngành hàng và nhà cung cấp.

Ngoài ra, khi đặt hàng các Trưởng ngành hàng còn phải quản lý công tác giao nhận hàng. Tùy thuộc vào số lượng và loại mặt hàng mà có thể ký hợp đồng giao về Kho vận thuộc Tổng công ty sau đó điều phối lại cho các chi nhánh hay giao trực tiếp về các chi nhánh trực thuộc.

Khi nhận được hàng, nhân viên bộ phận kho vận sẽ truy cập vào phần mềm INV – Quản lý kho hàng, thực hiện nhập liệu thủ công Biên nhận bàn giao vào hệ thống và khóa dữ liệu. Dữ liệu được khóa sẽ tự động thực hiện lập Phiếu nhập và đổ dữ liệu vào phần mềm ACC.

Đồng thời, khi ngành hàng tại Tổng công ty nhận được Hóa đơn sẽ chuyển về cho bộ phận kế toán để thực hiện ghi sổ và theo dõi công nợ nhà cung cấp. Việc nhập liệu Hóa đơn sẽ do kế toán thực hiện. Khi nhập liệu Hóa đơn vào hệ thống vào thực hiện khóa chứng từ thì hệ thống ERP sẽ tự động cập nhật giá nhập của mặt hàng.

Có thể thấy, quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim còn khá đơn giản và tồn tại nhiều hạn chế như chưa xây dựng được chương trình đánh giá nhà cung cấp, quy trình luân chuyển chứng từ tồn nhiều thời gian, bộ phận phát sinh nghiệp vụ kinh tế không thực hiện nhập liệu mà chuyển cho bộ phận khác. Những hạn chế này cần được khắc phục kịp thời để nâng cao tốc độ cung cấp thông tin cũng như nâng cao chất lượng thông tin kế toán cung cấp.

c. Quy trình nhân sự, tiền lương

Quy trình nhân sự, tiền lương tại Nguyễn Kim được thực hiện thông qua phần mềm HRM – Quản lý nhân sự, BSN – Quản lý bán hàng và ACC –

- Hành chính: Thời gian làm việc từ 8h đến 11h30 và chiều 13h đến 17h, nếu tăng ca tối: 17h30 đến 21h30. Thời điểm chấm công: Sáng trước 9h, chiều trước 14h, tối trước 18h.

- Làm ca: Sáng 8h đến 15h, chiều 15h đến 21h30, bảo vệ 21h30 đến 8h sáng hôm sau. Thời điểm chấm công: Ca sáng trước 9h, ca chiều trước 16h, ca tối trước 22h.

Sau khi trường các bộ phận chấm công và khóa dữ liệu, dữ liệu sẽ tự động chạy vào phần mềm ACC để tính lương, tiền com, tiền xăng, thuế Thu nhập cá nhân, các khoản trích theo lương. Tuy nhiên, một số khoản trích theo lương kế toán phải lập Phiếu kế toán tự hạch toán như trích lương tháng 13, trợ cấp thôi việc (4%), tạm ứng cá nhân.

Ngoài phần lương cơ bản được chấm công trên HRM, nhân viên tại Nguyễn Kim còn được hưởng lương doanh số và tiền thưởng dựa trên hiệu quả công việc. Về doanh số của nhân viên bán hàng sẽ được tổng hợp dựa vào phần mềm BSN như đã trình bày ở trên, khi lập Biên nhận bán lẻ, kế toán quầy phải nhập tên, mã nhân viên bán hàng. Căn cứ vào doanh số nhân viên bán hàng và nhân viên kinh doanh tổng hợp, dữ liệu sẽ đổ vào phần mềm ACC.

Bên cạnh đó, Nguyễn Kim còn đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên để chi tiền thưởng với nguyên tắc “cấp trên đánh giá nhân viên trực thuộc công khai”, Tổng giám đốc đánh giá Ban giám đốc, Giám đốc đánh giá trưởng phó phòng, trợ lý, thư ký,... Sau đó, thực hiện quy đổi tỷ lệ đánh giá thành điểm, mỗi vị trí công tác khác nhau có tiêu chí đánh giá và hệ số điểm khác nhau. Nhân viên sẽ được nhận tiền thưởng dựa vào hệ số điểm này.

Mặc dù dữ liệu tự động đổ vào phần mềm ACC, song bộ phận kế toán vẫn phải kiểm tra đối chiếu giữa phần mềm HRM và ACC chuyển cho bộ phận nhân sự làm đề nghị chi trên phần mềm EMS – Quản lý điều hành. Các cá nhân có thẩm quyền trên cây thư mục xét duyệt, sau đó kế toán sẽ lập Ủy nhiệm chi lấy số chứng từ đề nghị chi trên phần mềm EMS.

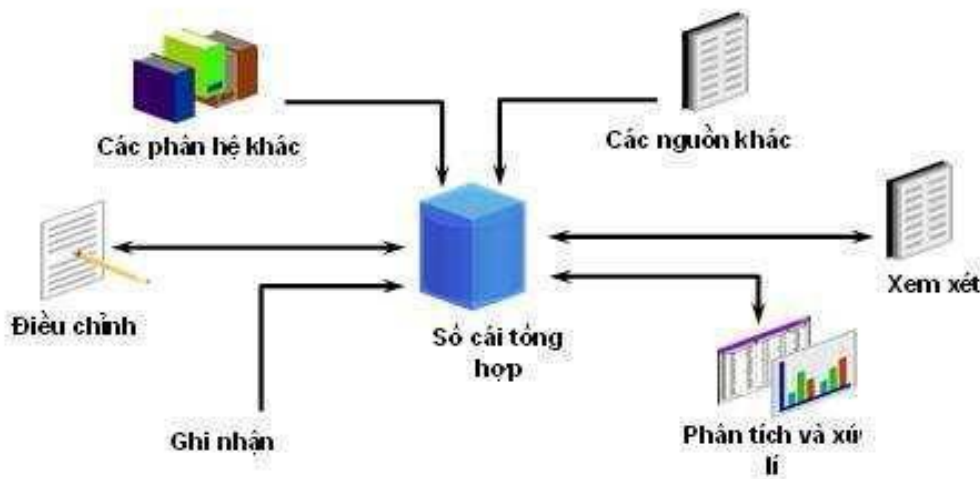
Quy trình nhân sự, tiền lương tại Nguyễn Kim được xây dựng khá đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do sự cố đường truyền mạng vẫn còn một số lỗi khi đổ lương từ phần mềm HRM về phần mềm ACC.

d. Quy trình hạch toán tổng hợp và lập báo cáo

Qua phần trình bày về thực trạng quy trình bán hàng thu tiền, quy trình mua hàng, quy trình nhân sự, tiền lương; có thể thấy được trong hệ thống ERP, kế toán chỉ đóng vai trò là khâu xử lý cuối cùng. Nhờ vậy, hạn chế được sai sót trong quá trình nhập liệu cũng như tăng năng suất lao động. Chính vì vậy, vai trò của kế toán tổng hợp vào cuối kỳ là rất lớn.

Nhiệm vụ của kế toán tổng hợp có thể khái quát như sau:

- Liên kết số liệu từ tất cả các phân hệ kế toán chi tiết: kế toán mua hàng, kế toán bán hàng, kế toán chi phí, kế toán công nợ kiêm thủ quỹ.



Hình 2.13: Liên kết số liệu từ các phân hệ khác về sổ cái tổng hợp

- Thực hiện các bút toán khóa sổ, kết chuyển, phân bổ, điều chỉnh tự động phục vụ cho công tác lập báo cáo tài chính. Ngoài những bút toán tự động mà phần mềm hạch toán, kế toán tổng hợp được phép lập các Phiếu kế toán trong phần mềm ACC để định khoản các nghiệp vụ mới, bút toán mới không có trong chương trình.

Tại Nguyễn Kim có một nội dung nghiệp vụ thường xảy ra đó là các nghiệp vụ giao dịch nội bộ như: thu chi hộ, chuyển kho nội bộ, bán hàng nội

bộ... Đối với những nghiệp vụ này, kế toán tổng hợp tại các trung tâm vừa thực hiện bút toán định khoản tại trung tâm địa phương, còn truy cập cả vào

dữ liệu tổng công ty để thực hiện định khoản bút toán ngược lại. Như vậy, nhờ cơ chế dữ liệu tập trung, phần mềm cho phép Nguyễn Kim lập báo cáo tổng hợp từ các thành viên một cách dễ dàng, nhanh chóng.

Ví dụ: Trong trường hợp khách hàng mua hàng tại Nguyễn Kim thực hiện thanh toán qua thẻ tín dụng, tiền sẽ được chuyển vào tài khoản của tổng công ty thay vì tài khoản của chi nhánh. Vì vậy, trong trường hợp này kế toán sẽ thực hiện hạch toán như sau:

Khi khách hàng thanh toán bằng thẻ, kế toán hạch toán:

Nợ TK 113: Tổng số tiền thanh toán

Có TK 511.XX: Doanh thu bán hàng

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Đồng thời, kế toán lập phiếu kế toán với bút toán như sau:

Nợ TK 136.XX: Phải thu nội bộ tổng công ty

Có TK 113: Tổng số tiền khách hàng thanh toán

Sau đó, kế toán truy cập vào CSDL Tổng công ty để hạch toán ngược lại:

Nợ TK 112.XX: Tổng số tiền khách hàng thanh toán

Có TK 336.XX: Phải trả nội bộ chi nhánh XX

Ngoài ra, kế toán tổng hợp còn thực hiện tổng hợp dữ liệu từ tất cả các phân hệ kế toán khác để lên các báo cáo kế toán tổng hợp, báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo chế độ kế toán hiện hành.

2.2.6. Thực trạng tổ chức hệ thống báo cáo

Với hệ thống 22 trung tâm mua sắm có mặt tại khắp các tỉnh thành trên cả nước, cùng với trên 500 mặt hàng đa dạng khác nhau, Nguyễn Kim cần thiết có một hệ thống báo cáo tổng hợp các dữ liệu đã được xử lý để có thể quản lý tình hình hoạt động kinh doanh giúp kiểm soát sự biến động của từng mặt hàng, tình hình hoạt động của các trung tâm địa phương,...

Tuy nhiên, tại Nguyễn Kim hiện nay, hệ thống báo cáo được xây dựng sơ xài, chỉ chú trọng xây dựng hệ thống báo cáo tài chính. Về kế toán quản trị

chỉ mới lập được một vài báo cáo dự toán chi phí, doanh thu đơn giản bằng thủ công trên các file Excel.

2.2.7. Thực trạng công tác kiểm soát thông tin

Một nhân viên trong Nguyễn Kim có những quyền cơ bản như sau:

- Đăng nhập và sử dụng hệ thống email nội bộ với dung lượng ban đầu là 100MB;
- Sử dụng thư mục trên mạng (homeuser) để lưu lại các file dữ liệu trong quá trình làm việc với dung lượng ban đầu là 100MB;
- Sở hữu thiết bị bảo mật token (áp dụng cho cấp trưởng phòng trở lên);





Thiết bị/hạng mục	Cấp Phó Giám đốc trở lên	Cán bộ/Nhân viên	Nhân viên CNTT
Truy cập ổ cứng trên máy tính	Có quyền sử dụng	Tùy thuộc vào nhu cầu	Có quyền sử dụng
Thiết bị lưu trữ di động (USB)	Có quyền sử dụng	Tùy thuộc vào nhu cầu	Có quyền sử dụng
CD Rom/DVD Read Write	Có quyền sử dụng	Tùy thuộc vào nhu cầu	Có quyền sử dụng
Quyền hạn trên máy tính	User	User	Administrator

Nguyễn Kim còn phân quyền sử dụng các dịch vụ trên mạng:

Các đối tượng khác nếu có nhu cầu công việc để sử dụng các quyền trên trong trường hợp chưa được cấp quyền thì phải làm giấy đề xuất cấp quyền sử dụng trên phần mềm EMS. Đối với hệ thống phần mềm ERP, Nguyễn Kim cũng hướng dẫn và quy định rõ đối tượng sử dụng và phân quyền sử dụng cho từng đối tượng cụ thể dựa trên nhu cầu về công việc như sau:

Bảng 2.3: Phân quyền sử dụng các phân hệ phần mềm trên ERP

Icon	Diễn giải	Bộ phận thường xuyên sử dụng
 ACC - Quản lý Tài chính	Chương trình kế toán	Bộ phận kế toán
 ASS - Quản lý Tài sản	Chương trình quản lý tài sản	Bộ phận Kế toán, Bộ phận hành chính
 BSN - Quản lý Bán hàng	Chương trình bán hàng	Bộ phận kinh doanh bán hàng, bộ phận kế toán, bộ phận chăm sóc khách hàng
 CRM - Quản lý Khách hàng	Chương trình quản lý khách hàng	Bộ phận chăm sóc khách hàng
 CTL - Quản lý Danh mục	Chương trình khai báo các danh mục trên hệ thống, ví dụ như danh mục hàng hóa, danh mục kho...	Bộ phận IT, bộ phận kế toán cấp trưởng phòng
 DLV - Quản lý Giao nhận	Chương trình theo dõi và điều chỉnh giao hàng cho khách hàng	Bộ phận giao nhận và lắp đặt
 EMS - Quản lý Điều hành	Chương trình hỗ trợ quản lý điều hành, chương trình có các chức năng như xét duyệt qua mạng, quản lý công việc, quản lý cuộc họp...	Tất cả nhân viên
 HMR - Quản lý Nhân sự	Chương trình quản lý nhân sự	Bộ phận nhân sự
 INV - Quản lý Kho hàng	Chương trình quản lý theo dõi hàng hóa trong kho	Quản lý kho, bộ phận kế toán

 ITS - Quản lý CNTT	Chương trình quản lý các công việc thuộc chuyên môn của khối CNTT	Khối CNTT
 MAR - Quản lý Marketing	Chương trình dành cho bộ phận Marketing dùng để khai báo các chương trình khuyến mãi, báo cáo liên quan	Bộ phận marketing
 PCS - Quản lý Mua hàng	Chương trình quản lý khâu mua hàng	Trưởng các ngành hàng tại tổng công ty
 WRN - Quản lý Bảo hành	Chương trình quản lý bảo hành	Bộ phận bảo hành

Ø Tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ

Nguyễn Kim đã xây dựng các thủ tục kiểm soát tổ chức thông tin nhằm thực hiện các mục tiêu mang tính hiệu lực, hiệu quả quản lý và tuân thủ các quy định của nhà nước. Các mục tiêu trên được cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.4: Các thủ tục kiểm soát thông tin tại Nguyễn Kim

Các rủi ro, sai sót, gian lận	Hậu quả	Biện pháp kiểm soát
Chấp nhận đơn đặt hàng đối với hàng hóa không có sẵn.	- Giao hàng không đúng tiến độ; - Mất uy tín.	- Hệ thống cung cấp chính xác thông tin về số lượng hàng tồn kho của từng loại hàng hóa; - Kế toán quầy và nhân viên kinh doanh phải kiểm tra kỹ số lượng hàng tồn kho trước

		khi tiếp nhận đơn đặt hàng.
--	--	-----------------------------

Giao hàng sai địa điểm.	- Mất uy tín.	- Kế toán quỳ và nhân viên kinh doanh nhập liệu thông tin về khách hàng chính xác, kiểm tra đối chiếu nhiều lần.
Số liệu không chính xác	- Thông tin không đáng tin cậy.	- Kiểm soát quá trình nhập liệu; - Đối chiếu số liệu giữa các bộ phận.
Nhiễm virus	- Mất dữ liệu	- Tăng cường an ninh cho hệ thống thông tin; - Phân quyền sử dụng các thiết bị lưu trữ thông tin
Nhân viên khi nhập liệu quên khóa lệnh.	- Dữ liệu không được cập nhật, mất dữ liệu.	- Tăng cường đào tạo kiến thức về CNTT và trau dồi chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên.

2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

2.3.1. Ưu điểm của hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim

Qua phân tích thực trạng tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim, có thể thấy được Nguyễn Kim đã xây dựng được hệ thống thông tin kế toán theo đúng định hướng ERP. Có sự liên kết số liệu giữa các phân hệ phần mềm, đồng thời giảm thiểu được quy trình xử lý thủ công, hầu hết mọi nguồn thông tin và mọi công việc đều được xử lý thông qua hệ thống mạng máy tính.

Bên cạnh đó, hệ thống chứng từ được lập đầy đủ tuân theo quy định hiện hành, trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý. Công tác tổ chức đã đáp ứng được

một phần yêu cầu về thông tin, giúp cho nhà quản lý có được các thông tin và số liệu cần thiết trong quá trình ra quyết định.

Hệ thống báo cáo kế toán tương đối đầy đủ theo đúng chế độ hiện hành.

2.3.2. Những tồn tại của hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim

Bên cạnh những ưu điểm trên, hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim còn nhiều hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức hệ thống thông tin chỉ áp dụng cho mảng Trading còn mảng Holding không có sự kết nối;
- Hệ thống phần mềm do nội lực phát triển nên chưa được thẩm định tính minh bạch số liệu, hệ thống đầy đủ những báo cáo chưa có nhiều và số liệu báo cáo vẫn còn sai lệch;
- Chưa áp dụng bút toán hạch toán đảo trong việc xử lý số liệu và công tác trả hàng. Khi khách hàng trả hàng trong ngày, kế toán quây xóa bút toán, hủy hóa đơn chứ không có nghiệp vụ hạch toán đảo. Điều này dẫn đến thông tin kế toán không được minh bạch;
- Quy trình bán hàng và thu tiền vẫn chưa xem xét đến thông tin về hạn mức tín dụng, chưa quy định rõ quyền hạn và nhiệm vụ của nhân viên kinh doanh tổng hợp và nhân viên bán hàng. Ngoài ra, Nguyễn Kim vẫn chưa xây dựng quy trình chuẩn về bán hàng online trong khi website Nguyễn Kim có chức năng này;
- Chưa xây dựng được quy trình đánh giá nhà cung cấp, không cập nhật báo giá vào hệ thống và không cần thông qua xét duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Tổ chức xây dựng tập tin danh mục còn thiếu nhiều trường thuộc tính quan trọng; Bộ mã xây dựng chưa thể hiện đầy đủ thuộc tính của đối tượng quản lý chưa phát huy được hiệu quả;
- Chưa quan tâm đúng mực đến báo cáo kế toán quản trị.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong nội dung chương 2, tác giả đã trình bày thực trạng tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim, trong đó nghiên cứu tập về công tác ứng dụng hệ thống phần mềm ERP. Qua thực tế công tác ứng dụng ERP, phần mềm ERP tại Nguyễn Kim bước đầu đạt được thành công nhất định và góp phần củng cố bộ máy quản lý cũng như khả năng cạnh tranh của Nguyễn Kim trên thương trường.

Bên cạnh những thành tựu như đã nêu ở trên, hệ thống ERP vẫn còn những hạn chế nhất định như việc xây dựng bộ mã còn đơn giản, đồng thời Nguyễn Kim vẫn chưa quan tâm đúng mực đến công tác kế toán quản trị cũng như chưa có phân hệ phần mềm kế toán quản trị...

Từ đó, tác giả nhận thấy để phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống phần mềm ERP cần thiết phải có các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP tại công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim trong thời tới.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

3.1. CĂN CỨ TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

Ngày nay, CNTT đóng vai trò không thể thiếu trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ các hoạt động tác nghiệp, cung cấp thông tin cho việc ra quyết định quản lý và hỗ trợ việc xây dựng các chiến lược nhằm đạt lợi thế cạnh tranh. Không những nâng cao hiệu quả công tác quản lý tại doanh nghiệp, ứng dụng CNTT còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế, phát triển xã hội, nâng cao năng suất cũng như hiệu suất lao động.

Trong xu thế đó, cùng với sứ mệnh trở thành trung tâm mua sắm điện máy hàng đầu tại Việt Nam đòi hỏi Nguyễn Kim phải lựa chọn một hướng đi đúng đắn trong việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Bên cạnh đó, với đặc thù là doanh nghiệp bán lẻ những sản phẩm công nghệ với đa dạng các mẫu mã, màu sắc, giá bán... Cũng như việc mở rộng thị trường đến nhiều tỉnh thành phố trên khắp cả nước làm cho công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP tại Nguyễn Kim gặp phải nhiều khó khăn.

Nhìn thấy được viễn cảnh tương lai cũng như hiểu được tầm quan trọng của CNTT, Nguyễn Kim đã lựa chọn giải pháp ERP với mục tiêu tăng khả năng cạnh tranh của mình trên thương trường. Mặc dù, Nguyễn Kim đã thực hiện ứng dụng ERP vào công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán song

công tác tổ chức vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục như công tác tổ chức không áp dụng cho toàn bộ hệ thống Nguyễn Kim mà chỉ áp dụng cho hệ thống trung tâm mua sắm điện máy. Ngoài ra, hệ thống phần mềm do nội lực phát triển nên chưa thẩm định được tính minh bạch về số liệu, một số quy trình chưa được chuẩn hóa và không áp dụng bút toán đảo trong việc xử lý số liệu và hạch toán kế toán.

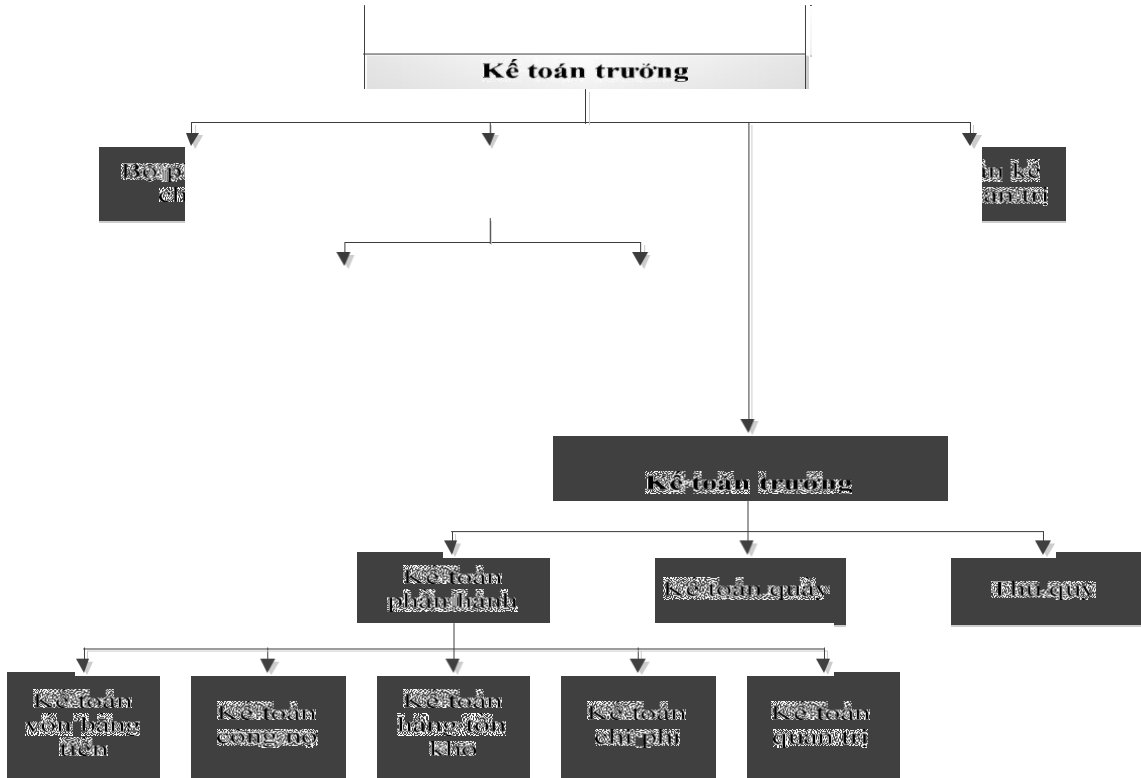
Vì vậy, tất yếu phải thiết kế, tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim theo định hướng ERP để phát huy được tối đa hiệu quả của hệ thống phần mềm ERP trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh.

3.2. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

3.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại các trung tâm

Quy mô Nguyễn Kim ngày càng mở rộng, số lượng chi nhánh và nhân viên tăng lên đáng kể trong năm vừa qua. Để giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán tại Tổng công ty, Nguyễn Kim nên tách bộ phận kế toán ra thành hai mảng riêng biệt là Kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đồng thời, nên quy định chi tiết cụ thể về công tác tổ chức bộ máy kế toán tại các trung tâm, không nên để mỗi trung tâm tự tổ chức.

Khi ứng dụng hệ thống ERP cho toàn thể công ty, trung tâm nào cũng có quy trình quản lý và làm việc giống nhau, việc tự tổ chức sẽ dẫn đến có nơi làm việc hiệu quả có nơi không hiệu quả cũng như hệ thống thông tin quy trình không đồng bộ và nhất quán. Để ERP có thể phát huy hiệu quả tối đa Nguyễn Kim nên phân định rõ các phần hành kế toán, nhiệm vụ của từng kế toán viên tại các chi nhánh theo sơ đồ sau:



Hình 3.1: Hoàn thiện bộ máy kế toán tại các trung tâm chi nhánh

Về số lượng kế toán quầy có thể tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh cụ thể của từng trung tâm. Còn kế toán theo phần hành phải được quy định chung cho toàn bộ các chi nhánh thực hiện.

3.2.2. Hoàn thiện tổ chức cơ sở dữ liệu và mã hóa dữ liệu

a. Hoàn thiện tổ chức cơ sở dữ liệu

Từ thực trạng các tập tin danh mục, công ty cần phải xây dựng lại các tập tin, bổ sung thêm các thông tin khác để phục vụ nhu cầu quản lý.

- Danh mục khách hàng bổ sung thêm trường “*hạn mức tín dụng*”, số dư công nợ hiện tại”, “*thời hạn thanh toán*” các thông tin này giúp công ty có thể theo dõi được tình hình công nợ của khách hàng, giúp hạn chế rủi ro về việc không thu hồi được tiền hàng.

- Danh mục hàng hóa bổ sung thêm trường “*số lượng tồn kho tối thiểu*”, “*số lượng tồn kho tối ưu*” để quản lý, tiết kiệm tốt đa chi phí tồn kho. Khi số lượng tồn kho thấp hơn mức tối thiểu, hệ thống sẽ cảnh báo nhân viên

ngành hàng đặt thêm hàng, và mặt hàng nào vượt quá mức tồn kho tối ưu sẽ được cảnh báo để tiêu thụ tiếp hoặc chuyển kho nội bộ.

- Danh mục nhân viên bổ sung thêm trường “*số điện thoại*”, “*email*”, “*vị trí công tác*”, “*trình độ học vấn*”, “*chuyên ngành*”, “*đơn giá tiền lương*”... Những thông tin này giúp công ty dễ dàng liên hệ với nhân viên khi cần thiết, cũng như thuận tiện trong việc quản lý nhân sự, có thể dựa vào chuyên ngành và trình độ học vấn để xem xét việc thuyên chuyển bộ phận hay vị trí công tác.

b. Hoàn thiện bộ mã

Bộ mã tại Nguyễn Kim được xây dựng khá đơn giản, mặc dù bộ mã có khả năng mở rộng song lại không thể hiện được các thuộc tính của bộ mã. Ví dụ như mã nhân viên không cho biết được nhân viên đó hiện đang công tác tại đâu trong hệ thống trung tâm mua sắm Nguyễn Kim và làm việc tại bộ phận nào; bộ mã khách hàng chỉ mới cho thấy khách hàng thuộc nhóm khách hàng doanh nghiệp hay khách hàng cá nhân chứ không biết được loại khách hàng tiềm năng; mã nhà cung cấp chỉ mới thể hiện thuộc tính phân loại ngành hàng nhưng muốn theo dõi cụ thể cho từng mặt hàng thì không được. Đồng thời, Nguyễn Kim cần xây dựng bổ sung một số bộ mã như mã trung tâm, mã bộ phận để dễ dàng theo dõi.

□ Mã trung tâm:

Mã trung tâm gồm bởi 2 ký tự được xây dựng theo phương pháp tuần tự, được quy định như sau:

Trung tâm	Mã số	Trung tâm	Mã số
Văn phòng tổng công ty	01	TTMS Bình Phước	12
TTMS Quận 1	02	TTMS Cần Thơ	13
TTMS Tràng Thi	03	TTMS Kiên Giang	14
TTMS Tân Bình	04	TTMS Tiền Giang	15

TTMS Thủ Đức	05	TTMS Buôn Mê Thuộc	16
--------------	----	--------------------	----

TTMS Đà Nẵng	06	TTMS Trường Chinh	17
TTMS Gò Vấp	07	TTMS Bình Dương	18
TTMS Biên Hòa	08	TTMS Nha Trang	19
TTMS Phú Nhuận	09	TTMS Ba Đình	20
TTMS Vũng Tàu	10	TTMS Nguyễn Trãi	21
TTMS An Giang	11		

Ø Mã bộ phận

Bộ mã này gồm 2 ký tự được xây dựng tuần tự theo sơ đồ bộ máy tổ chức Nguyễn Kim từ cấp cao xuống cấp thấp, thể hiện như sau:

- 1 – Ban quản trị gồm: Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát;
- 2 – Ban Cải tiến và phát triển;
- 3 – Ban Kiểm soát nội bộ;
- 4 – Bộ phận nhân sự, hành chính;
- 5 – Bộ phận tài chính kế toán;
- 6 – Bộ phận CNTT;
- 7 – Bộ phận đầu tư tài chính;
- 8 – Bộ phận Marketing;
- 9 – Bộ phận kế hoạch đào tạo;
- 10 – Bộ phận thiết kế và QLXD;
- 11 – Ngành hàng.

□ **Mã nhân viên:** gồm 07 chữ số được thiết kế như sau:

Mã Trung tâm	Mã bộ phận	Số thứ tự
XX	XX	XXX

Ví dụ: Nhân viên A có mã số 0105120. Đây là nhân viên bộ phận kế toán thuộc văn phòng tổng công ty, là nhân viên thứ 120 vào làm việc tại công ty.

Nhân viên B có mã số 0604090. Đây là nhân viên thứ 90 làm tại bộ phận nhân sự thuộc TTMS Đà Nẵng.

Ø Mã khách hàng

Mã khách hàng gồm 10 chữ số được xây dựng ghép nối như sau:

Loại khách hàng	Loại thẻ	Mã trung tâm	Số thứ tự
X	X	XX	XXXXXX

- Loại khách hàng: 1 - Khách hàng cá nhân, 2 - khách hàng doanh nghiệp.

- Loại thẻ: 1 – Thẻ khách hàng thường xuyên, 2 – Thẻ khách hàng vàng, 3 – Thẻ khách hàng V.I.P; 4 – Khách hàng không đăng ký thẻ.

- Vị trí đăng ký thẻ: giống như quy định đối với mã nhân viên.

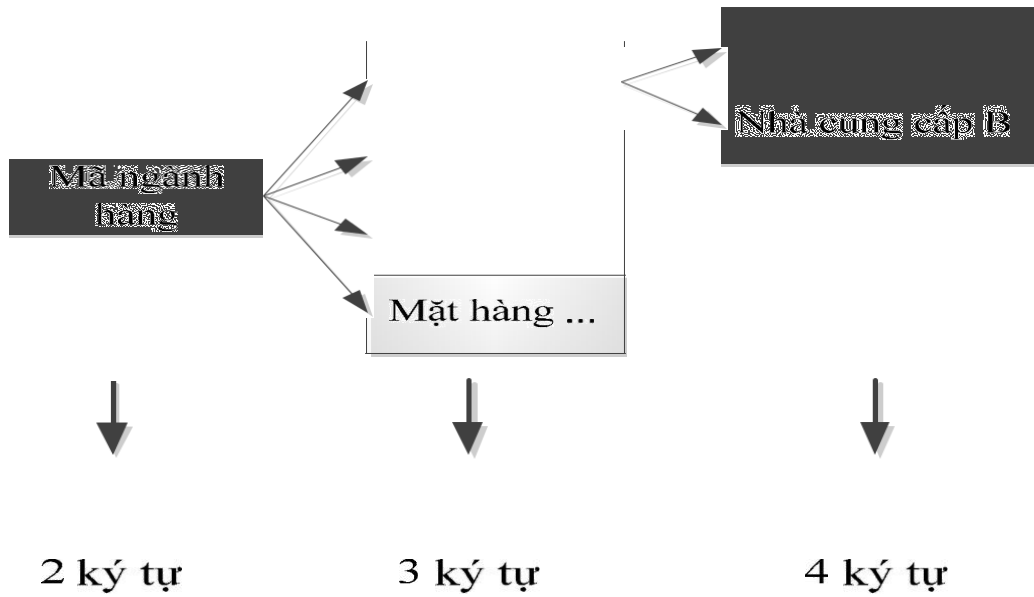
Nguyễn Kim nên xây dựng mã số riêng cho khách hàng không đăng ký thẻ. Việc quy định mã số khách hàng không đăng ký thẻ giúp Nguyễn Kim có thể theo dõi doanh thu của nhóm khách hàng này từ đó cung cấp thông tin cho nhà quản trị để ra quyết định.

Ví dụ: Khách hàng A mã số 1103012345 là khách hàng cá nhân có thẻ khách hàng thường xuyên đăng ký làm thẻ tại TTMS Tràng Thi và là khách hàng thứ 12.345 của Nguyễn Kim.

Khách hàng cá nhân không đăng ký thẻ sẽ có mã số 1408000000.

Ø Mã nhà cung cấp

Bộ mã nhà cung cấp do Nguyễn Kim xây dựng chỉ thể hiện thuộc tính ngành hàng của nhà cung cấp. Tuy nhiên, một ngành hàng có thể có nhiều mặt hàng khác nhau và các mặt hàng đó có thể có nhiều nhà cung cấp. Do đó, Nguyễn Kim nên bổ sung thuộc tính về mặt hàng trong từng ngành hàng. Khi cần tra cứu nhà cung cấp của một mặt hàng nào đó có thể nhận biết nhanh chóng. Bộ mã gồm 9 ký tự được xây dựng như sau:



Ví dụ: Mã số 040010001 là mã nhà cung cấp Apple về điện thoại di động thuộc ngành hàng viễn thông.

3.2.3. Hoàn thiện tổ chức các quy trình quản lý tại Nguyễn Kim

Để có thể đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao trong công tác quản lý và cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh hợp lý cũng như hướng tới việc xây dựng một hệ thống thông tin quản lý thích hợp, tổng thể. Hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim cần thực hiện cải tiến, hoàn thiện các quy trình quản lý, khắc phục những điểm yếu nêu trên.

a. Hoàn thiện quy trình bán hàng thu tiền

Hoàn thiện chức năng xét duyệt đơn đặt hàng trong quy trình bán hàng có hợp đồng

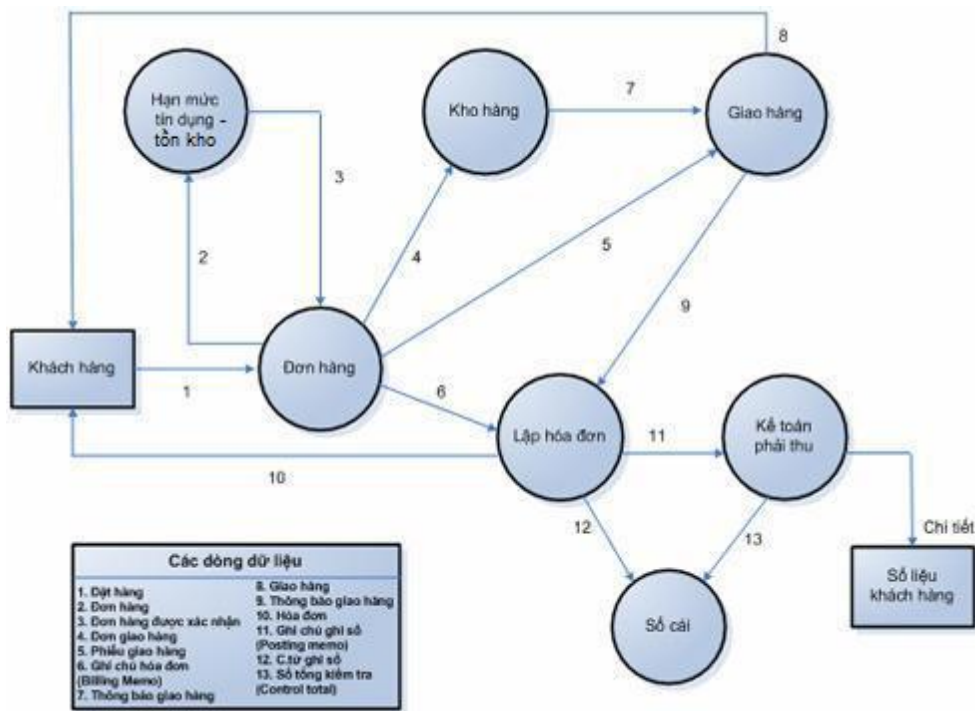
Qua thực trạng tổ chức quy trình bán hàng thu tiền tại Nguyễn Kim, có thể thấy rằng quy trình xét duyệt đơn đặt hàng với khách hàng doanh nghiệp quá đơn giản. Nhân viên kinh doanh tổng hợp và giám đốc chỉ dựa trên ý kiến cá nhân và lượng hàng tồn kho chứ không hề xem xét các yếu tố như hạn mức

tín dụng khách hàng, uy tín khách hàng,... dẫn đến nhiều trường hợp không thu hồi được tiền hàng do khách nợ quá lớn vượt khả năng chi trả.

chiều xong, nhân viên kinh doanh tổng hợp sẽ lập Phiếu đề xuất bán hàng kèm theo Bảng báo giá trình lên phần mềm EMS để các cá nhân có liên quan

trong cây thư mục xét duyệt. Các cá nhân có thẩm quyền không chỉ xét duyệt về tính chất đơn hàng mà còn duyệt cả giá bán. Nhờ vậy, đảm bảo hạn chế rủi ro khi nhân viên kinh doanh liên kết với khách hàng. Sau khi việc xét duyệt hoàn tất, nhân viên kinh doanh mới lập Hợp đồng và gửi cho khách hàng.

Có thể khái quát dòng dữ liệu trong hệ thống bán hàng và thu tiền như sau:



Hình 3.3: Sơ đồ dòng dữ liệu trong hệ thống bán hàng, thu tiền Hoàn thiện quy trình bán hàng online

Bên công tác xét duyệt đơn đặt hàng của khách hàng mua theo hợp đồng và dòng dữ liệu trong hệ thống bán hàng, thu tiền, Nguyễn Kim cũng chưa xây dựng được quy trình chuẩn cho khách mua hàng online. Đây là một loại hình bán hàng mới xuất hiện tại nước ta, nên để quản lý được quy trình này tương đối khó khăn. Khi thiết kế quy trình bán hàng online cần chú ý đến các vấn đề sau:

- Khách hàng đặt hàng có thể nằm rải rác ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước. Nên khi khách hàng đặt hàng cho phép khách hàng lựa chọn

trung tâm (chi nhánh) Nguyễn Kim cụ thể để mua hàng. Như vậy, việc lựa chọn trung tâm phụ thuộc vào khách hàng chứ không phải do Nguyễn Kim yêu cầu.

Ví dụ: Có một khách hàng ở Huế muốn mua một Tivi Led Samsung 32 inch, khi khai báo các thông tin đặt hàng ngoài việc khai báo địa chỉ nhà, địa chỉ giao hàng, cho phép khách hàng lựa chọn Trung tâm bán hàng. Khách hàng này có thể lựa chọn Trung tâm bán hàng là Nguyễn Kim chi nhánh Đà Nẵng hay Nguyễn Kim Ba Đình (Hà Nội) là tùy thuộc vào khách hàng.

- Trước khi xác nhận đơn đặt hàng cần cho khách hàng xác nhận lại các thông tin trong đơn đặt hàng như địa chỉ người mua, số điện thoại người mua, địa chỉ giao hàng, thời gian giao hàng, món hàng lựa chọn và tổng số tiền phải thanh toán hay chương trình khuyến mãi nếu có. Tuy nhiên, hệ thống bán hàng online tại Nguyễn Kim chưa làm được điều này. Khi khách hàng hoàn thành các bước đặt hàng thì đơn đặt hàng được lập ngay mà không có xác nhận lại của khách hàng.

- Hệ thống bán hàng online của Nguyễn Kim chỉ cho phép đặt hàng nhưng không cho phép hủy đơn đặt hàng. Như vậy trong trường hợp sự cố mạng hay do khách hàng chọn nhầm mục dẫn đến hoàn tất đơn đặt hàng nhưng lại không thể hủy được.

- Liên hệ trực tiếp qua điện thoại với khách hàng để xác nhận lại thông tin đặt hàng lần cuối cùng trước khi giao hàng để đảm bảo tính chính xác của thông tin đặt hàng và xác định nhu cầu của khách hàng để tránh tình trạng khách hàng bấm nhầm hoặc lựa chọn nhầm mặt hàng.

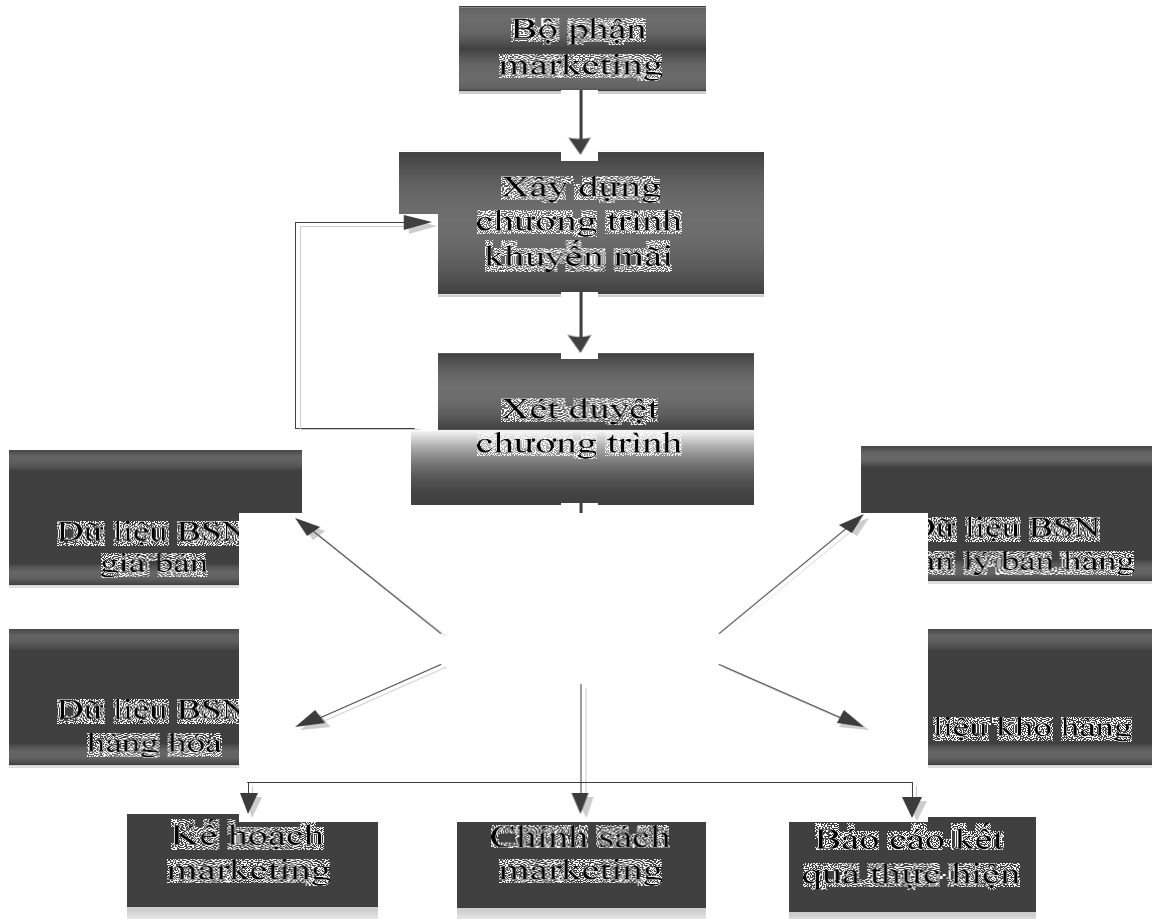
Xây dựng mối liên kết giữa các phân hệ phần mềm

Đặc điểm của công tác bán hàng tại Nguyễn Kim là luôn có nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá, ưu đãi kèm theo. Vì vậy, kế toán quầy

ngoài công tác nhập liệu còn phải nhớ thông tin về các chương trình giảm giá, khuyến mãi để báo cho khách hàng. Công việc này được thực hiện thủ công

nên thiếu sót thường hay xảy ra.

Do đó, phân hệ phần mềm BSN – Quản lý bán hàng cần có sự liên kết với phân hệ phần mềm MAR link các mặt hàng được khuyến mãi với các sản phẩm khuyến mãi. Như vậy, thông tin về chương trình giảm giá, khuyến mãi được

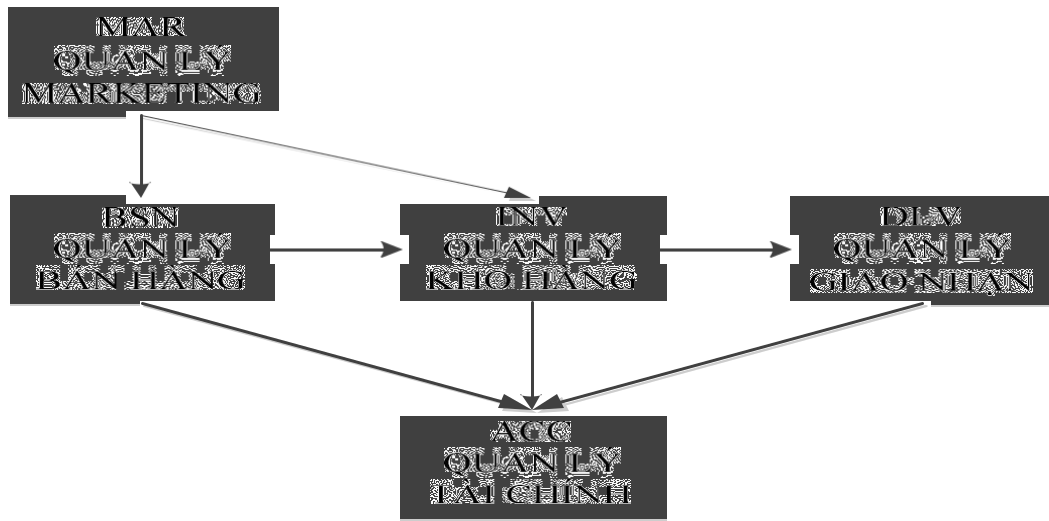


Hình 3.4: Hoàn thiện phân hệ phần mềm MAR – Quản trị Marketing

Khi bộ phận Marketing thiết kế chương trình khuyến mãi và được phê duyệt, bộ phận này sẽ nhập chương trình khuyến mãi vào hệ thống. Ví dụ: Nguyễn Kim đang có chương trình khuyến mãi: “Mua điện thoại di động Nokia Lumia 520 sẽ được tặng thẻ nhớ 8gb” thì bộ phận Marketing sẽ tìm mặt hàng điện thoại Nokia Lumia 520 trong hệ thống và tạo liên kết với thẻ nhớ microsd 8gb. Như vậy, khi kế toán quỳ nhập thông tin về đơn đặt hàng mua điện thoại

Nokia Lumia sẽ hiển thị cả món hàng thứ 2 là thẻ nhớ microsd với ghi chú là hàng khuyến mãi mặc dù khách hàng không đặt mua món hàng này.

Có thể hình dung mối quan hệ giữa các phân hệ phần mềm trong quy trình bán hàng thu tiền tại Nguyễn Kim như sau:



Hình 3.5: Hoàn thiện mối quan hệ giữa các phân hệ phần mềm trong quy trình bán hàng thu tiền Thiết kế bút toán đảo cho nghiệp vụ trả hàng

Đối với nghiệp vụ trả hàng trong ngày đối với những mặt hàng bị lỗi kỹ thuật, Nguyễn Kim thực hiện xóa nghiệp vụ đó, hủy hóa đơn xem như nghiệp vụ chưa từng xảy ra. Trong khi đó hệ thống ERP với ý nghĩa là một hệ thống phản ánh trung thực nhất các hoạt động kinh tế phát sinh trong một tổ chức kinh tế, không cho phép người dùng xóa bất kỳ một bút toán nào đã hạch toán vào hệ thống. Tất cả những gì mà người sử dụng có thể làm là thực hiện bút toán đảo. Vì vậy, trong trường hợp khách hàng trả hàng trong ngày hay sau ngày mua hàng, kế toán đều phải thực hiện phản ánh khoản giảm trừ doanh thu và giảm giá vốn.

Từ đó, đòi hỏi Nguyễn Kim phải thiết kế trên phần mềm BSN – Quản lý bán hàng một phân hệ nghiệp vụ trả hàng. Khi khách hàng trả hàng, bộ phận chăm sóc khách hàng liên hệ kiểm tra, thu hồi hàng hóa cùng với Hóa

đơn. Sau đó, nhập nội dung Hóa đơn, số hiệu Hóa đơn vào phần mềm với nội dung trả hàng. Hệ thống phần mềm sẽ tự động hạch toán các bút toán sau:

- Giảm trừ doanh thu: Nợ TK 531:
Nợ TK 3331:
Có TK 111:
- Giảm trừ giá vốn: Nợ TK 632:
Có TK 1561:

Sau khi khóa phần mềm, dữ liệu sẽ tự động liên kết với phần mềm WAR để chuyển hàng cho nhà cung cấp bảo hành, hoặc chuyển trả nhà cung cấp.

Không chỉ riêng đối với nghiệp vụ trả hàng, các nghiệp vụ khác do nhân viên nhập chứng từ sai dữ liệu vẫn chưa thể áp dụng phương pháp điều chỉnh hạch toán đảo. Do đó, Nguyễn Kim cần thiết kế bút toán đảo cho cả những nghiệp vụ này để tăng tính trung thực của thông tin kế toán.

Nhờ có đặc điểm này, hệ thống thông tin kế toán do ERP cung cấp luôn có độ tin cậy cao đối với các đối tác bên ngoài công ty cũng như với các cổ đông.

b. Hoàn thiện quy trình mua hàng

Quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim tương đối đơn giản, song việc xây dựng quy trình của công ty vẫn còn nhiều vấn đề:

- Thứ nhất, kế toán vẫn còn nhập liệu mặc dù chứng từ phát sinh tại bộ phận khác. Theo ERP, dữ liệu chỉ được cập nhật một lần duy nhất tại bộ phận phát sinh và luân chuyển đến các bộ phận sử dụng. Đồng thời, quá trình luân chuyển Hóa đơn từ kho đến bộ phận kế toán mất nhiều thời gian dẫn đến chậm trễ trong công tác ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như không theo dõi kịp thời tình hình kinh doanh của công ty. Vì vậy, Nguyễn Kim phải quy định rõ bằng văn bản bộ phận nhập liệu chứng từ là nơi phát sinh nghiệp vụ kinh tế hay chính là ngành hàng yêu cầu mua hàng. Khi ngành hàng nhận hóa đơn của nhà cung cấp thì thực hiện nhập liệu ngay vào hệ thống phần

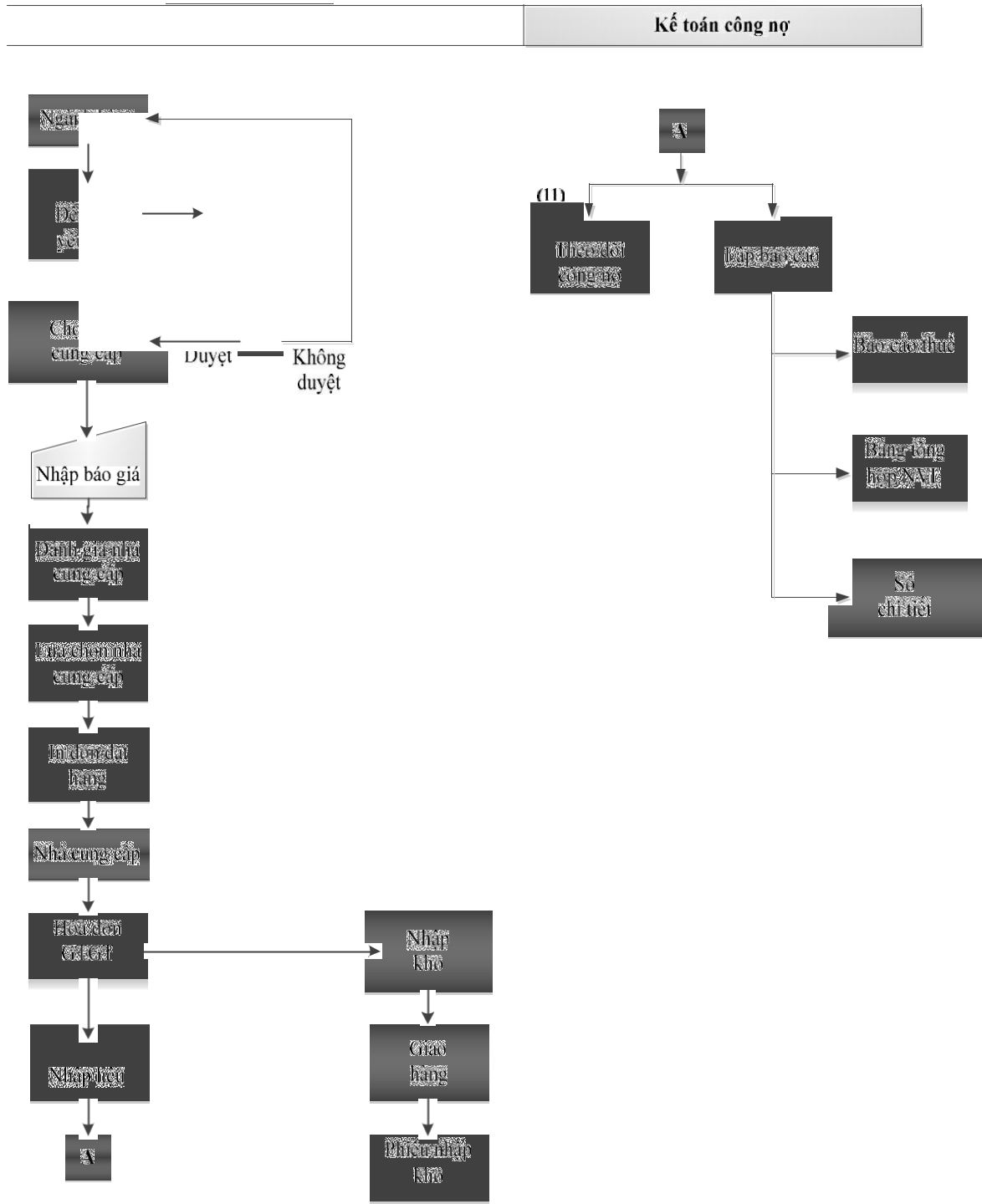
mềm. Như vậy sẽ rút ngắn được thời gian luân chuyển chứng từ từ ngành hàng đến bộ phận kế toán.

- Thứ hai, công tác đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp còn được thực hiện một cách thủ công dựa vào ý kiến chủ quan của trưởng ngành hàng, không qua sự phê duyệt của nhà quản lý hay cá nhân có thẩm quyền khác. Vì vậy, rất dễ dẫn đến các sai phạm trong việc chọn nhà cung cấp ảnh hưởng đến giá mua hàng hóa. Để kiểm soát việc đánh giá nhà cung cấp cần xây dựng có tiêu chí đánh giá nhà cung cấp như:

- Bảng báo giá của nhà cung cấp;
- Dịch vụ hậu mãi;
- Chương trình khuyến mãi;
- Uy tín của nhà cung cấp;
- Chất lượng hàng hóa;
- v.v...

Đồng thời, thiết kế thang điểm cho từng tiêu chí, tổng điểm các tiêu chí chính là điểm đánh giá nhà cung cấp. Xây dựng một khoảng điểm cho phép và xem xét nhà cung cấp nằm trong khoảng điểm đó. Nhà cung cấp nào có tổng điểm cao nhất sẽ lựa chọn nhà cung cấp đó.

Có thể hình dung quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim sau khi hoàn thiện như sau:



Hình 3.6: Lưu đồ hoàn thiện quy trình mua hàng tại Nguyễn Kim

Đối với những trường hợp xuất hiện nhiều nhà cung cấp với mức điểm ngang nhau thì cho phép sự can thiệp của ngành hàng và giám đốc. Trưởng các ngành hàng chọn nhà cung cấp tiềm năng trong số các nhà cung cấp ngang điểm sau đó đề xuất cho giám đốc. Giám đốc sẽ xem xét đề xuất của

ngành hàng để thực hiện xét duyệt để chọn ra nhà cung cấp tốt nhất cho Nguyễn Kim.

c. Xây dựng phân hệ phần mềm MAC

Hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim chỉ mới giải quyết được vấn đề cung cấp thông tin cũng như lập báo cáo tài chính, còn các công tác kế toán quản trị chưa được quan tâm và chú trọng đúng mực. Báo cáo kế toán quản trị còn ít và sơ sài. Chính vì vậy, tác giả đề xuất Nguyễn Kim nên thiết kế xây dựng một phân hệ phần mềm MAC (Management Accounting) – Kế toán quản trị song song bên cạnh phần mềm ACC – Quản lý tài chính.

Phân hệ phần mềm MAC có chức năng giúp công ty tổ chức các báo cáo quản trị chi phí, quan hệ với các phân hệ khác trong hệ thống, những tính năng nổi bật và vận hành các tác vụ liên quan kế toán chi phí. Phân hệ này được kế thừa thông tin đã nhập ở các phân hệ khác để thực hiện những báo cáo phân tích về doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ cũng như các thông tin về dự toán ngân sách từng kỳ, từng năm của doanh nghiệp.

Có thể khái quát các tính năng cơ bản của phân hệ phần mềm MAC như sau:

- Khai báo dự toán ngân sách hàng năm, khai báo cáo mã phí, nhóm phí;
- Cho phép liệt kê các chứng từ liên quan đến mục đích quản lý các khoản doanh thu và chi phí;
- Cho phép tổng hợp, chi tiết các khoản doanh thu, chi phí, các khoản phân bổ một cách linh hoạt theo nhiều tùy chọn khác nhau;
- Cho phép tổng hợp so sánh các khoản chi phí giữa các kỳ linh hoạt theo tháng, quý, nửa năm, năm;

- Cho phép tổng hợp so sánh theo nhiều đơn vị cơ sở. Ví dụ: Doanh thu mặt hàng A tại trung nào là cao nhất? Tại mỗi trung tâm, mặt hàng nào bán được nhiều nhất? Tại mỗi trung tâm, ngày nào trong tuần là đông khách nhất? Ngày nào trong tuần là ngày doanh thu thấp nhất?

Từ đó cho phép bố trí hình thức của báo cáo linh hoạt theo nhu cầu quản lý;

- Cung cấp các thông tin phục vụ điều hành và các báo cáo phục vụ quản trị doanh nghiệp như:

Æ Thông tin nhanh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng;

Æ Thông tin về số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền vay và các khoản sắp thu, sắp chi;

Æ Thông tin về bán hàng và công nợ phải thu;

Æ Thông tin về mua hàng và công nợ phải trả;

Æ Thông tin về hàng tồn kho;

Æ Báo cáo chi phí;

Æ Báo cáo nhân sự;

Æ Các báo cáo về tình hình thực hiện chỉ tiêu;

Æ Báo cáo phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp;

Æ Báo cáo phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và chỉ tiêu doanh số của doanh nghiệp.

Đối tượng sử dụng thông tin từ phân hệ phần mềm MAC là các nhà quản lý cấp trung và lãnh đạo công ty có nhu cầu xem các thông tin nhanh về tình

hình hoạt động kinh doanh của Nguyễn Kim, phục vụ cho việc điều hành hằng ngày.

3.2.4. Hoàn thiện kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP

Muốn kiểm soát tốt một hệ thống thông tin thì điều đầu tiên là phải tổ chức tốt hệ thống thông tin đó. Trong nội dung chương này, tác giả đã thực hiện hoàn thiện tổ chức thông tin kế toán cũng như chuẩn hóa dữ liệu, nhờ vậy giúp hạn chế tối đa sai sót đồng thời có thể kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra. Bên cạnh đó, Nguyễn Kim cũng cần phải xây dựng các quy định cụ thể trong quá trình hoàn thiện kiểm soát nội bộ thông tin kế toán như sau:

Ø Kiểm soát công tác quản lý

- Kiểm soát quá trình phân quyền để có thể truy cứu trách nhiệm từ đó đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế sai sót.
- Kiểm soát công việc của nhân viên thông qua kiểm tra sự tuân thủ của nhân viên với các chính sách đề ra.
- Phân hệ phần mềm EMS – Quản lý điều hành cho phép theo dõi quá trình xét duyệt, cũng như thể hiện ý kiến của các cá nhân xét duyệt để từ đó truy cứu trách nhiệm.
- Thực hiện sao lưu dự phòng tất cả các dữ liệu của các tập tin và phòng ban trong công ty để đề phòng sự cố do các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đồng thời, thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát việc lưu trữ dữ liệu.
- Tổ chức giám sát thường xuyên mạng máy tính để phát hiện điểm yếu về an ninh mạng, tăng cường bảo trì và sao lưu dữ liệu.

□ Kiểm soát công tác kế toán

- Hàng tháng, trong vòng 10 ngày kế toán phải hoàn tất mọi báo cáo vì số liệu sẽ được khóa trong vòng 10 ngày nên sau 10 ngày dù muốn chỉnh sửa hoặc lập báo cáo cũng không thể. Kế toán lúc này chỉ được phép theo dõi số liệu từ của tháng đó.
- Kiểm soát thông tin đầu ra trên các báo cáo thông qua công tác đối chiếu giữa kết xuất và dữ liệu nhập; chuyển giao thông tin đến đúng người sử dụng thông tin...

- Khi sai sót xảy ra thì việc điều chỉnh do ai thực hiện và thực hiện như thế nào, kế toán trưởng nên quy trách nhiệm cụ thể cho từng nhân viên.
- Thực hiện kiểm kê định kỳ để đối chiếu với thông tin về tài sản từ đó đưa ra biện pháp xử lý đối với các trường hợp thất thoát tài sản.
- Đối chiếu công nợ thường xuyên để hạn chế các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra.

3.2.5. Các giải pháp khác

Xây dựng chương trình đánh giá hệ thống ERP

Như đã nêu ở Chương 2, hệ thống phần mềm ERP tại Nguyễn Kim được xây dựng toàn bộ do nội lực nên chưa có cá nhân, tổ chức nào kiểm định tính minh bạch về mặt số liệu. Do đó, Nguyễn Kim cần xây dựng cho mình chương trình đánh giá hệ thống ERP và việc áp dụng hệ thống tại công ty.

Định kỳ hằng năm, phát phiếu điều tra lấy ý kiến của nhân viên về công tác ứng dụng hệ thống ERP qua các tiêu chí:

- Tính ổn định của hệ thống;
- Hệ thống có đáp ứng được nhu cầu về thông tin;
- Hệ thống có xử lý được các công việc;
- Hệ thống có xử lý theo đúng quy trình;
- Tính trung thực của số liệu;
- Những vấn đề còn tồn tại khi sử dụng hệ thống.

Từ đó, bộ phận IT ghi nhận các ý kiến và thực hiện cải tạo hệ thống thường xuyên khắc phục vấn đề còn tồn tại.

Xây dựng chương trình làm việc từ xa

Hệ thống phần mềm ERP là phần mềm nội bộ chỉ được phép sử dụng tại Nguyễn Kim trên hệ thống mạng máy tính của Nguyễn Kim. Chính vì vậy khi nhân viên đi công tác hoặc nghỉ phép không thể thực hiện tác nghiệp trên phần mềm. Điều này hạn chế tính linh hoạt của việc xử lý thông tin và điều hành hoạt động kinh doanh. Hiện nay, Nguyễn Kim cũng đã xây dựng chương trình này song chương trình được xây dựng trên web trong khi đó hệ thống phần mềm ERP lại chạy trên ngôn ngữ lập trình MS SQL 2008.

Do đó, một số ứng dụng không thể sử dụng và giao diện làm việc cũng khác hệ thống làm việc thông thường nên quá trình tác nghiệp khó khăn hơn.

Vì vậy, tác giả kiến nghị công ty nên tham khảo cách xây dựng chương trình REMOTE DESKTOP. Chương trình này giống như sao chép lại toàn dữ liệu

của DESKTOP (máy tính bàn) của nhân viên. Chính vì vậy, ngoài việc sử dụng ERP, nhân viên còn có thể sử dụng chương trình email nội bộ, điện thoại trực tuyến và truy cập vào cơ sở dữ liệu để lấy các thông tin cần thiết.

Việc xây dựng chương trình này cũng có tính hai mặt, một mặt giúp nhân viên linh hoạt làm việc những đồng thời cũng khó khăn trong công tác bảo mật. Chính vì vậy, khi thực hiện chương trình này Nguyễn Kim cần kiểm soát thông tin một cách chặt chẽ.

Xây dựng hệ thống ERP cho cả mảng Holding

Hiện nay, hệ thống ERP của Nguyễn Kim chỉ mới được xây dựng cho mảng Trading, còn mảng Holding vẫn còn thực hiện bởi các phần mềm riêng lẻ và kế toán thủ công. Do đó, để có thể xây dựng một hệ thống ERP toàn diện tại Nguyễn Kim, cần thiết kế ERP cho cả lĩnh vực Holding.

3.3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN THEO ĐỊNH HƯỚNG ERP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGUYỄN KIM

Hiện nay, ERP vẫn còn đang trong giai đoạn thử nghiệm tại Nguyễn Kim nên vẫn còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Với mục tiêu hoàn thiện tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện ứng dụng ERP, Nguyễn Kim cần thiết phải có một hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT đảm bảo, một đội ngũ nhân viên IT có năng lực và chuyên môn, kết hợp với đặc thù của doanh nghiệp thương mại phân phối bán lẻ.

Bên cạnh đó, để thực hiện được các giải pháp tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP như đã nêu tại Chương này, Nguyễn Kim cần thực hiện những công việc sau:

- Nâng cấp hệ thống đường truyền mạng, hệ thống mạng vẫn còn chậm đôi khi còn bị nghẽn mạng;

- Trang bị máy tính cá nhân cho các nhân viên cấp trưởng phòng trở lên để có thể thực hiện làm việc từ xa và họp trực tuyến;

- Đào tạo kiến thức về CNTT cho toàn thể nhân viên trong công ty;
- Phổ biến cho toàn thể nhân viên hiểu về ERP, bản chất ERP, cũng như chức năng và tầm quan trọng của ERP;
- Văn bản hóa các quy định, quy trình quản lý nghiệp vụ cho toàn thể nhân viên;
- Toàn thể nhân viên từ ban lãnh đạo đến nhân viên phải đồng lòng, quyết tâm cao, chấp nhận thay đổi các quy trình bất hợp lý;
- Chấp nhận chi phí đầu tư lớn để xây dựng cơ sở vật chất cũng như đào tạo nhân viên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở thực trạng tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim, tác giả đã mạnh dạn đưa ra các đề xuất của bản thân như hoàn thiện bộ máy kế toán tại các trung tâm địa phương, hoàn thiện hệ thống chứng từ, cơ sở dữ liệu và xây dựng lại bộ mã đối tượng quản lý; đồng thời hoàn thiện tổ chức thông tin theo định hướng ERP qua các quy trình quản lý, xây dựng thêm phân hệ phần mềm MAC – Kế toán quản trị,...

Với những đề xuất của tác giả, hi vọng phần nào góp vai trò hoàn thiện quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Nguyễn Kim, từ đó tạo nền tảng cho bộ máy quản lý phát huy hiệu quả và nâng cao khả năng cạnh tranh của Nguyễn Kim trên thị trường điện máy.

KẾT LUẬN

ERP là một công cụ hiệu quả giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế. Đây không chỉ là một giải pháp công nghệ mà là sự thay đổi về tư duy quản lý mới. Đây không chỉ là một giải pháp công nghệ mà là sự thay đổi tư duy quản lý mới.

Qua nghiên cứu đề tài, tác giả đã hệ thống hóa một cách rõ nét các khái niệm về hệ thống thông tin kế toán cũng như hệ thống ERP, sự khác biệt khi ứng dụng hệ thống ERP trong tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp. Đồng thời, thu thập, khảo sát các dữ liệu liên quan đến thực tế công tác tổ chức hệ thống thông tin kế toán theo định hướng ERP tại Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim. Để từ đó, đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác ứng dụng phần mềm ERP vào tổ chức hệ thống thông tin kế toán. Mong muốn thông qua đó góp phần tăng cường hiệu quả tổ chức thông tin trong Công ty, giúp ban giám đốc có được nguồn thông tin thống nhất, chính xác, kịp thời và nhanh chóng để đưa ra các quyết định quản trị hữu ích củng cố lợi thế cạnh tranh của Nguyễn Kim trên thị trường nội địa.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thế Hưng (2008), *Hệ thống thông tin kế toán*, NXB thống kê.
- [2] Nguyễn Thị Bích Liên (2012), “*Xác định và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng chất lượng thông tin kế toán trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tại các doanh nghiệp Việt Nam*”, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] PGS. TS. Trương Bá Thanh (2008), *Giáo trình kế toán quản trị*, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
- [4] TS. Nguyễn Mạnh Toàn (2011), *Hệ thống thông tin kế toán*, Nhà xuất bản tài chính.
- [5] PGS. TS Nguyễn Mạnh Toàn, Huỳnh Thị Hồng Hạnh (2010), “*Bút toán trùng và phương pháp xử lý trong các phần mềm kế toán*”, Tạp chí kế toán và kiểm toán số 87.
- [6] PGS. TS Nguyễn Mạnh Toàn, Huỳnh Thị Hồng Hạnh (2011), “*Tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện tin học hóa*”, Tạp chí kế toán và kiểm toán số 91.
- [7] Chuyên gia tư vấn FPT – ERP Vĩnh Mơ, “*Khác biệt giữa ERP và kế toán truyền thống*”, Tạp chí PC Word VN số tháng 1/2006.
- [8] Bộ Thông tin và truyền thông (2012), “*Báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin 2011*”, Nhà xuất bản thông tin và truyền thông.
- [9] Công ty cổ phần thương mại Nguyễn Kim, *Tài liệu hướng dẫn sử dụng Công nghệ thông tin*.

[10] Asustosh Deshmukh (2006), “*Digital accounting - The effects of the internet and ERP on accounting*”, USA.

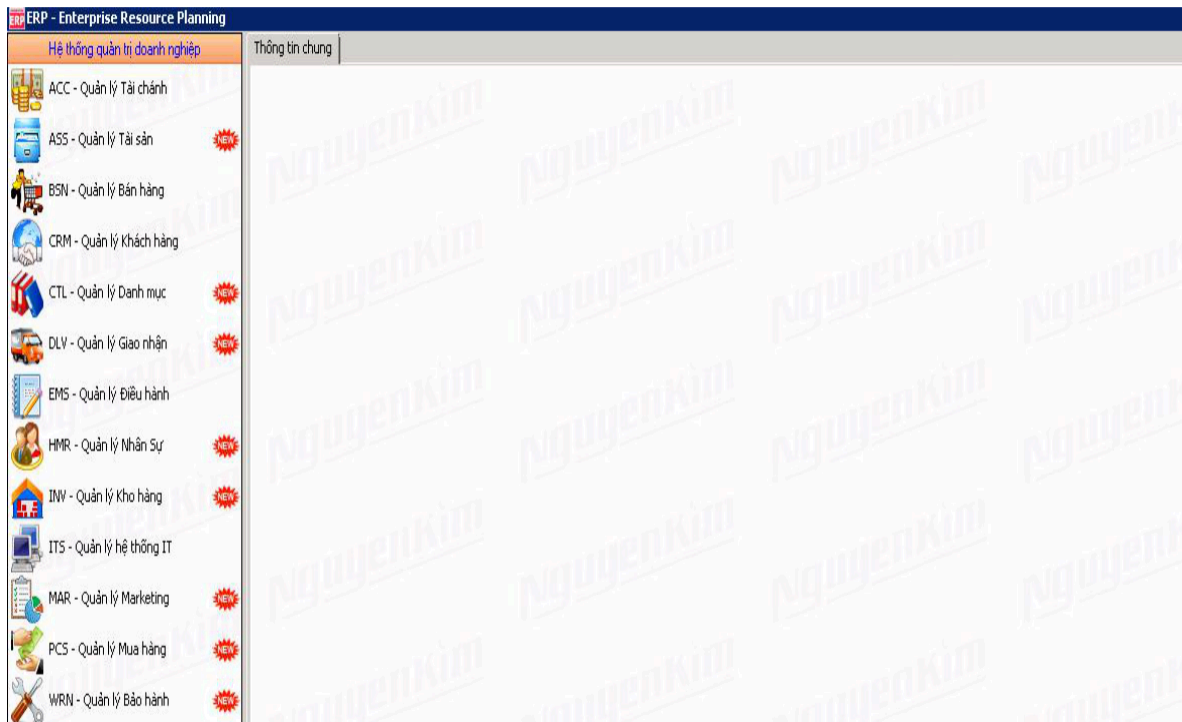
[11] <http://www.erpvietnam.wordpress.com/>

[12] <http://www.effect.com.vn/>

[13] <http://tuvancongnghe.net/erp-giai-phap-quan-tri-doanh-nghiep-tong-hop/>

PHỤ LỤC

GIAO DIỆN PHẦN MỀM ERP



PHIẾU KẾ TOÁN TRONG PHẦN MỀM ACC

ACC - Quản lý Tài chính

Hệ thống Kinh doanh Thanh toán Tổng hợp Kiểm tra Báo biểu Giúp đỡ

ACC - PHIẾU KẾ TOÁN

Dữ liệu | Lựa chọn | Thông tin

PHIẾU KẾ TOÁN
(Dữ liệu đã được xác nhận)

Vị trí: Ngày chứng từ: 14/06/2013

Số chứng từ: 20119201306000033 Loại chứng từ: Phiếu kế toán

Loại hạch toán: Phiếu kế toán 53,460,000.00

Ngày chứng từ tham chiếu: 14/06/2013 Số chứng từ tham chiếu: 20119201306000033

Số	Tài khoản nợ	Tên tài khoản	Tiền nợ	Tài khoản có	Tên tài khoản	Tiền có	M
1	1366.05	Phải thu nội bộ các khoản	53,460,000.00	7113	Thu nhập từ bảo vệ giá	53,460,000.00	

BIÊN NHẬN BÁN LẺ TRONG PHẦN MỀM BSN

BSN - DNI 13/06/2013 16:02:05 Quản lý Bán hàng

Hệ thống Mua hàng Bán hàng Báo biểu Công cụ Giúp đỡ

BSN - BIÊN NHẬN BÁN LẺ

Dữ liệu | Lựa chọn | Thông tin

Sửa giá Phiếu T/P Thẻ Khách hàng

BIÊN NHẬN BÁN LẺ Đã in: -quà 0-nhỏ 0-VAT0
01/01/1900

Chương trình	1.Khuyến mãi tháng 4-5-6/2013	Công ty	
Khách hàng		Người mua	
Tỉnh, T.Phố		Địa chỉ	
Phường-Xã		M.số thuế	Lập phiếu
Số nhà		Điện thoại	SL HD copy <input type="checkbox"/> 1
Cửa hàng	Ấm Thanh (Đà Nẵng)	Kho	DNI - Kho - Quầy VIP & CSKH (*)
Số phiếu	20021212201306000010	Ngày	14/06/2013
Giao nhận		Nơi giao	Nhà riêng
Số HD	0000001 AA1 2P	Giờ giao	14/06/2013 17.00 - 19.00
Thẻ [KH]	0 0 0	Tiền hàng	0
H. hồng NV-KH	0 0	Tiền GG	0
TT chứa VAT	0	Thành tiền	0
Đt thanh toán	000057093 KHÁCH KHÔNG THƯƠNG XUYẾN	GGNH	0
		Tổng VAT	0
		Tiền tri ân	0
		Thanh toán	0
		Còn lại	0
		In mẫu m	<input checked="" type="checkbox"/>
		Quét Barcod	

Hệ giao lại: 03/05/13 16:00

NV.BH	Tên NV.BH	Mã NV	Tên NV	Tên hàng	Loại	Đvt	SL	Đơn giá	T
						Cái	0	0	0